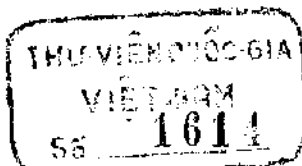


HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

Luận Văn Tốt Nghiệp

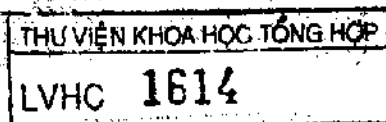


SỰ TẬP HỢP CÁC LỰC-LƯỢNG CHÍNH-TRỊ DƯỚI THỜI ĐỆ NHỊ V.N.C.H.

Giáo sư hướng dẫn :

NGUYỄN-MẠNH-HÙNG

Tiến Sĩ Chính Trị Học



Sinh viên : **HOA - THẾ - NHÂN**

BAN CAO HỌC HÀNH CHÍNH

KHÓA V

1969 - 1971

« HOC VIEN QUOC GIA HANH CHANH »

không tán-thành cũng không phản-đối những ý-
kiến phát-biểu trong Luận-văn. Những ý-kiến đó
do tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm ».

Thành-tinh Quy-ân

Giáo-sư NGUYỄN-MẠNH-HÙNG
Tiến-Sĩ Chính-Trị-Học

*Đã tận tình hướng dẫn chúng tôi hoàn thành
đề tài luận văn này.*

Thành-kính nhờ an:

- Giáo-sư VIỆN-TRƯỞNG
- Giáo-sư PHÓ VIỆN-TRƯỞNG
- Quý-vị Giáo-sư trong Ban Giảng-huấn lớp
Cao-học Hành-chánh khoá V Học-viện
Quốc-gia Hành-chánh.

*Đã tận tình dẫn dắt chúng tôi
suốt học trình 1969-1971.*

Quân thành Cảm tạ Quý Ông

- CHỦ SỰ Phòng Hiệp Hội Bộ Nội Vụ
- MINH NHẬT Chủ Nhiệm Tổng Bộ Tuyên Huấn
Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến
- ĐỖ NHƯ THÂN Chánh Văn Phòng Tổng Thư Ký
Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến
- DƯƠNG HỒNG DUYỆT Ủy viên Trung Ương
Mặt Trận Nhân Dân Cứu Nguy Dân Tộc
- NGÔ THANH ĐỒNG Ủy viên Thường Vụ
Lực Lượng Tự Do Dân Chủ
- BÙI XUÂN GIAO Ủy viên Báo Chí
Mặt trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội

*Đã giúp đỡ tài liệu cho chúng tôi
hoàn thành Luận văn này.*

Cha gia đình tôi

Kính tặng Mẹ

đã vất vả suốt đời nuôi con.

- CHÚ HUYNH THẾ VINH

- DƯƠNG ĐỒ NHƯ THÂN

Khuyến khích cháu tiến mau

trên đường học hỏi

Em LAM GIỮ MẸ

mang đây hình ảnh em trong

sự hoàn thành tri thức.

MỤC LỤC

	TRANG
<u>PHẦN DẪN NHẬP</u>	1
<u>PHẦN THỨ NHẤT</u> : CHÁNH ĐẢNG : THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU TẬP HỢP	8
<u>CHƯƠNG I</u> : NHẬN ĐỊNH SINH HOẠT CHÍNH TRỊ TỪ NĂM 1963 ĐẾN NAY	10
<u>ĐOẠN I</u> : VỀ PHƯƠNG DIỆN HOẠT ĐỘNG	10
I /- Đa Đảng và Phân Hoá	10
II /- Địa bàn hoạt động chật hẹp	15
<u>ĐOẠN II</u> : VỀ PHƯƠNG DIỆN TỔ CHỨC	16
I /- Lông lẻo, thiếu tinh thần kỹ luật	16
II /- Thiếu cán bộ, không có tổ chức ở hạ tầng cơ sở	17
<u>ĐOẠN III</u> : VỀ PHƯƠNG DIỆN THỦ THUYẾT	19
<u>ĐOẠN IV</u> : VỀ PHƯƠNG DIỆN LÃNH ĐẠO	21
<u>CHƯƠNG II</u> : NHU CẦU TẬP HỢP	24
<u>ĐOẠN I</u> : ỔN CỐ VÀ SỐNG ĐỘNG HOÁ KHUNG CẢNH SINH HOẠT CHÍNH TRỊ	25
<u>ĐOẠN II</u> : THỰC THI DÂN CHỦ	27
<u>ĐOẠN III</u> : ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ	31
<u>PHẦN THỨ HAI</u> : PHÂN TÍCH SỰ TẬP HỢP CHÍNH TRỊ DƯỚI THỜI ĐỀ NGHỊ V.N.C.H.	36
<u>CHƯƠNG I</u> : VI ĐỘ XÂY DỰNG MỘT KHUNG CẢNH PHÁP LÝ CẦN THIẾT CHO SỰ TẬP HỢP	38
<u>ĐOẠN I</u> : HIẾN PHÁP NGÀY 1-4-1967	38

<u>ĐOẠN II</u>	: LUẬT BẦU CỬ NAM 1967 VÀ NAM 1970	40
<u>ĐOẠN III</u>	: LUẬT SỐ 009/69 ÁN ĐỊNH QUY CHẾ CHÍNH ĐẢNG VÀ ĐỐI LẬP CHÍNH TRỊ	41
<u>CHƯƠNG II</u>	: CÁC TẬP HỢP TỪ NAM 1967	46
<u>ĐOẠN I</u>	: MẶT TRẬN QUỐC GIA DÂN CHỦ XÃ HỘI	47
	A.- Phân tích các văn kiện chuẩn bị	47
	B.- Thành phần tổ chức và hoạt động của Mặt Trận	51
<u>ĐOẠN II</u>	: CÁC TẬP HỢP KHÁC	54
	A.- Mặt Trận Nhân Dân Cứu Nguy Dân Tộc	55
	B.- Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến	56
	C.- Lực Lượng Dân Tộc Việt	59
	D.- Liên Minh Dân Tộc Cách Mạng Xã Hội	59
	E.- Ủy Ban phối hợp hành động các Chính Đảng	60
<u>CHƯƠNG III</u>	: NHẬN ĐỊNH VỀ PHONG TRÀO TẬP HỢP CHÍNH TRỊ TỪ NAM 1967	61
<u>ĐOẠN I</u>	: NHẬN ĐỊNH VỀ CÁC TẬP HỢP	61
	A.- Mặt Trận Chính Quyền	61
	B.- Các tập hợp khác	65
<u>ĐOẠN II</u>	: CÁC NGUYÊN DO THẤT BẠI CỦA PHONG TRÀO TẬP HỢP CHÍNH TRỊ	65
<u>PHẦN THỨ BA</u>	: THỬ TÌM MÔ THỨC TẬP HỢP CHO V.N.G.H.	70
<u>CHƯƠNG I</u>	: NHÌN QUA VÀI MÔ THỨC ĐIỂN HÌNH	70
<u>ĐOẠN I</u>	: MÔ THỨC LƯƠNG ĐẢNG CỦA ANH VÀ HOA KỲ	71
	A.- Lịch sử chính trị Anh và Hoa Kỳ	71
	I.- Anh Quốc	71
	II.- Hoa Kỳ	73
	B.- Các yếu tố cấu thành mô thức lương đảng Anh - Hoa Kỳ	74

<u>ĐOẠN II</u> :	MÔ THỨC TẬP HỢP CHÍNH TRỊ CỦA ĐẠI HÀN	78
A.-	Lịch sử chính trị Đại Hàn từ 1960 về sau	78
B.-	Các yếu tố trong mô thức tập hợp chính trị của Đại Hàn	80
<u>CHƯƠNG II</u> :	MÔ THỨC TẬP HỢP CÓ THỂ ÁP DỤNG TRONG HIỆN TRẠNG CHÍNH TRỊ V.N.C.H.	83
<u>ĐOẠN I</u> :	CAN BẢN TẬP HỢP : TÔN GIÁO	88
A.-	Tại sao tôn giáo là 1 căn bản tập hợp	88
B.-	Phương thức áp dụng	89
<u>ĐOẠN II</u> :	CAN BẢN TẬP HỢP : Ý THỨC HỆ	93
<u>PHẦN KẾT LUẬN</u>	96
<u>TÀI LIỆU THAM KHẢO</u>	106

PHÂN DẪN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Ngay nay, danh-từ phát-triển có một hấp-lực mạnh mẽ đối với đa-số dân-chúng các quốc-gia trong vùng chậm-tiến và quan-niệm hiện-dại nhất về phát-triển không phải là chỉ nghĩ đến tài-nguyên nhân-lực, khả năng sản-xuất, gia-tăng lợi-tức mà cần phải có một quan-niệm phát-triển toàn-diện về mọi mặt kinh-tế, chính-trị, văn-hóa giáo-duc, xã-hội, thanh-niên v.v... John Kenneth Galbraith trong tác-phẩm "Economic Development in Perspective" cho rằng sự ại-thiện hệ-thống chính-trị, hành-chánh, giáo-duc công-bằng xã-hội v.v... nhiều khi quan-trọng và có tính-cách tiên-quyết hơn là cấu-tạo tư-bản trong công cuộc phát-triển kinh-tế tại các quốc-gia chậm-tiến, nhất là tại các quốc-gia mà công-kuộc phát-triển còn phối-thai.

Hiển-nhiên rằng, với một sinh-hoạt chính-trị ổn-dịnh với những định-chế dân-chủ hoàn-hảo với một hệ-thống giáo-duc tân-tiến, đầy đủ, trình-độ dân-trí khả-quan cơ-cấu xã-hội ổn cố, thì mỗi hy-vọng tiến đến một nền kinh-tế tốt đẹp không xa lắm, vì một hệ-lụy chặt chẽ giữa các yếu-tố căn bản trong đời sống quốc-gia như nói trên, ngày nay khi đo lường mức-độ phát-triển, người ta không chỉ căn-cứ vào những con số dân-chúng cho sản-ngách quốc-gia mà hệ-số phát-triển phải tính gồm cả các yếu-tố phi kinh-tế đã nói. Tại Nam-Mỹ, nơi mà tài-nguyên phong-phú, sản-lượng và lợi-tức quốc-gia tăng đều nhưng cho đến nay, định-chế dân-chủ chưa hoàn-hảo, xã-hội hỗn-dộn, hệ-thống chính-trị quá bất-ôn, mỗi bận tâm của các nhà-lãnh-đạo về khủng-hoảng, an-ninh trật-tự, còn quá lớn thì giờ đầu chú tâm vào việc thăng tiến đời sống dân-chúng.

Ở Á-Phi cũng vậy, sau thế-chiến thứ hai, sinh-hoạt

chính-trị đã biểu tỏ một sắc thái bất ổn triền miên, những cuộc đảo-chính tiếp nối xảy ra, Hiến-pháp nay dựng mai đổ, nhiều chính-phủ chỉ sống được vài ngày, cho nên các chính-sách, các chương-trình canhtân xãhội, hoặc đã không hoạch-dịnh, hoặc chỉ thực-hiện một cách dangdờ lảm các quốc-gia vùng này cứ mãi lan-quần trong vòng chậm tiến, vì vậy sinh-hoạt chính-trị ở đây là điều mongmỏi của các nhà lãnhđạo cũng như của dânchúng tại đây. Ở Việt-Nam, vấn đề ổnđịnh sinhhoạt chính-trị vẫn là mối lưu-tâm quan-yếu của mọi người, nóiđến sinh-hoạt chính-trị tức là nói đến vai trò của các lực lượng chính-trị từ trước đến giờ vẫn chưa đăm nhận trọn vẹn vai-trò của nó.

Nhìn lại quá-trình lịch-sử chính-trị của Việt-Namchúng ta có thể thấy được nguyên-do.

Thời Pháp thuộc các đơanthờ chính-trị xuất-hiệntho theo nhu cầu giảiphóng dân tộc thoátkhỏi sự đôhộ của thựcdân Pháp, trong sự kìm kẹp của chínhquyền thuộcđịa, các đăngphái phải hoạt-dộng trong vòng bí mật, và dânchúng thường gọi là các "hội kín" đã nói lên những nỗi khókhăn của các đăng phái khi hoạt-dộng.

Đến thời độc lập, người ta tưởng chừng chínhquyền thời Đệ nhất Cộng-Hoà sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các lực lượng chính-trị hoạt động, nhưng chính quyền lại áp dụng chế độ độc đăng mà họ cho là hữu hiệu trong việc đối phó với Cộng-sản, nên sinhhoạt chính-trị thời này mang sắc thái "ổn cố bất bình thường". Lúc bấy giờ, trên chínhtrường chỉ còn có hai tổ chức hoạt-dộng mạnh mẽ được chínhquyền chấp nhận là Phong-Trào Cách-Mạng Quốc-Gia và đăng Cần-Lao Nhân-Vi, nhưng thật ra đăng Cần-Lao mới đích thực là đăng chínhquyền quitừ các phần tử trung kiên của chế độ, chiếm những địa vị then-chốt trong quânđội và bộ máy hànhchánh, còn Phong-Trào Cách-Mạng Quốc-Gia chỉ là một tổ chức nói, ngoại vi để hỗ trợ cho chính quyền về mặt chống Cộng mà thôi.

Chínhquyền thời Đệ nhất cộnghoà vẫn giữ lại dự số 10 ngày 6.8.1950, quiđịnh thể lệ lập hội, từ đời thựcdân Pháp để lại, nhằm hạn chế sự hoạt-dộng của các đăngphái, và dù đã sửa

đổi lại vài chi-tiết bởi các dụ ngày 11.11.1952 và 3.4.1954 cũng vẫn chỉ để kiểm soát hoạt-động các hội đoàn cho chặt chẽ mà thôi vì thế trong thời này các đoàn thể chính trị vẫn phải hoạt động âm thầm nếu có.

Sau ngày Cách mạng 1.11.63 các đảng phái vẫn chưa bình thường hoá hoạt động, do đó các đoàn thể quyền lợi, áp lực đã chiếm lấy vai trò chính trị của các chánh đảng, và hoạt động quá tích cực, tạo thành một khung cảnh hỗn loạn, rối rắm trên chính trường, uy quyền quốc gia khủng hoảng, kỷ-luật xã hội bị (1) xáo trộn, tranh chấp được giải quyết bằng gậy gộc đao búa không-khí nghi kỵ thù hận bao trùm từng nhà, từng khu phố phố giữa các tôn-giáo, các đoàn thể, các chính-trị gia v.v...

Tình trạng khủng hoảng sinh hoạt chính trị đó, đơn hiệu yếu tố mà việc thiếu 1 khung cảnh pháp lý thuận tiện tạo khởi cho các đảng phái hoạt động là yếu tố chính. Vì thế trong khi đứng nên bản Hiến pháp nền đệ nhị Việt-Nam Cộng-Hòa, các nhà lập hiến đã luật tâm rất nhiều đến việc định chế hoá sinh hoạt đảng-phái và đổi-lập. Sự luật tâm của các nhà lập hiến đã thể-hiện qua các điều 99, 100, 101, 102 ở chương VII nói về chính đảng và đổi lập chính trị trong bản Hiến pháp ngày 1.4.61. Sau đó năm 1969, chính phủ đã ban hành luật số 009/69 ngày 19.6.1969 ấn định quy chế chính đảng và đổi lập chính trị, để định chế hoá 1 sinh hoạt tối cần thiết cho sự tồn vong của quốc gia.

Qua các văn kiện pháp lý trên, vấn đề ổn-định chính trị còn được các nhà làm luật chi tiết rõ ràng hơn nữa ở điều 100 "Quốc gia khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng". Dù luận các chính-trị gia, các luật gia, lanhtu các đảng phái đều đồng ý với nhau chế độ lưỡng đảng là mô thức tốt nhất để ổn-định hoá sinh hoạt chính trị. Vì lẽ rằng, qua hình ảnh của Hoa-Kỳ và Anh-quốc, hai quốc-gia có truyền thống và trình độ dân-

(1) Các cuộc tranh-chấp giữa các tín-đồ Phật-giáo, Công-giáo tại Trường Cao-Thắng, Chợ Trần-Quốc-Toàn, Ngã-Sầu Công Trường Dân-Chủ, Trường Nguyễn-Bá-Tòng v.v... năm 1964.

chủ tốt bụng, người ta thấy sinh hoạt chính trị của họ trên thực tế với hai đảng lớn, một đảng nắm chính quyền và một đảng đối lập. Ở Anh-Quốc lúc đầu có hai đảng Tự-Do, Bảo-Thủ thay nhau kế tục chính quyền, nhưng đến năm 1906 một số người trong đảng Tự-Do đã tách ra lập đảng Lao-Động và từ năm 1923 tới nay lưỡng đảng ở Anh là Bảo-Thủ và Lao-Động.

Tại Hoa-Kỳ thì mầm móng lưỡng đảng bắt đầu thành hình khi hai vị Bộ Trưởng trong Chính phủ Washington xung khắc nhau về một số vấn đề, đó là hai ông Hamilton và Jefferson, sau đó đến năm 1886, có hai đảng danh rõ rệt, một bên là Cộng-Hoà do Jefferson lãnh đạo và một bên là Dân-Chủ do Jackson lãnh đạo. Từ đó hai đảng đã thay phiên nhau cầm quyền chính-trị ở Hoa-Kỳ cho đến nay.

Ngoài Hoa-Kỳ và Anh-Quốc sự tập hợp chính trị cũng thành công ở Đại-Hàn, tại quốc-gia này sau ngày Tổng-Thống Lý-Thừa Văn bị lật đổ các đảng phái và đoàn thể áp lực cũng ào ào hòng tập như Việt-Nam vào năm 1963, với khoảng 40 đảng, nhưng các nhà lập hiến Đại-Hàn đã cố-gắng áp dụng chế-độ tự-do hạn chế nhằm giới hạn bớt tổng-số chính đảng, một phần khác cũng nhờ ý-thức của các chính trị gia và nhất là của chính quyền đương-hữu vì thế chính trường Hàn Quốc hiện tại trở nên ổn định và tình trạng đa đảng đã thu về thành một hệ thống Tam đảng mạnh mẽ với :

- Đảng dân chủ Cộng-Hoà : tức đảng nắm chính quyền do Tổng-Thống Pak-Chung-Hy lãnh đạo.

- Đảng Tân Dân (Simmin) : do cựu Tổng thống Yun-Po - Sun đứng đầu.

- Đảng Dân-chủ : do cựu Thủ-tướng Chang Myon lãnh đạo.

Việt-Nam chúng ta, hiện tượng phân hoá đảng phái quá trầm trọng. Sau ngày cách mạng có tới 50 đảng, với 5 đảng có nghị-định cho phép hoạt-động trước ngày cách mạng vẫn còn hiệu-lực hoạt-động và 45 đảng có khai báo theo thông-cáo ngày 28.1.64. (2)

(2) Tài-liệu của Bộ Nội-Vụ, Phòng Chính-trị và Hiệp hội.

Thời đệ nhị Cộng-hoà với Hiến pháp 1.4.67 và luật số 09/69 thì hiện tại có 15 đảng được hợp thức hoá (3), nhưng hiện số đảng hoạt-động không chính thức vẫn còn nhiều cử mười người quy tụ quanh vài vị có tên tuổi chút ít là có thể thành 1 đảng với tuyên ngôn, cương lĩnh v.v....

Chính hiện tượng này đã làm vấn-đề tập hợp chính trị trở nên khó khăn, các trở ngại có thể nhìn thấy được là :

- Về kỹ thuật tức khung cảnh pháp lý
- Về tâm lý tức thái độ của các lãnh tụ chính trị và thái-độ của chính quyền.

Trở ngại kỹ thuật thì hiến pháp và luật số 009/69 đã sửa soạn một khung cảnh pháp lý khá thuận tiện, chỉ còn trở ngại Tâm lý là quá lớn lao, nhưng dù thế không có nghĩa là không thể nào san bằng được nhất là khi các chính-trị gia cũng như các lãnh tụ các lực lượng chính trị lớn mà chúng tôi đã có dịp phỏng vấn như quý ông Phạm Thái (VN QDD), Nghị sĩ Hoàng-Xuân-Tâm (Đại-Việt Cách Mạng), Giáo-sư Nguyễn Ngọc Huy (PTQGCT), ông Nguyễn-Bá-Cẩn (Công Nông) ông Lê-Phước-Sang (Phật giáo Hoà hảo), ông Nguyễn-Gia-Hiến (LLĐĐK) v.v. đều đã đồng ý rằng các đảng phái đoàn thể chính trị nên tập hợp lại thành vài lực lượng lớn hơn là như hiện nay, để sinh hoạt chính-trị hữu hiệu và đáp ứng được nhu-cầu tình-thế đất nước. Như vậy từ sự đồng ý đó của các lãnh-tụ chính trị thì vấn-đề tập hợp chỉ còn là thời-gian.

Trong phạm-vi đề tài, sự nghiên-cứu của chúng tôi chỉ có một kỳ vọng nhỏ là trình bày lại thực trạng hoạt-động của các lực lượng chính trị ở thời Đệ Nhị Việt Nam Cộng-Hoà như cầu tập hợp cần ích cho đất nước,

nước, những khó khăn cũng như triển vọng về một sự tập hợp trong tương-lai, từ đó hy vọng rằng có thể các chính-trị gia sẽ lưu tâm hơn đối với vấn-đề kết-hợp các lực lượng quân-chúng lại hầu chuẩn-bị sẵn sàng cho một cuộc đấu tranh chính trị cam go sắp tới với một địch thủ nguy hiểm là Cộng Sản nếu giải-pháp chấm dứt chiến tranh xảy ra.

(3) Tài liệu Bộ Nội-vụ, Phòng Chính trị và Hiệp Hội.

Đề tài mà chúng tôi nghiên cứu là "sự tập hợp các lực lượng chính trị dưới thời Đế Nhị Việt-Nam Cộng-Hòa". Nếu phân tích ra thì các lực lượng chính-trị gồm hai loại:

- Các chính đảng
- Các đoàn thể áp lực.

- Nếu xét theo khía cạnh mục tiêu thì chính đảng có thể hiểu là tổ-chức có mục đích chiếm đoạt chính quyền và hành xử chính quyền một cách hợp pháp để thực hiện một chính-kiến nào đó.

- Và các đoàn thể áp lực là các tổ chức cố gắng dùng đủ mọi phương-tiện ảnh hưởng đến chính quyền hoặc gián tiếp hoặc trực-tiếp để bảo-vệ, thoả mãn quyền lợi của các người gia nhập (4).

Ở Việt-Nam thì các đoàn thể áp lực là các tổ chức Nghiệp-đoàn, Tôn giáo, sinh viên học sinh, Quân đội, các-nhóm quyền lợi, Hiệp hội v.v...

Vì tính cách bao quát của đề tài nên chúng tôi xin phép giới hạn cuộc nghiên-cứu vào sự tập hợp các đảng phái chính trị mà thôi, bởi vì sự nghiên-cứu các đoàn thể áp lực theo khía cạnh tập hợp của đề tài rất khó, phần thì không có tài liệu, phần thì sự hoạt-động của họ chỉ có tính cách nhất thời tùy theo thời cơ chính trị, hơn nữa sự đảm-nhận vai-trò chính trị tích cực của các đoàn thể áp lực là một hiện tượng bất thường, phải xem như nó xuất hiện có tính cách phụ túc và phi chính thức trong sinh hoạt chính-trị ở giai-đoạn nào đó khi hệ thống đảng phái chưa vững vàng hữu hiệu để tránh bị phương-hại đến uy-quyền quốc-gia, xâm phạm đến kỷ-luật xã-hội.

G. Burdeau cũng đã bày tỏ mối quan-tâm của ông về sự bất thường của loại đoàn thể áp lực như sau "Điều bất

(4) R.W. Brewster "Government in modern society" 1958 - p. 198.

thường đối với các đoàn thể áp lực không phải là con số của chúng, không phải là phương tiện và sự ích kỷ của mục tiêu mà là sự tiêu dần quyền lực của quốc-gia" (5).

Như vậy, chúng tôi sẽ nghiên-cứu đề-tài ở loại chính đảng và chia sự nghiên-cứu ra làm 3 phần :

PHẦN I. CHÁNH ĐẢNG :
THỰC-TRẠNG và NHU-CẦU TẬP-HỢP

PHẦN II. PHÂN TÍCH SỰ HÌNH THÀNH CÁC TẬP HỢP CHÍNH ĐẢNG DƯỚI THỜI ĐỆ NHỊ VIỆT NAM CỘNG HÒA.

PHẦN III. MÔ THỨC TẬP HỢP CÓ THỂ ÁP DỤNG CHO HIỆN - TÌNH CHÍNH-TRỊ VNCH.



(5) G. Burdeau - Traité Science Politique - quyển VII, trang 138 "Ce qui fait alors l'anormalité des groupes de pression ce n'est pas leur nombre, leur moyen, ou l'égoïsme que traduit leur objectif, c'est l'évanescence du pouvoir étatique"

PHẦN THỨ NHẤT

CHÍNH ĐẢNG : THỰC TRẠNG & NHU CẦU TẬP HỢP

Nhự đã nhận định trong phần dẫn nhập, sự ổn định chính-trị là một yếu tố tối cần thiết trong việc phát triển quốc gia. Nhưng nhìn qua sinh hoạt chính trị nước nhà trong những năm gần đây (sau ngày Cách mạng) chúng ta đã thấy gì ?

Trước hết sinh hoạt chính trị đã không đáp ứng được ước vọng của quần chúng. Sau ngày Cách mạng - nhiệt tình của dân chúng lên cao, ai cũng mong mỗi rồi ra, đời sống họ sẽ dễ thở, họ sẽ tham gia tích cực vào mọi sinh hoạt chung của quốc gia v.v... nhưng từ tình trạng ngột thở của một chế độ độc tài họ nhảy sang một tình trạng tự do quá trớn, hỗn loạn chưa từng thấy lúc đó lẽ ra các chính đảng phải ý thức vai trò, đứng ra đảm đương việc điều hướng sinh hoạt chính trị, nhưng vì thực lực không có, tổ-chức rời rạc, nên chỉ theo đuổi những đoàn thể áp lực để hoạt động nhằm vào các chức vụ Thủ-tướng, Tổng trưởng v.v... thế nên để sinh ra chia rẽ phân hoá.

Vì hoạt động của các chính đảng không đáp ứng được ước vọng của dân chúng nên từ đó không có đảng nào tạo được hậu thuẫn sâu rộng trong quần chúng, huyền thoại cách-mạng bị đổ vỡ, hơn nữa lại thiếu một chủ thuyết hấp dẫn lôi cuốn làm dân chúng càng chán ngán không thích tham gia vào đời sống chính trị quốc-gia.

Tuy nhiên đó là những nhận-dịnh tổng-quát. Muốn nhìn

rõ thực trạng hoạt động chính trị của các đảng phái chúng tôi sẽ khảo sát vấn đề ở bốn khía cạnh. Hoạt-dộng, Tổ-chức Chủ-thuyết, lãnh đạo và lãnh tụ.

Từ những nhận-dịnh chân xác về thực trạng sinh hoạt chính-trị đó, chúng ta mới thấy rõ được sự kết-hợp các lực lượng chính trị là điều cần thiết cho sự vững bền của Việt Nam Cộng-Hoa.

Chương Một
**NHẬN ĐỊNH SINH HOẠT CHÍNH TRỊ
TỪ NĂM 1963 ĐẾN NAY**

Đoạn I : VỀ PHƯƠNG-DIỆN HOẠT-ĐỘNG.

Trên chính-trường nơi mà các đảng-phái hoạt-động, chúng ta thấy các đặc-điểm sau đây :

I. - ĐA ĐẢNG và PHÂN-HÓA. -

Điều sai-lầm của nền Đệ Nhất Cộng-Hòa là thiếu vắng một đảng đối-lập trên chính-trường nên sau khi chế độ cũ của Tổng-Thống Ngô-Dinh-Diệm bị lật-đổ không có một đoàn thể đảng-phái nào đủ lực để kế tục và hành-xử Chính-quyền nên đã bày ra một khoảng trống chính-trị quá lớn. Ngoài các đảng kỳ cựu lâu đời như Đại-Việt, Việt-Nam Quốc-Dân Đảng, Dân Xã - Đảng, Đảng Dân-Chủ Xã-Hội v.v... một số các đoàn thể chính-trị khác mọc ra như nấm. Theo tài liệu của Bộ Nội-Vụ các các đoàn thể chính-trị mới được thành lập trong khoảng 1964-1967 căn-cứ theo thông-cáo ngày 28.1.1964 tính đến tháng 5 năm 1964 có 33 đoàn thể sau đây đã được cấp biên-nhận hoạt-động trong vòng hợp-pháp :

1. - Mặt trận Nhân-dân Cứu-quốc
2. - Đảng Dân-Chủ
3. - Tổ-Chức toàn-quốc Cách-Mạng Quốc-Gia
4. - Mặt Trận Tranh đấu tự-do
5. - Thanh Niên Dân-Chủ Việt-Nam
6. - Việt-Nam Quốc Dân Đảng
7. - Mặt-trận quốc-gia Liên-Hiệp.

8. - Phong-trào Bình-dân
9. - Hội Cứu quân-nhân yêu nước
10. - Phong-trào Thanh-niên Cách-mạng Tiên-phong
11. - Khôi Dân-Chủ
12. - Tập-đoàn Cứu chiến-sĩ Hoà-Hảo Dân Xã
13. - Khôi Xã-Hội Dân-Chủ
14. - Quốc-Chính Đại Hiệp Đoàn.
15. - Mặt-Trận Dân-tộc tự quyết
16. - Lực lượng Quốc-Gia Thống Nhất
17. - Liên-Minh Dân-Chủ
18. - Tập-đoàn Quốc-Gia Dân-Chủ.
19. - Liên-Minh Á-Châu Chống cộng Chi hội Á-Châu.
20. - Đảng Quốc Dân Liên-Hiệp
21. - Lực-Lượng Bảo-vệ Tự-do
22. - Lực lượng Thanh niên Cách-Mạng Thống Nhất
23. - Lực Lượng Đại đoàn kết
24. - Mặt Trận Lý tưởng Hữu thân Việt-Nam
25. - Lực lượng Liên-Hiệp Quốc-Dân Cách Mạng
26. - Lực-lượng Thanh-niên Cách-Mạng Việt-Nam.
27. - Đảng Dân-Chủ Thiên-Chúa Giáo.
28. - Mặt Trận Quốc-Gia Cứu-Quốc
29. - Phong-trào phục-Hưng Miền Nam
30. - Chiến-đoàn nhân-vân
31. - Lực-lượng Công-dân Việt-Nam Di-Cư.
32. - Hội Cứu Chiến-sĩ Cao-đại và Liên-Minh.
33. - Khôi Đoàn-kết dân-tộc thiểu-số Việt-Nam.

Ngoài các tổ-chức có khai-báo và được cấp biên-nhận hoạt-động còn 24 đoàn-thể chính-trị được xếp vào loại có khai báo theo thông-cáo ngày 28.1.1964 của Bộ Nội-Vụ nhưng chưa được cấp biên-nhận.

Như vậy tổng-cộng vừa các đoàn thể có khai báo được cấp biên nhận và không được cấp biên nhận là 57 đoàn thể chính trị thêm một số tổ-chức chính-trị hoạt-động bất hợp-pháp gồm các đoàn thể mà sự hiện-diện chỉ căn cứ trên biểu-ngữ truyền-đơn, khẩu-hiệu và các đoàn thể kỹ-cụu nhưng chưa công khai hoá hoạt-động. Theo tài-liệu của sở kiểm soát thuộc Tổng Bộ An-Ninh lúc bấy giờ có 168 đoàn thể thuộc loại bất hợp pháp.

Với con số cả 2 loại gần 200 tổ-chức chính trị, hoạt động qua chính trường Việt-Nam lúc bấy giờ thật hỗn loạn.

Hiện-tượng đa đảng trên chính trường lúc bấy giờ do hệ luận của 2 yếu-tố, thứ nhất thiếu một căn-bản pháp-lý qui định việc lập đảng nghĩa là thiếu định-chế hoá sinh hoạt chính-trị, thứ hai là sự phân-hoá.

Sự phân-hoá đã tới mức độ tốt cùng trong xã-hội bấy giờ ở bất cứ đoàn thể tổ-chức nào dù chính trị hay phi chính trị, như Phật-giáo vừa thống nhất được vào năm 1964 (1) thì lại chia ra làm Khối Chùa Xá-Lợi với Hội Phật-Học Nam-Việt, rồi Việt-Nam Quốc-Tự, Ấn-Quang, Miền Vĩnh-Nghiêm.

Khối Công-giáo chính-trị cũng chia ra quá-khích ôn hoà như Lục-lượng Đại-đoàn Kết, Công-giáo Tiến Hành, Mặt-Trận Công-Dân Công-Giáo v.v...

Về các đảng-phái chính trị thì hiện-tượng phân hoá càng sâu đậm hơn nữa, những ví-dụ điển hình cho thấy :

1. - Việt-Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD) đảng cách-mạng kỳ-cựu này chia ra làm 10 hệ-phái trong thời-kỳ đó :

- VNQDD Trung-Uương cải-tiến
- VNQDD Trung-ương Lâm thời
- VNQDD Thống-nhất
- VNQDD Chủ-lực
- VNQDD Tân-chính
- VNQDD Xứ Bộ Miền Bắc
- VNQDD Xứ bộ miền Trung
- VNQDD Xứ bộ miền Nam
- VNQDD Biệt-bộ Nguyễn-Tường-Tam
- VNQDD Liên-Tỉnh Miền Trung

(1) Hiến-Chương của Phật-Giáo Việt-Nam Thống Nhất ra đời ngày 4.1.64 được ban-hành bởi sắc-lệnh của Chính-phủ số 158/SL/CT ngày 14.5.1964.

2.- Đại Việt Quốc Dân Đảng : Đảng này cũng phân hóa ra thành 5 hệ phái :

- Tân Đại Việt (Nguyễn Tôn Hoàn, Phan Thông Thẻo, Nguyễn Ngọc Huy)
- Đại Việt cách mạng (Hà Thủ Khoa Ký, Hoàng Xuân Tú)
- Đại Việt nguyên thủy (Trần Văn Xuân)
- Đại Việt quan lại (Phan Huy Quát, Đặng Văn Sung)
- Đại Việt thống nhất (Nguyễn Đình Luyện)

3.- Một đảng thuộc loại có thực lực hoạt động mạnh ở Miền Tây là Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng gọi tắt là Dân Xã Đảng, cũng phân hóa thành 3 nhánh :

- Việt Nam Dân Chủ Xã Hội đảng (Trình Quốc Khánh)
- Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng (Phan Bá Cầm)
- Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng (Trương Kim Cù)

Xem 3 thí dụ điển hình trên quả sự phân hóa này nánhệ thống đảng phái, còn tệ hại hơn nữa các lãnh tụ các hệ phái lại tố cáo, phủ nhận, khai trừ lẫn nhau làm dân chúng hoang mang, chán ngán.

Hiện tượng phân hóa và một chính trường đa đảng hỗn-loạn có thể giải thích bằng nhiều nguyên nhân.

1.- Hậu quả tất yếu sau thời kỳ chuyên chế : Các xu hướng chính trị bị dồn ép lâu ngày được dịp cởi mở thì nó bùng ra. Nhiều đoàn thể nhất là giới trí thức lâu năm bị cấm hoạt động chính trị khi được tự do thường khao khát vùng vẫy trên chính trường.

2.- Chính sách của nhà cầm quyền : Ở thời Pháp thuộc các đảng hoạt động thật khó khăn. Nhà cầm quyền thuộc địa đã áp dụng chế độ Cảnh sát trị, lưu tâm theo dõi bất cứ sát hại những người lập đảng chống lại chính quyền. Do đó các đảng phải chọn lọc đảng viên kỹ càng và hoạt động bí mật trong bóng tối, vì vậy những người cùng chung đường lối mục đích tranh đấu, không biết rõ nhau và kết hợp nhau thành một khối mà phân tán thành nhiều nhóm không liên lạc nhau, lắm khi ngờ vực nghi kỵ lẫn nhau.

Dưới thời đệ I Cộng Hòa cũng vậy, chế độ mật vụ và không chấp nhận đôi lập đã làm các đảng phái phải áp dụng lối tổ chức tiêu tố, chỉ bộ chỉ có liên lạc hàng dọc chứ không hàng ngang do đó các đơn vị, để mất liên lạc nhau, tạo thành từng hệ thống riêng chịu sự lãnh đạo riêng, có thành tích tranh đấu riêng nên ít ai chịu nhường quyền lãnh đạo cho ai.

3. - Quan niệm về phương thức hành động khác nhau : Năm 1945, Đảng Cộng Sản Đông Dương nhờ biết khai thác thời cơ thuận tiện cướp được chính quyền và áp dụng chế độ độc tài đảng trị. Rồi kẻ đó Pháp trở lại. Các chính đảng quốc gia lúc đó đứng trước ba ngã đường.

- Hợp tác với Cộng sản chống Pháp
- Hợp tác với Pháp chống Cộng Sản
- Chống cả Pháp lẫn cộng Sản.

Mỗi ngã đường đều có người theo.

Đến thời Đệ Nhất Cộng Hòa, một sự lựa chọn tương tự được đặt ra cho các chính đảng, vì chính sách độc tôn độc đảng, của nhà cầm quyền, các chính đảng quốc gia lúc đó cũng đứng trước 3 ngã đường

- Đầu hàng nhà Ngô để chống Cộng Sản
- Theo Cộng Sản chống lại chính quyền, (nhiều thành phần trí thức không Cộng Sản đã đi vào khu để hợp tác với Cộng Sản thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam)
- Chống cả hai.

Và mỗi ngã đường đều có người theo. Ngoài ra, còn một số yếu tố nữa như tinh thần kỷ luật, mâu thuẫn già trẻ và khung cảnh xã hội Việt Nam lúc bấy giờ.

Như vậy, vì các biến cố chính trị quá phức tạp, nên trước các biến cố các chính đảng buộc phải có thái độ, lập trường và mỗi lần chọn lựa thái độ, lập trường là một lần phân hóa.

II. - ĐẶC ĐIỂM THỨ HAI LÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CHẶT HẸP :

Suốt trong những năm 1964-1967 hoạt động các đảng phái chỉ quanh quẩn ở Thủ Đô Saigon và các tỉnh thành lớn như Huế Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt bằng những cuộc biểu dương ra mắt xương đường, hô hào hơn là các hoạt động ăn sâu tận quần chúng nông thôn. Chúng ta cũng biết khối quần chúng nông thôn là đối tượng và nông thôn là địa bàn hoạt động của Cộng Sản. Mao Trạch Đông từng chủ trương sách lược lấy rừng núi che ngụy nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị, trong lúc đó các đảng phái quốc gia chỉ nhắm vào địa vị chính quyền sự tham gia vào chính phủ hơn là tổ chức tranh thủ nhân tâm với Cộng Sản. Vì thế Cộng Sản đã tung hoành "một mình một chợ" ở khối quần chúng đa số này.

Các lý do tạo nên đặc điểm này là :

- Trước hết là vì tình trạng an ninh không cho phép nên các đảng không đưa được căn bộ về hoạt động tại địa phương - nhất là các làng mạc kém an ninh.

- Hơn nữa, nhà cầm quyền địa phương thường không thích hoạt động các đảng phái, tiêu cực thì họ không giúp đỡ tích cực thì họ chèn ép, hoặc vì nhận chỉ thị từ Trung Ương, hoặc vì mặc cảm đối với các hoạt động này sợ đảng phái ngó vào công việc hoặc vì muốn hoạt động của đảng mình mạnh hơn các đảng khác.

- Lý do nữa là các đảng phái chỉ tổ chức trên căn bản địa phương, dựa vào 1 tỉnh tự hay quyền lợi địa phương nào đó.

Việt Nam quốc dân đảng còn gọi là Việt Quốc chỉ hoạt động mạnh ở vùng Quảng Nam Quảng Ngãi.

Đại Việt Cách Mạng ở các tỉnh Bắc Trung phần Quảng Trị Thừa Thiên.

Tân Đại Việt ở các tỉnh vùng 3 như Hậu Nghĩa, Long An Gia Định.

Cao Đài và các đoàn thể chính trị phụ thuộc hoạt động ở Tây Ninh.

Hòa Hảo và đoàn thể chính trị phụ thuộc là Dân xã Đảng hoạt động mạnh ở Hậu Giang.

Vì thiếu hậu thuẫn quần chúng sâu rộng trên toàn quốc nên các chính đảng thường có khuynh hướng ngã vào các thế lực tôn giáo để dựa và có nhiều cơ hội tham chính. Chính sự kiện này làm cho các tín đồ tôn giáo càng thù ghét nhau tạo nên sự chia rẽ tình đoàn kết dân tộc, gây mâu thuẫn giữa những người quốc gia.

ĐOẠN II. - VỀ TỔ CHỨC

Về phương diện tổ chức ta có thể nhìn thấy những đặc điểm sau đây :

I. - LÒNG LẪO, THIẾU TINH THẦN KỸ LUẬT :

Bất cứ tổ chức nào cũng cần sự tuân hành mệnh lệnh, trung thành với tổ chức thì tổ chức đó mới vững bền được. Đảng phải còn cần tinh thần kỷ luật chặt chẽ hơn vì nếu thu hút quần chúng mà thiếu tổ chức, ở hợp, chẳng có ích gì cho đảng mà còn khó nắm vững, dễ bị trả trợn, phá hoại, chia rẽ. Không cần đòi hỏi có một thứ kỷ luật khắc nghiệt, dốt đoán như các đảng Cộng Sản, phát xít mà đảng tìm cách ràng buộc tinh thần vật chất đảng viên, đến nỗi đảng viên khó lòng sống riêng cho mình (2).

Vì còn nhiều bộn phận đối với cá nhân, gia đình, xã hội nên trong chế độ dân chủ tự do chỉ cần trung thành với đảng không hoạt động xé rào, bán đứng đoàn thể vì lợi lộc riêng

(2) Maurice Duverger, les partis Politiques, Le parti unique pages 266.

TRU-VIEN QUOC-GIA

tự, nhưng từ những năm nay phần nhiều các đảng phái vì lợi -
lộc, vì muốn phát triển nhanh, nhất là các đảng mới thành lập
thiếu một đảng qui rõ rệt, một kỷ luật nghiêm minh, thành ra
cái là một đám người quy tụ lại để bảo vệ quyền lợi nào đó
hơn là một tổ chức có mục tiêu tranh đấu, có kỷ cương, có
phương thức hoạt động.

Vì kỷ luật lỏng lẻo, và mục tiêu tranh đấu không được
mọi người chia sẻ nên tổ chức không liên lạc khó kiểm soát,
do đó trước một thử thách, một biến cố nào hay trước quyền
lợi vật chất, dễ phát sinh mâu thuẫn nội bộ, chia rẽ, suy yếu
đàn. Tình trạng trên có thể đến chừng qua một vài hình ảnh
như Nghị Sĩ Nguyễn Văn Ngãi ở trong liên danh Đảng Lúa do đảng
Đại Việt Cách Mạng ủng hộ, sau khi đắc cử, hoạt động một thời
gian vị này tách ra khỏi liên danh, khỏi đảng và thành lập
đoàn thể mới (Liên minh tự do dân chủ) riêng rẽ, như ông Tổng
Trưởng Thông Tin Ngô Khắc Tỉnh vẫn tiếp tục ở lại với Chính
quyền khi đảng của ông, đảng Nhân Dân tuyên bố rời khỏi chính
quyền.

Còn một số dữ kiện khác qua cuộc bầu cử Thượng Viện năm
1970, cá nhân các đảng viên thi nhau nhẩy lung tung vào các
liên danh nhiều khi lập trường chông chênh nhau. Như vậy việc
thiếu một sự trung thành cần thiết của các đảng viên đối với
đảng nên yếu tố này đã gia tăng thêm vào sự hỗn loạn và phân
hóa đảng phái trên chính trường.

II.- THIẾU CÁN BỘ, KHÔNG CÓ TỔ CHỨC Ở HẠ TẦNG CƠ SỞ :

Nhân viên giỏi có khả năng là điều kiện tối thiết của
bất cứ tổ chức nào, nhất là các tổ chức đảng phái. Cán bộ có
khả năng sẽ phát triển nhanh chóng hàng ngũ, sẽ thu hút quần
chúng tôi đa. Một cán bộ có khả năng phải thế nào ?

Trước tiên là anh ta phải có lòng trung kiên và ý
chí niệt thành tâm vào lãnh tụ hay lý tưởng tôi đa.

Phải biết cách và có tài thu hút quần chúng, đồng hóa
được với quần

THU-VIEN KHOA HOC TONG HOP
LVHC 1614

Có khả năng ăn nói, biết tuyên truyền, lập luận vững trước đôi phương.

Như thế, qua người cán bộ đảng sẽ tới gần nhân dân, hay nhân dân sẽ tới gần đảng. Người dân sẽ không hiểu hay không biết lý tưởng đảng nếu không có cán bộ. Người dân sẽ không biết, không tin và không phục lãnh tụ nếu không có cán bộ. Hơn nữa ngoài vai trò khước trương đảng, cán bộ còn là tài mắt của đảng, cán bộ công với dư luận quần chúng sẽ đưa tới quyết định chính trị của chính đảng. Nhìn vào thành phần thái độ, sự hoạt động của cán bộ người ta có thể kết luận về đảng. Như vậy vai trò của cán bộ thật cần thiết chứng minh vị thế của đảng. Những điểm qua các đảng Chính trị tại Việt Nam từ nhiều năm qua ta nhận thấy gì ?

1. - Thiếu cán bộ : Vấn đề cán bộ thoát ly để hoạt động cho đảng vẫn là vấn đề gai góc cho các chính đảng. Theo Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy Tổng Thư Ấy Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến : "Sự hoạt động và điều hành đảng chưa hữu hiệu và hoàn hảo đúng như ý ông là do sự thiếu cán bộ bỏ hết thì giờ hoạt động cho đảng (cán bộ thoát ly).

Lý do sự thiếu cán bộ thoát ly này cũng dễ hiểu, cán bộ phải dành thì giờ lo sinh kế còn lại chút ít hoạt động cho đảng, còn nếu đảng trả lương cho cán bộ một cách đầy đủ thì phương tiện tài chánh của các chính đảng không đủ (3)

2. - Cán bộ chưa được huấn luyện đầy đủ :

Có thể nói, hiện tại các chính đảng thiếu tổ chức học tập cho các đảng viên 1 cách đầy đủ để từ đó lựa ra những cán bộ ưu tú cho đảng. Có 1 số ít đảng có tổ chức học tập, như

(3) Theo sự ước lượng của Luật sư Nguyễn Trường Bá (VNQDD) phải chi xài chừng 3-5 triệu đồng trong một tháng cho các đảng hoạt động trung bình.

đảng Tân Đại Việt có mở các lớp huấn luyện sơ cấp cho các đảng viên có trình độ học văn thập,

trung cấp cho các đảng viên có trình độ học văn khá, ngoài ra có 1 số đảng dùng nội san để huấn luyện, cách thức này thường thấy hơn. Nhưng nói chung thì việc huấn luyện để người cán bộ nắm vững lập trường, chủ thuyết và kỹ thuật tranh đấu thật là hiếm, bởi vì trong 1 hoàn cảnh tranh đấu nào cũng phải có một số kỹ thuật riêng cho hoàn cảnh đó, thời kỳ hoạt động bí mật khác, thời kỳ hoạt động công khai trong chiều hướng tranh đấu dân chủ bằng tuyên cứ lại khác. Vì thế nếu đảng viên không được học tập, cán bộ chưa được huấn luyện đủ thì đó không phải là tổ chức chính đảng mà chỉ là tập hợp một nhóm người ô hợp như một đoàn thể áp lực chẳng hạn.

Do hệ luận của thực trạng thiếu cán bộ và cán bộ thiếu huấn luyện nên các chính đảng hiện tại chưa phát triển sâu rộng trong quần chúng, nhất là là quần chúng nông thôn, việc có một tổ chức ở hệ tầng cơ sở xã ấp kiên bền mới hy vọng đòi đầu được thể chiến tranh nhân dân của Cộng Sản. Cho đến bây giờ nông thôn vẫn là địa bàn tung hoành của Cộng Sản. Từ hai năm nay, ý thức cuộc đấu tranh chính trị với Cộng Sản nên vài đoàn thể có tổ chức, thành thật với lý tưởng, đã cố gắng phát triển sâu rộng cơ sở chính trị tại thôn ấp như (Phong trào Quốc gia Cấp Tiến, Đại Việt Cách Mạng, Dân Xã Đảng...) và người ta hy vọng tiến trình dân chủ hóa được áp dụng hoàn hảo tại nông thôn qua các cuộc bầu cử xã ấp sẽ là một kích thích để các đảng phái cố gắng bành trướng cơ sở.

ĐOẠN III. - VỀ PHƯƠNG DIỆN CHỦ THUYẾT

Bất cứ hành động nào cũng cần phải có tư tưởng hướng dẫn và tư tưởng sẽ biện minh cho hành động. Chủ thuyết của các chính đảng có tác dụng để kết hợp và tranh thủ nhân tâm, cho nên nếu chính đảng không dựa vào một nền tảng ý thức hệ rõ ràng thì ít ra cũng phải có một chương trình hành động để kết hợp và phát triển.

Nhìn qua sinh hoạt chính trị ở Việt Nam thì các chính đảng phần lớn không hệ thống hóa được một lý tưởng, tình tự, mục tiêu cho dân tộc.

Đảng Cộng Sản đã du nhập ý thức hệ ngoại lai tôn dùng những tín điều Karl Marx.

- Việt Nam Quốc Dân Đảng du nhập toàn bộ chủ thuyết Tam Dân của Quốc Dân Đảng Trung Hoa để đưa vào bối cảnh chính trị Việt Nam.

- Thời Đế Nhất Cộng Hòa, Ông Ngô Đình Nhu đã đưa ra thuyết Nhân Vị nhưng sự thực thì chủ thuyết này cũng dựa vào tín điều Ky tô Giáo.

- Đảng Đại Việt đã đưa ra chủ thuyết Dân Tộc Sinh Tồn Hiện nay các hệ phái của đảng này đang cố gắng cập nhật hóa lại lý thuyết Dân Tộc Sinh Tồn theo quan điểm của từng hệ phái.

- Dân chủ xã hội đảng cũng đang cố gắng hệ thống hóa và cập nhật hóa chủ thuyết của mình.

Cho đến bây giờ các đảng phái nếu nhìn qua các tuyên ngôn, chương trình, kế hoạch, cương lĩnh nêu ra không thấy có gì khác nhau cũng với những phát triển quốc gia về xã hội, kinh tế, thực thi dân chủ v.v....

Nói chung, 1 số chính đảng có chủ thuyết thì đã lỗi thời như Việt Nam Quốc Dân Đảng du nhập lý thuyết Tam Dân chủ nghĩa của Trung Hoa từ năm 1930, một số khác quá mơ hồ và trừu tượng như "Chu Trí Lục, Huyết Hoa" của Đại Việt Dục Dân do Lý Đông A sáng tác, hay chủ nghĩa Nhân Vị của đảng Cần Lao. Do đó miền Nam đang thiếu một chủ thuyết với biên chứng khoa học căn bản và toàn diện và một chiều bài hấp dẫn phù hợp với thực tế, hoặc nếu có thì chỉ nêu lên những khẩu hiệu rỗng tuếch không tương như tự do, dân chủ, công bằng, xã hội, đoàn kết quốc gia v.v... Thế nên trong tình trạng hiện tại các Tuyên ngôn thành nhằm chán khó thu hút, kém hấp dẫn đối với quần chúng.

Theo Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy thì "những lý thuyết đã thành công phần lớn đều là những lý thuyết dung hòa được hai

tính cách thiết thực và không tưởng. Nó vừa đủ không tưởng để lôi cuốn người ta theo, vừa đủ thiết thực để giải quyết (4) vấn đề đặt ra cho xã hội một cách đúng đắn và cũng theo ông "chỉ khi nào giải quyết được vấn đề ý thức hệ, Việt Nam Cộng Hòa mới giữ được cho Cộng Sản không xâm lấn mình và Miền Nam Việt Nam mới yên ổn được" (5)

Vì thiếu chủ thuyết hướng dẫn nên các chính trị gia hay các đảng phái của họ không đưa ra được một lập trường hay - chính sách rõ rệt, thế nên rốt lại người ta chỉ thấy sự hoạt động của họ theo lẽ lối chính trị nhân vật, dựa trên uy tín cá nhân hơn là lập trường chính sách. Vì hoạt động chính trị chỉ dựa trên uy tín cá nhân hơn là trên sự đồng ý về một căn bản nào đó họ không có mục tiêu chung để đạt tới, do đó mâu thuẫn, chia rẽ, làm cho sự phân hóa càng thêm trầm trọng, từ đó đi đến sự suy giảm uy tín trước quần chúng.

ĐOẠN IV. - VỀ PHƯƠNG DIỆN LÃNH ĐẠO VÀ LÃNH TỤ

Ngày nay, rõ rệt ở Miền Nam Việt Nam đang lâm vào cơn khủng hoảng lãnh tụ trầm trọng, người ta không tìm được vị lãnh tụ nào hội đủ các yếu tố để trở thành điểm hội tụ cho sự đoàn kết dân tộc.

Những yếu tố quan trọng đòi hỏi ở một lãnh tụ là :

- Hiểu biết rộng (trí thức)
- Có kinh nghiệm tranh đấu
- Có quá trình cách mạng
- Đạo đức liêm chính
- Đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng.

Tuy nhiên nếu đòi hỏi 1 cách tuyệt đối đầy đủ các yếu tố trên thì khó tìm người nào được như vậy, nhưng dù sao thì 1 lãnh tụ cũng phải vượt trên quần chúng ở 1 vài yếu tố, nhờ đó lãnh tụ được mọi người tuân phục, dân chúng chịu đặt mình

(4, 5) Nguyễn Ngọc Huy, Lịch sử các học thuyết chính trị Saigon, Cấp Tiến Xuất bản - trang 23, 22.

dưới sự hướng dẫn của người ấy một cách tin tưởng tuyệt đối nghĩa là chịu sự chỉ phối bởi hệ thống quyền lực của vị lãnh tụ.

Hiện tượng khiếm khuyết lãnh tụ để lãnh đạo có thể giải thích bởi nhiều nguyên do.

1.- Thường quyền lực các lãnh tụ trong thời kháng chiến dựa trên sự siêu phàm (charisma) do việc đi cao quá mức, họ mang theo tên tuổi, tất cả huyền thoại lãnh đạo nhưng khi ra hoạt động công khai nhiều vị đã tỏ ra tầm thường trước sự hoài vọng của dân chúng vì thế nhiều đảng đã phải trải qua 1 cuộc khủng hoảng lãnh đạo.

2.- Các lãnh tụ sáng lập các đoàn thể đủ uy tín hội tụ các thuộc hạ lại, nhưng sau khi ông chết đi, chia rẽ nội bộ, tránh chấp thành lạc hàng ngũ vì những người còn lại không ai đủ uy tín kế thừa nên dễ bị khủng hoảng lãnh đạo (trường hợp đảng Đại Việt với Bắc Sĩ Trương Tử Anh).

3.- Các biến cố chính trị từ vài chục năm nay nhanh như cơn lốc các lãnh tụ không hội nhập (integration) nổi các biến cố đó vào sự lãnh đạo của mình nghĩa là không theo kịp thời cuộc nên dễ thất bại làm sút giảm uy tín trước quần chúng.

4.- Một số lớn lãnh tụ vì ước muốn thực hiện hoài bão nhanh chóng hoặc vì tư lợi nên dễ chạy theo chính quyền, danh vọng, đề mưu cầu địa vị, danh vọng, tạo nên tai tiếng xấu chung cho các lãnh tụ đảng phái.

5.- Từ những năm gần đây vì sinh hoạt chính trị ở Việt Nam bày ra nhiều cảnh bán mặt, vì quyền lợi riêng tư hơn là quyền lợi chung quốc gia, hoạt động cốt nắm chính quyền vài ba tháng để trục lợi nên dân chúng chán ghét các lãnh tụ, các nhà lãnh đạo, từ đó phát sinh hiện tượng văn hóa chính trị bôi lọ trên báo chí. Báo nào bôi mớ dơi từ nhiều hay đem khôi hai giều cợt các nhà lãnh đạo sẽ bán đất, nên báo chí đua nhau khai thác đề tài đó làm các lãnh tụ đảng phái, các nhà lãnh đạo đều mất uy tín trở thành xấu xa tệ hại, nên khó có vị lãnh tụ nào làm quần chúng tuân phục.

Đó là những lý do chính để giải thích thực trạng khủng hoảng lãnh tụ ở các đoàn thể, khủng hoảng lãnh đạo ở miền Nam


Hiện tượng khiếm khuyết lãnh tụ, lãnh đạo không phải chỉ có ở Việt Nam mà hầu như nước nào cũng gặp phải thời nào vấn đề lãnh đạo cũng được đặt ra nhưng tại Việt Nam hiện tượng trên qua trăm trọng đên tới mọi người đều bị quan và chắc chắn yếu tố lãnh tụ và kỹ thuật lãnh đạo sẽ là yếu tố quan trọng cho tương lai quốc gia. Giáo sư Nguyễn Văn Bông cũng đã nhận định "Thật vậy, tương lai của một quốc gia có huy hoàng hay không, điều đó tùy thuộc vào giá trị của các nhà lãnh đạo. Với những cấp lãnh đạo tài ba, lỗi lạc, sáng suốt nhất định quốc gia sẽ trường tồn trong rạng rỡ, trái lại chẳng may bị đặt dưới sự lãnh đạo của các nhà cầm quyền bất tài, kém cỏi, u mê, chắc chắn dân tộc sẽ bị điều linh khổ sở. Như thế nhà lãnh đạo đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong sự tồn vong của đất nước..." (6)

Rõ ràng như vậy, uy tín của nhà lãnh đạo có thể hướng dẫn mục tiêu của dân tộc, hàn gắn những rạn nứt nội bộ, cũng như đối phó được các mối nguy xảy tới cho quốc gia.

Thánh Gandhi đã làm các giai cấp trong xã hội Ấn, một xã hội chia rẽ nhứt thể giới đã đoàn kết sau lưng ông để tranh đấu giành độc lập cho Ấn Độ. De Gaulle xuất hiện trong lúc cảnh trường Pháp quốc nát bét ở thời đệ Tứ Cộng Hòa, chính ông với huyền thoại giải phóng nước Pháp đã cứu vãn sự suy sụp của nước Pháp và đưa Pháp quốc đệ Ngũ Cộng Hòa trở lại hàng cường quốc. Nhờ Hitler nuôi giấc mơ bá chủ thế giới, nước Đức mới khôi phục được sự hùng cường đã mất sau đệ nhất thế chiến. Những thí dụ điển hình trên đã cho thấy rằng yếu tố lãnh đạo là yếu tố quan trọng nhất trong sự tồn vong và phú cường của quốc gia và chúng tôi cho rằng nếu miền Nam giải quyết được vấn đề lãnh đạo là có thể giải quyết toàn diện các vấn đề Việt Nam.

(6) Giáo sư Nguyễn Văn Bông, trong lời tựa Nhận định về quyền "Đề tài người ưu tú trong tư tưởng chính trị Trung quốc cổ thời" của tác giả Nguyễn Ngọc Huy.

Chương Hai NHU CẦU TẬP HỢP

 Trong Chương thứ I, chúng tôi đã phân tích thực trạng sinh hoạt của các đảng phái chính trị, trước sự yêu kém về các phương diện hoạt động, tổ chức, chủ thuyết lãnh đạo và lãnh tụ, đã làm cho sinh hoạt của các đoàn thể chính trị trở thành kém hấp dẫn, nhằm chán đời với quần chúng, từ sự mất tin tưởng và chán nản này, để đưa tới tâm trạng thụ động, lãnh đạm, với thời cuộc, với các vấn đề quốc gia của người dân, họ còn cho rằng sinh hoạt chính trị chỉ là xáo trá thủ đoạn, lường gạt, xói thịt, bán thịt, chính trị là bệnh dịch hạch (1). Từ tâm trạng lãnh đạm, thờ ơ, bất tham gia, hiện nay phản động dân chúng, ngay cả tầng lớp thức giả đều đi đến thái độ, đối kháng lại chính trị, phủ nhận tính cách chính trị mọi hành động của mình, điều mà Giáo sư Nguyễn Văn Bông gọi là thái độ phi chính trị (2)

Hơn nữa, trong những năm sau cách mạng, các cuộc khủng hoảng chính trị liên tiếp xảy ra, làm tê liệt mọi hoạt động của quốc gia, chính trong khung cảnh đó, trước các biến cố phải giải quyết, trước sự thực thi dân chủ bộ buộc phải xảy ra, mọi người đều đồng ý rằng với thực trạng phân hóa, rã rời, yếu kém của hệ thống đảng phái, người ta sẽ không giải quyết được gì hết. Do đó, các lực lượng chính trị phải mạnh, hoạt động hữu hiệu để đảm nhận trọn vẹn vai trò, như thế vấn đề tập hợp chính trị trở thành 1 nhu cầu được đặt ra.

Chúng tôi sẽ phân tích chi tiết sau đây các lý do thúc đẩy sự tập hợp chính trị trở thành nhu cầu cấp thiết của quốc gia.

(1, 2) G. S. Nguyễn Văn Bông, Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học, / Saigon, Thư Lâm Ấn thư Quán xuất bản 1966 trang- 165 và 187.

ĐOẠN I. - ỔN ĐỊNH VÀ SỐNG ĐỒNG HÓA KHUNG CẢNH
SINH HOẠT CHÍNH TRỊ.

Sau cuộc Cách Mạng 1963, sinh hoạt chính trị của Việt Nam quá hỗn loạn, phối bày hiện tượng phân hóa cùng cực trong mọi tổ chức đoàn thể chính trị. Lúc bấy giờ chính trường VN xuất hiện quá nhiều đảng phái, tình trạng đa đảng này đã là 1 trong những nguyên nhân làm suy yếu quốc gia lúc đó. Chúng ta cũng biết rằng trong 1 chính trường đa đảng phức tạp thì các khuyết điểm thường thay là :

1.- Sự tranh chấp kịch liệt đã choán hết sức lực và thì giờ, khiến các đảng không thi hành được nhiệm vụ hướng dẫn quần chúng, chỉ gây hoang mang cho dư luận bằng những mâu thuẫn trước mọi vấn đề chung.

2.- Chính phủ thiếu vững chắc trước sự xung đột của quá nhiều đảng, đảng nọ chỉ mưu tính khuynh đảo đảng kia cũng như khuynh đảo chính phủ, do đó, chính phủ không đủ uy tín cần thiết để hoạt động hữu hiệu.

3.- Sự bất liên tục quá đáng của chính phủ năm, 10 ngày 1 tháng, một nội các, sẽ làm cho chính sách quốc gia không hoạch định và thực hiện, sinh hoạt xã hội xáo trộn, các cơ chế quốc gia không thể nào điều hòa hoạt động được. VN trong những năm 64-67, sự khủng hoảng chính trị trầm trọng đã kéo theo một sự suy sụp nhanh chóng mà nhiều người cho rằng không thể nào cứu vãn được, 1 trường hợp điển hình nữa là Pháp quốc, những bất ổn và phân hóa của chính trường Pháp nhất là trong những năm 50-54 đã làm Pháp quốc suy yếu rất nhiều và đưa tới sự thất trận tại Đông Dương.

Ngoài việc làm suy yếu quốc gia, mọi bất ổn chính trị triển miện còn khó lòng tạo điều kiện thuận tiện cho quốc gia phát triển. Vì trong tình trạng bấp bênh không người nào nghĩ tới 1 tương lai xa hơn, nước nào cũng vậy, các kế hoạch chương trình chỉ được đề ra và thực thi khi chính phủ đó biết rõ thời gian ổn định trách nhiệm của mình. Do đó cơ cấu quốc gia cần ổn định để mọi sinh hoạt được điều hòa trật tự. Chúng ta cũng nhìn thấy rằng Việt Nam đang phải đối phó với một thứ

chiến tranh hao mòn, nếu chúng ta không có tiềm lực vững vàng bên bỉ thì không thể nào giữ vững che đậy được, như cần chiến tranh bất buộc chúng ta phải có 1 chính trường ổn định để dồn mọi nỗ lực vào việc đối phó với Cộng sản và chính trường chỉ ổn định được khi nào có được hệ thống đảng phái vững vàng nhưng thực trạng chính trị từ vài năm nay đã cho thấy các đoàn thể đảng phái chia nẩy xé bầy để tranh giành quyền lợi hơn là tập hợp thành những tổ chức chặt chẽ, có thực lực và hậu thuẫn quan chúng chính thực trạng đó đã tạo cho dân chúng một tâm trạng hoài nghi, chần ngán sinh hoạt chính trị và hậu quả đưa đến là thái độ thụ động và bất tham gia chính trị. Thái độ này rất nguy hiểm cho nền dân chủ còn phôi thai, bởi vì :

- Khi người dân coi chính quyền và các vấn đề của một quốc gia như tách rời với họ, thái độ bất mãn sẽ được bộc lộ

- Hoặc là không hậu thuẫn cho chính quyền, một thứ chính quyền không do dân, để bị ảnh hưởng áp lực từ bên ngoài đưa tới mất nước.
- Hoặc là bỏ theo các lực lượng nổi dậy, chống đối chính quyền bằng vũ lực thì nguy cơ nội chiến cũng do đưa đất nước vào suy vong.

- Khi người dân không tham gia vào sinh hoạt chính trị thì dân chủ chỉ là bịp bợm và những phần tử thói nát, sẽ lợi dụng thời cơ buôn bán chính trị, tác hại đến quyền lợi thiết thực của dân chúng và quốc gia.

Như thế, sự ổn định chẳng những cấp thiết mà còn phải đi xa hơn nữa là làm thế nào sống động hóa khung cảnh sinh hoạt chính trường, nghĩa là tạo 1 môi trường hấp dẫn, thuận lợi, để kích thích sự tham gia của quần chúng, một khung cảnh như vậy cần các điều kiện sau :

đứng đắn và trong sạch, thể hiện
1. - Chế độ tuyển cử phải được thực hiện/ được nguyện vọng
hoài bão của quần chúng, để họ thấy sự tham gia của họ không
đơn nổi vô ích.

2.- Phải định chế hóa sinh hoạt chính trị để quần chúng tin tưởng, bởi vì họ chỉ tích cực tham gia khi nào không xảy ra những bất trắc cho đời sống của họ.

3.- Vai trò trung gian của các đảng phái chính trị trong sự tham gia của quần chúng thật quan trọng. Vì rằng, các chính đảng có vai trò chính trị hóa các vấn đề, các nguyện vọng của quần chúng, chuyển hóa lên thành chính sách, chương trình, nhằm thực thi chương trình, chính sách ấy bằng những phương thức chính đảng, ôn hòa và trật tự. Đó là điều cần thiết trong sinh hoạt dân chủ, bởi vậy khi nhìn qua tiến trình dân chủ của các cường quốc Tây phương chúng ta thấy sự liên tục và bền vững của chính quyền cũng như sự tích cực tham gia của dân chúng vào đời sống quốc gia được hỗ trợ bởi sự kế tục của các đảng chính trị có tổ chức vững vàng. Vì thế sự hoạt động của đảng phái phải được chấp nhận, phải được công khai hóa, và phải được chính quyền giúp đỡ mọi phương tiện chính đáng để phát triển sinh hoạt, trưởng thành nhanh chóng và tranh đua kiến hiệu.

Như vậy, 1 khung cảnh sinh hoạt chính trị sống động - cần thiết cho sự tham gia của quần chúng là trong đó các chính đảng có 1 vai trò tạo khởi, vai trò này có đảm nhận nổi hay không là do tổ chức hoạt động, thực lực, của các chính đảng có hoàn hảo hay không. Tóm lại, ổn định chính trị, bình thường hoá hoạt động của dân chúng trong khung cảnh sinh hoạt chính trị sống động là vấn đề đặt ra cho hiện tình nước nhà, và vấn đề kết hợp các lực lượng đảng phái chính trị đi liền theo đó

ĐOẠN II. - THỰC THI DÂN CHỦ

Sự sụp đổ của chế độ đế nhất Cộng Hòa có thể giải thích bởi nhiều nguyên nhân. Nhưng nguyên nhân trội yếu và nhìn thấy rõ rệt nhất là thiếu tính cách dân chủ.

Chế độ cũng vẫn có những cơ chế dân chủ đúng theo nguyên tắc phân quyền : lập pháp, Hành pháp, Tư Pháp, nhưng người ta đã kết án dân chủ thời đó chỉ có trên hình thức, chính quyền hay hành pháp quá mạnh, Quốc hội và Tòa án chỉ trang trí cho

chế độ hơn là thực hiện được vai trò của nó. Vì lý do đó, dân chúng bất mãn và bất hợp tác, ngoại trừ 1 thiểu số có quyền lợi liên hệ đến chế độ.

Đến thời đệ II Cộng hòa, mọi người đều nhìn thấy yếu tính dân chủ cần thiết cho việc xây dựng quốc gia và chiến - thắng Cộng Sản, dân chủ không phải chỉ là 1 chiêu bài mơ hồ, cũng không chỉ là thiết lập những cơ chế dân chủ thượng tầng để trang trí, mà dân chủ phải được thực hiện đúng đắn, sống động từ thượng tầng tới hạ tầng cơ sở nông thôn.

Vì lẽ đó hiến Pháp Việt Nam Cộng Hoà ngày 1-4-1967 ở lời mở đầu có ghi :

"... Ý thức rằng sau bao năm ngoại thuộc, kể đến lãnh thổ qua phân, độc tài và chiến tranh dân tộc Việt Nam phải lãnh lấy trách nhiệm trước lịch sử, nối tiếp ý chí tự cường, đồng thời đón nhận, những tư tưởng tiến bộ để thiết lập một chính thể Cộng Hòa của Dân, do Dân và vì Dân nhằm mục đích đoàn kết dân tộc, thống nhất lãnh thổ, bảo đảm độc lập, tự do dân chủ, trong công bằng bác ái cho các thế hệ hiện tại và mai sau..."

Tại điều 2 Chương I về Điều khoản căn bản Hiến Pháp - có ghi :

"Chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân".

Sau đó các cơ chế dân chủ thượng tầng được thiết lập.

- Quốc Hội gồm 2 viện Thượng và Hạ Nghị viện kèm theo và bộ tức lẫn nhau để tránh tình trạng độc tài lập pháp.

- Chính phủ được đặt dưới sự kiểm soát của Quốc Hội qua việc thiết lập Ngân sách Quốc gia.

- Tư Pháp thời này hoàn toàn độc lập và có vị trí ngang hàng, nhiều khi ưu thế hơn cả Hành Pháp, lập pháp qua cơ chế Toi Cao Pháp viện.

- Viện Giám sát có 1 vai trò kiểm soát hoạt động nội-bộ của cơ quan chính phủ.

Như thế, thời đệ Nhị Cộng hòa, với Hiến Pháp ngày 1-4 1967 đã chủ trương tự do, dân chủ, như là 1 nguyên tắc căn bản của chế độ (3)

Tính cách dân chủ của thời này còn đi xa hơn nữa trong việc thực hiện dân chủ ở hạ tầng bằng nhiều điều khoản qui định việc tổ chức nền hành chính địa phương.

Điều 70 khoản 1 H.P, có ghi :

"Nguyên tắc địa phương phân quyền được công nhận cho các tập thể địa phương có tư cách pháp nhân như xã, tỉnh, Thị xã và Thủ đô".

Sự điều hành công việc ở địa phương đều chia ra làm 2 cơ quan (4)

1.- Cơ quan quyết nghị :

- Tỉnh, Thị xã, Đô Thành, có các Hội đồng Tỉnh, Thị xã, Đô Thành.

- Xã thì có Hội đồng xã

Cơ quan quyết nghị địa phương đều do dân chúng địa phương bầu ra.

2.- Cơ quan chấp hành :

Cũng do dân bầu, gián tiếp như ở xã, trực tiếp như ở Tỉnh.

(3) GS NGUYỄN VĂN BÔNG, Luật Hiến Pháp và chính trị học
"Nguyên tắc căn bản của Hiến Pháp 1-4-1967" Sài Gòn 1969

Như vậy, sự phân quyền cho các tập thể địa phương để tránh sự tập quyền quá đáng của Trung Ương cũng như qua việc trao trả quyền hành xử những công việc địa phương cho dân địa phương quyết định với cơ chế bầu cử, cơ quan quyết nghị, cơ quan chấp hành. Hiến Pháp đã chứng tỏ rõ rệt ý chí thực thi dân chủ.

Nhưng ý hướng của Hiến Pháp chỉ được thực thi hoàn hảo, cũng như những cơ chế căn bản cho nền dân chủ trờ đây chỉ vững bền và hữu hiệu khi nào chúng ta có được một hệ thống chính đảng vững mạnh, khi đó đảng phái mới đảm nhiệm trọn vẹn vai trò hành xử chính quyền theo 1 mục tiêu nào đó hoặc vai trò hướng dẫn dư luận cũng như kiểm soát chính quyền trong việc bảo vệ đúng đắn quyền lợi của nhân dân, nếu nền chính trị được sinh hoạt bằng các chính đảng thì có đảng sẽ nắm chính quyền, có đảng sẽ ở vị thế đối lập, nếu nắm quyền thì vì trách nhiệm và tương lai của đảng nhà cầm quyền sẽ không hành động nhằm mưu đồ lợi lộc cá nhân, nếu ở vị thế đối lập, các đảng sẽ kiểm soát chính quyền của đảng cầm quyền, thông đạt những nguyện vọng của quần chúng bằng sự chỉ trích chính quyền, qua chính sách lập trường hay quan điểm, hoặc ở trong Quốc Hội, hoặc ở ngoài, nhưng đó cũng là 1 cách thức xây dựng chính quyền và thực thi dân chủ hoàn hảo.

Nếu tổ chức chính đảng không vững mạnh thì nhà cầm quyền chỉ là những cá nhân bất được thời cơ lúc đó họ chỉ hành động theo ý đồ của họ. Và quyền lợi của đại đa số quần chúng sẽ không được nhìn thấy và bảo vệ.

Các chính phủ sau ngày Cách Mạng 1-11-63 nhất là chính phủ Nguyễn Khánh đã vì ích lợi của bè nhóm hay cá nhân làm cho chính tình Việt-Nam rối nát đưa quốc gia tới sự suy sụp nhanh chóng.

Tóm lại, chính đảng là một công cụ cần thiết của nền dân chủ, khó chối bỏ được vai trò trung gian thông đạt của nó vì khi nắm quyền nhà lãnh đạo sẽ nhờ hệ thống cán bộ để thấu

(4) Xem Hiến Pháp V.N.C.H. 1-4-67 các điều 71, 72, 73, 74,

triệt tình hình đáp ứng được mau lẹ nguyện vọng của quần chúng, hoặc khi đòi lập thì chính những mối bất đồng về chính sách hay quan điểm sẽ làm cho nhà cầm quyền không đi xa rời mục tiêu quốc gia; cũng nhờ ở vai trò trung gian của chính đảng mà công dân có dịp tham gia tích cực trực tiếp vào sinh hoạt chính trị do nguyên tắc dân chủ được bảo đảm. Do đó nếu quyết tâm xây dựng một quốc gia dân chủ thật sự vấn đề là làm sao xây dựng được 1 hệ thống chính đảng vững mạnh, phù hợp với hoàn cảnh của quốc gia, để sinh hoạt chính trị ổn định các cơ chế dân chủ được bảo đảm vững bền, như vậy tức là trước nhu cầu thực thi dân chủ vấn đề tập hợp chính đảng được đặt ra.

ĐOẠN III. - ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ VỚI CÔNG SẢN

Khi hội đàm Ba Lê bắt đầu khai diễn, danh từ đấu tranh chính trị với Công Sản xuất hiện, người ta tin rằng một giải pháp chính trị sẽ được đưa ra để kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài tại miền Nam.

Cuộc chiến tranh này bản chất nó là chiến tranh ý thức hệ giữa giáo điều Karl-Max và lý tưởng tự do bản nhiên nó phải là 1 thứ chiến tranh chính trị, phe Công Sản luôn luôn coi mọi cuộc đấu tranh đều mang bản chất chính trị, mặt trận quan sự chỉ để hỗ trợ cho mặt trận chính trị, các nhà lãnh đạo Công Sản đã từng quan niệm vũ khí chỉ là 1 hình thái của chính trị, trong khi đó thì chúng ta đã không chú trọng đến thứ chiến tranh tuyên truyền, 1 bộ phận của mặt trận chính trị, đã bỏ ngỏ từ lâu mặt trận này, cho nên dù tăng cường mọi thứ vũ khí tối tân, bao nhiêu nhân lực thì chiến tranh vẫn còn đó, đến lúc sau này khi đã nhìn thấy rõ rệt là không thể giải quyết cuộc chiến này bằng biện pháp quân sự, nên vấn đề đấu tranh chính trị được đặt ra nếu 1 giải pháp chính trị nào đó được thực hiện. Tuy nhiên, đấu tranh chính trị không có nghĩa là chờ Công Sản về hoạt động chính trị công khai rồi mới đấu tranh với họ, mà phải chuẩn bị đối phó ngay lúc phong trào võ trang nổi dậy của họ mới bắt đầu, hơn nữa dù giải thứ

Chúng ta có tìm được chiến thắng trong cuộc chiến tranh này bằng giải pháp quân sự thì cũng cần phải có 1 tổ chức chính trị hoạt động hữu hiệu để phòng ngừa sự nổi dậy trở lại của Cộng Sản.

Lịch sử Việt Nam đã cho thấy điều đó, năm 1954 qua căn bản của Hiệp Định Genève, hai miền Nam, Bắc sống trong hai chế độ chính trị khác nhau, nhưng Cộng Sản chỉ buôn vớ khí tập kết 1 cách bề ngoài, họ vẫn để lại 1 số căn bộ nằm vùng để chờ dịp tái phát động chiến tranh nổi dậy, nếu không thực hiện được tham vọng của họ. Đến nay, giả thử Cộng Sản chịu từ bỏ vũ khí chấp nhận tuyên cử, có chắc gì họ sẽ chịu yên khi thất cử không? hay là sau đó họ lại rút ra chiến khu áp dụng chiến thuật du kích trở lại.

Tại Lào phe Pathet Lào đã sẵn tham gia vào chính phủ liên hiệp quốc Cộng vào năm 1956 nhưng đến năm 1959 - 1960 Pathet Lào rút khỏi chính phủ vì thấy bất lợi cho họ và tái vũ trang phát động chiến tranh chống lại chính quyền Năm 1962, qua căn bản hiệp ước Genève Cộng Sản Lào lại tham gia vào chính phủ Trung lập nhưng vào năm 1963-1964 những vụ ám sát chính trị xảy ra tại thủ đô Lào, ông Polsana Bộ Trưởng thuộc phe Pathet Lào bị giết chết, quân Pathet lại rút ra chiến khu ở hai tỉnh Phong Saly, Sầm Nứa chống lại quân chính phủ (5)

Tại Miến Điện phe Cộng Sản và Quốc gia hợp tác nhau thành Liên Minh Nhân Dân Tự Do chống phát xít để chống Nhật nhưng sau khi chiến tranh kết liễu phe Cộng Sản lại tách rời khỏi Liên Minh, ra bùng chống chính quyền, sau đó bị quân đội dẹp, họ lại mở mặt trận chính trị bằng cách tạo ra Đảng Công Nông Miến rồi cải danh Thành Mặt Trận Quốc Gia thống nhất để tham dự vào các cuộc tuyển cử năm 1956, từ năm 1958 - 1962 bị đàn áp và rút ra chiến khu hoạt động mạnh trong vùng biên giới Miến Hoa (6).

Tại Mã Lai, phong trào Cộng Sản bình thường mạnh, năm 1948, quân Cộng Sản nhiều lúc chỉ còn cách thủ đô Mã vài cây số, nhưng người Anh đã dùng 1 chính sách khôn khéo để chống Cộng bằng cách :

- Xây dựng 1 chính quyền ổn cố, với hệ thống chính đảng mạnh.

- Quân sự mạnh

Ở Tân Gia Ba cũng vậy để ngăn chặn Công Sản, chính phủ của Thủ "Tuong Lý Quang Diệu cũng áp dụng cách xây dựng 1 hệ thống chính trị vững (7)

Như vậy, qua kinh nghiệm lịch sử Việt Nam và các nước bên vùng Đông Nam Á. Công Sản từ bỏ vũ khí không hẳn là chiến tranh không còn nó chỉ chờ dịp để tái phát nếu họ không đạt mục tiêu mong muốn, và cũng bằng kinh nghiệm thắng Công Sản tại Mã Lai, quốc gia này đã tổ chức 1 hệ thống chính trị vững vàng để đối phó với Công Sản. Tóm lại, ở V.N. đấu tranh chính trị là 1 vấn đề đặt ra luôn luôn dù hoà bình bằng giải pháp chính trị hay 1 giải pháp quân sự.

Nhưng đấu tranh chính trị với Công Sản là gì? Theo chúng tôi đấu tranh chính trị tức là tranh thủ nhân tâm, dành phần thắng lợi bằng cách lôi kéo quần chúng về phía quốc gia, thực hiện những điều mà dưới chế độ Công Sản không thể nào có được như án chủ, tự do, người dân tự phát triển đời sống họ về tự tha gia vào đời sống cộng đồng, ngoài ra còn phải tạo 1 mức sống sung túc đầy đủ cho dân chúng, hơn nữa khi Công Sản chịu chấp nhận tham dự vào sinh hoạt chính trị miền Nam như một thành phần đảng phái tham gia vào các cuộc tuyển cử hợp pháp lúc đó vai trò chính trị của các đảng phái còn khó khăn hơn và phải tổ chức thành 1 hệ thống vững mạnh vì Công Sản là 1 tổ chức.

- Có 1 lý thuyết hướng dẫn, có lực lượng quân sự hỗ trợ

- Chặt chẽ, có kỷ luật đấu tranh

- Có cán bộ kỹ luật, có tinh thần hy sinh

- Các mảnh khõe tuy truyền xáo quyết được áp dụng triệt để.

Điều quan trọng nhất là Công Sản đã hoạt động tại nông thôn từ lâu, lý thuyết Công Sản lại dễ hấp dẫn quần chúng

nông thôn, một mặt vì tình trạng nghèo khổ quá mức của họ, bị bóc lột bởi các đại điền chủ, cường hào ác bá, do đó dễ bắt mẫn, mặt khác vì ít có phương tiện học hỏi đầy đủ họ dễ tin theo lẽ lối nguy hiểm của cán bộ Công Sản, ngoài ra Công Sản còn áp dụng hình thức đe dọa, khủng bố, ám sát để lôi kéo quần chúng.

Chiêu bài của chúng ta thường dùng để đối phó với Công Sản là Dân Chủ - Tự do, nhưng Dân chủ chỉ có được khi người dân ý thức được quyền lợi và bổn phận của họ, sử dụng quyền công dân của họ hữu hiệu, do đó vai trò của chính quyền không đủ, vì đã từ lâu, người dân nông thôn bị tuyên truyền nhồi sọ, nên họ dễ đồng hóa chính quyền với áp bức, bất công. Thế nên, vai trò huấn luyện chính trị và hướng dẫn dân chúng vào sinh hoạt chính trị của các chính đảng thật cần ích, nhất là tại nông thôn, địa bàn hoạt động mà các đảng phái quốc gia sẽ sống còn với Công Sản. Nhờ vào vai trò của các đảng chính trị người dân sẽ sử dụng được quyền công dân 1 cách đầy đủ, từ đó dân chủ tự do mới là 1 hình ảnh xác thực chứ không phải chỉ là 1 từ ngữ rỗng tuếch.

Mặt khác, đấu tranh chính trị còn có nghĩa là tìm thắng lợi ở các cuộc bầu cử. Từ các cuộc bầu cử xã ấp đến bầu cử Quốc Hội, Tổng Thống, Phó Tổng Thống. Và thật bại chắc chắn xảy ra nếu các đảng phái quốc gia chỉ là những lực lượng rời rạc vô tổ chức, thiếu cán bộ.

Sự phân hóa càng nguy hiểm hơn nữa khi Công Sản chấp nhận tuyển cử, chúng ta cũng biết rằng đảng Công Sản luôn luôn thuần nhất, giả thử 1 liên danh Công Sản chỉ được chừng 20% số phiếu, lập trường quốc gia ở đến 80% dân chúng ủng hộ, nhưng với 6, 7 khuynh hướng, 6, 7 liên danh thì mỗi liên danh quốc gia số phiếu chừng 15%, Công Sản sẽ đắc cử trong khi họ chỉ thực sự đại diện cho 20% cử tri toàn quốc

Bài học chỉ Lợi gần đây nhất cho ta thấy rõ điều đó

Trong cuộc tranh cử Tổng Thống ngày 4-9-1970 ở Chí Lợi .

Cộng sản chiếm 36% số phiếu
Đảng Dân Chủ chiếm 28% "
Đảng Quốc gia chiếm 35% "

Hai đảng sau này chống Cộng và được 63% số phiếu - dân chúng ủng hộ, nhưng vì không kết hợp lẫn nhau, vì quyền lợi riêng tư nên đã đánh chịu thất bại. Bài học đó đáng cho các đảng phái chính trị VN lưu ý, lập trường quốc gia chỉ mới chia làm 2 ở Chí Lợi, đã thất bại rồi, hướng chỉ trước hiện tượng phân hóa với một chính trường đa đảng, hơn tạp nham ở VN hiện nay, khó mà hy vọng tìm thắng lợi ở các cuộc bầu cử.

Vì vậy trước nhu cầu vận động quần chúng trong cuộc đấu tranh chính trị nay mai, sự tập hợp các lực lượng chính trị của quốc gia là một điều cần thiết, tập hợp để có đủ thực lực hoạt động tại nông thôn, gây ảnh hưởng với quần chúng tại hạ tầng cơ sở, vật ngã lý thuyết và chủ trương của Cộng Sản, tập hợp để hy vọng tìm chiến thắng qua các cuộc bầu cử nếu xảy ra.

(5,6,7) G.S. Nguyễn Mạnh Hùng, Định chế chính trị ở Chiếu Đặc khảo vùng Đông Nam Á, Giảng Văn Cao Học Hành Chính 1970 - 1971
(8) Nguyễn Văn, Bài học Chí Lợi, Báo Chính Luận (ngày 16, 17, 18 tháng 1 năm 1971).

PHẦN THỨ HAI

PHÂN TÍCH SỰ TẬP HỢP CHÍNH TRỊ DƯỚI THỜI ĐỆ NHỊ V. N. C. H.



hội pháp thuộc nhà cầm quyền thuộc địa đã cố tình ngăn -
trở mọi hoạt động của các đoàn thể chính trị, nếu đã không
thiết lập 1 qui chế pháp lý nào, để ấn định sự hoạt động
ngay cả các hội đoàn phi chính trị, có lẽ vì e sợ các đoàn
thể chính trị sẽ núp dưới chiêu bài hiệp hội để chống người
Pháp. Mãi đến năm 1950, mới có 1 đạo dụ qui định thể lệ hội
hợp và lập hội, nhưng sản phẩm của thời thiêu đản này, chỉ
nhằm hạn chế và kiểm soát hoạt động của các hội đoàn cho
chặt chẽ, hơn là tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt chính
trị.

qua thời đệ nhất Cộng Hoà, dụ số 10 của thời Pháp
thuộc vẫn giữ nguyên, đó là 1 sai lầm của chế độ. Chính
quyền của Tổng Thống Diệm đã giữ 1 thái độ mặc cảm, ty hiềm
ngghi kỵ, e sợ đối với các đoàn thể chính trị nên dù nước nhà
đã giành lại được độc lập, các đoàn thể chính trị vẫn phải
hoạt động bí mật khỏa phi pháp lý (1) vì không có khung
cảnh luật pháp ấn định, qui chế hoá việc hoạt động của các
đảng phái nên chính trường chỉ có 1 hình ảnh duy nhất là
chính quyền, một trong những lý do đưa tới sự sụp đổ của chế
độ. Sự sụp đổ này càng tai hại hơn nữa là đã tạo ra 1 khoảng
trống chính trị quá lớn, làm tình hình chính trị miền Nam
lúc bấy giờ hỗn loạn, đe dọa sự sống còn của quốc gia.

Các đoàn thể chính trị đảng phái bị đàn áp dưới thời
Pháp thuộc, bị ngăn cấm dưới thời đệ nhất Cộng Hoà, nên chưa
phụ hồi sinh hoạt lại được, vì thì các thêm trạng mới xảy
ra như nhận xét ở phần I.

(1) Đảng cần lao Nhân vị của chính quyền thời Đệ I Cộng Hoà

Đến thời đệ nhị Cộng Hoà với bản Hiến Pháp ngày 1-4-1967, các nhà lập hiến đã nhận thấy sự nguy hiểm của việc bất ổn định sinh hoạt chính trị mà việc thiếu khung cảnh pháp lý thuận tiện là nguyên nhân trội yếu. Vì thế quý vị dân biểu lập hiến đã sửa soạn 1 khung cảnh pháp lý cho sự hoạt động của các đảng phái chính trị.

Chúng tôi sẽ phân tích sau đây, sự sửa soạn đó, từ bản hiến pháp đến luật số 009/69 ấn định qui chế đảng phái và đối lập chính trị, cũng như các đạo luật bầu cử các cơ chế căn bản như Quốc Hội, Tổng Thống Phó Tổng Thống, để tìm xem các kỹ-thuật pháp lý này có điều hướng được sinh hoạt chính trị và có tạo được sự dễ dàng cho việc tập hợp chính trị không ?

Ngoài ra dưới thời đệ nhị Cộng Hoà một vài tập hợp đã hình thành, điển hình là Mặt Trận Quốc-Gia Dân Chủ xã hội của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu còn gọi là Mặt Trận chính quyền và các tập hợp ngoài chính quyền như Mặt Trận cứu Nguy Dân Tộc, Phong Trào quốc gia cấp tiến, Lực lượng Dân Tộc Việt

Chúng tôi sẽ khảo xét thành phần, tổ chức, hoạt động của các tập hợp này để đưa ra nhận định về phong trào tập hợp đảng phái chính trị tại Việt-Nam Cộng Hoà. Đó là ba chương căn bản mà chúng tôi xét sau đây :

Chương Một

VIỆC XÂY DỰNG MỘT KHUNG CẢNH PHÁP LÝ CẦN THIẾT CHO SỰ TẬP HỢP

ĐOẠN I : HIẾN PHÁP NGÀY 1-4-1967

Ý hướng của các nhà lập hiến, Đệ nhị Cộng Hoà Việt-Nam mong mỗi sinh hoạt đảng phái lớn mạnh để hữu hiệu hoá sinh hoạt chính trị quốc gia cho nên, đã công nhận qua bản hiến pháp vai trò thiết yếu của chính đảng.

Chương VII nói về chính đảng và đối lập gồm 4 điều khoản.

1.- Điều 99 khoản 1 "Quốc gia công nhận chính đảng giữ vai trò thiết yếu trong chế độ dân chủ"

Về sự thành lập và hoạt động thì khoản 2 điều này ghi.

"Chính đảng được tự do thành lập và hoạt động theo các thể thức và điều kiện luật định".

2.- Sau khi xác nhận vai trò cần thiết của chính đảng, nhà lập hiến còn muốn đi xa hơn bằng việc tỏ rõ ý hướng muốn sinh hoạt chính trị tại Việt-Nam sẽ dựa trên sự thăng bằng của 2 đảng lớn.

Điều 100 ghi :

"Quốc gia khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng"

Có lẽ vì nhìn thấy quá trình sinh hoạt chính trị của các nước tân tiến như Anh, Mỹ, Cộng Hoà liên bang Đức (1) - vững vàng ổn định qua 2 đảng, nên muốn áp dụng định chế Chính trị này vào Việt-Nam.

(1) Ở Đức chỉ có 2 chính đảng lớn mạnh có hy vọng nắm chính quyền là đảng Dân chủ Thiên Chúa Giáo và đảng xã hội Dân Chủ.

Chúng ta cũng biết rằng nước có một đảng duy nhất thì khó tránh độc tài, nhiều đảng thì dễ lâm vào tình trạng bất ổn, nhưng dân chúng vẫn phải có đoàn thể đại diện để điều khiển hoặc kiểm soát, khiến cho chính quyền vừa dân chủ vừa kiến hiệu, đó là khuynh hướng hướng về chế độ lưỡng đảng.

Chế độ lưỡng đảng là một chế độ có một đảng nắm chính quyền còn có một đảng ngoài chính quyền nhưng được hoạt động tự do đối lập xây dựng để chờ cơ hội tuyển cử, nếu chiếm được sự ủng hộ của đa số quần chúng, sẽ nắm chính quyền. Nhờ sự kiểm soát của một đảng ngoài chính quyền tạo nên sự thăng bằng giữa hành pháp và lập pháp, chính sách quốc gia có thể tiến hành đều hoà liên tục, và ngoài ra nếu gặp quốc biến sự đoàn kết quốc gia cũng dễ dàng hơn.

Hơn nữa, chế độ lưỡng đảng sẽ giúp cho nhân dân dễ dàng lựa chọn người cầm quyền. Trong chế độ độc đảng, người dân không có quyền lựa chọn, trong chế độ đa đảng, người dân chọn mà không biết chắc mình chọn đúng không, vì phải chọn giữa 5, 6 đảng thì sẽ có sự phân vân bối rối, nhưng trong chế độ lưỡng đảng, người dân sẽ chỉ phải chọn một trong hai dự luận để tập trung hơn.

Người ta còn nhìn thấy một lợi ích nữa của chế độ lưỡng đảng là vì chỉ có hai đảng, đảng đối lập sẽ hy vọng có cơ hội nắm chính quyền do đó không đến nỗi cay cú tronh đối lập một cách mù quáng ... và vì sự mong muốn đặc cử, 2 đảng cố lôi kéo dư luận quần chúng, chính nhờ đó mà quyền lợi đại đa số dân chúng được bảo đảm hơn.

Như vậy, có lẽ vì nhìn thấy những lợi điểm trên nên nhà lập hiến đã muốn tạo một mô thức chính trị cho sau này, qua điều 100.

3. - Điều 101 ghi. -

"Quốc gia công nhận sự định chế hoá đối lập chính trị"

Chúng tôi sẽ có dịp bàn vấn đề đối lập chính trị ở phần luật số 009/69.

4. - Điều 102 ghi. -

"Một đạo luật sẽ ấn định quy chế chính đảng và đối

"lập chính trị".

Tóm lại, qua các điều khoản tại chương VIII Hiến-
Pháp đã dành cho chính đảng một địa vị xứng đáng với sự qui
định 3 điểm quan trọng :

- 1.- Vai trò thiết yếu của Chính đảng
- 2.- Sự tán trợ việc tiến tới chế độ lưỡng đảng
- 3.- Nguyên tắc tự do lập đảng.

ĐOẠN II : LUẬT BẦU CỬ NĂM 1967 VÀ NĂM 1970

A.-

1.- Luật số 001/67 ngày 15-6-1967 ấn định thể thức bầu
cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống gồm 7 chương. 59 điều, không
thấy điều khoản nào nhắc tới các ứng cử viên đại diện đảng
phái được giúp đỡ thế nào, như miễn tiền ký quỹ chẳng hạn.

2.- Luật số 002/67 ngày 15-6-1967. - ấn định thể thức bầu
cử Thượng Nghị Viện gồm 6 chương, 44 điều cũng không thấy
điều khoản nào giúp cho sự tập hợp đảng phái, hay khuyến
khích các liên danh đảng phái liên kết nhau.

3.- Luật số 004/67 ngày 7-8-1967 gồm 6 chương 43 điều
cũng như 2 luật bầu cử trên.

B.- LUẬT SỐ 007/70. -

Bầu cử bán phần thượng viện ngày 27-6-1970 gồm 6
chương, 49 điều, ở điều 16 đoạn A nói về điều kiện khi nộp p
đơn ứng cử cần các văn kiện.

"Biên lai đóng tiền ký quỹ nói ở điều 27 hoặc giấy
giới thiệu liên danh do một chính đảng hợp pháp cấp.

Giấy giới thiệu này gồm luôn lời cam kết của chính
đảng liên hệ sẽ chịu trách nhiệm liên đới với từng ứng cử
viên bởi hoàn ngân sách quốc gia, chi phí vận động trong
trường hợp liên danh rút đơn ứng cử hoặc không hội đủ số
phiếu tối thiểu như ấn định tại điều 27.

Điều 27 có khoản qui định

"Mỗi liên danh ứng cử phải ký quỹ tại Ngân khố một số
tiền dự phí vận động là 500.000\$. Tuy nhiên các liên danh,

ứng cử viên do các chính đảng hợp pháp giới thiệu được miễn đóng tiền ký quỹ.

qua 2 điều khoản trên, chúng ta nhận thấy ở luật bầu cử năm 1970 vai trò các chính đảng được đề ý hơn là luật bầu cử năm 1967. Mặc dù số tiền ký quỹ không đáng bao nhiêu so với số chi phí phải vận động. Nhưng sự qui định như vậy các nhà lập pháp chúng ta đã lưu ý tới vai trò của các chính đảng trong sinh hoạt chính trị quốc gia.

Theo ý chúng tôi từ đây qua các cuộc bầu cử, các đạo luật bầu cử phải có điều khoản nêu trên, nếu các nhà lập pháp mong muốn quốc Hội tương lai sẽ sinh hoạt bằng các khuynh hướng của các chính đảng hơn là các khối kết hợp cá nhân rời rạc, thiếu kỷ luật như hiện nay, hơn nữa còn có thể qui định số tiền ký quỹ khá lớn khoảng 300.000 cho các ứng cử viên hạ viện và độ 5 triệu cho các ứng cử viên Tổng Thống tuy nhiên nếu có sự giới thiệu của các chính đảng hợp pháp số tiền ký quỹ sẽ được đặt liên hệ trách nhiệm cho chính đảng hơn là cá nhân.

Sự qui định như vậy sẽ ghép được các cá nhân hoạt động chính trị vào các tổ chức chính đảng nhờ đó đảng phái sẽ phát triển hơn nữa. Khi sinh hoạt tại nghị trường thì các vị dân cử đại diện cho chính đảng làm việc có kỷ luật hơn, nhờ đó quốc hội sẽ hữu hiệu hơn là quốc hội với thành phần cá nhân vô tổ chức.

Tóm lại, chế độ tuyển cử từ năm 1967 tới năm 1970 - qua 3 cuộc bầu cử thượng viện và Tổng Thống tháng 9 năm 1967 Hạ Viện tháng 10. 1967 và bán phần Thượng Viện 1970 - đã không tạo dựng được những điều kiện tác động mạnh mẽ cho sự tập hợp các lực lượng chính trị.

ĐOẠN III : LUẬT SỐ 009/69 NGÀY 19-6-1969

ÁN ĐỊNH "QUY CHẾ CHÍNH ĐẢNG VÀ ĐỐI LẬP CHÍNH TRỊ" ĐÓNG VAI TRÒ HOÁ Ý HƯỚNG CỦA HIỆP PHÁP Ở ĐIỀU 102 "MỘT ĐẠO LUẬT SỐ 009/69 THÀNH HÌNH VỚI 7 CHƯƠNG, 44 ĐIỀU. CHÚNG TÔI KHÔNG KHÁO XÉT VỀ MỌI KHÍ CẠNH CỦA ĐẠO LUẬT NÀY MÀ CHỈ NGHIÊN CỨU VỀ NHỮNG ĐIỀU KHOẢN NÀO NHẪM ĐẶT CÁC CHÍNH ĐẢNG VÀO THỂ PHẢI

kết hợp, cũng như hướng về một qui chế lương đảng và định chế hoá đối lập chính trị.

A. - ĐẶT CÁC CHÁNH ĐẢNG VÀO THỂ PHẢI KẾT HỢP. -

Điều 10, khoản 1 chương II qui định :

"Trong một thời hạn 18 tháng, kể từ ngày được cấp cấp phái lại, chánh đảng, muốn được hợp thức hoá phải hội đủ các điều kiện sau đây.

a) - Hoặc 10 ban chấp hành Tỉnh, thị bộ. Mỗi tỉnh, thị bộ có ít nhất 500 đảng viên.

b) - Hoặc 5 ban chấp hành tỉnh, thị bộ. Mỗi tỉnh, thị bộ có ít nhất 500 đảng viên. Trong số đó có 10 đảng viên chính thức là đại diện dân cử trong quốc hội....

Sự đòi hỏi của luật ở điều 10 nhằm 2 mục đích

1. - Chấm dứt tình trạng phân hoá, yếu kém của các đảng chính trị từ trước đến giờ, vì muốn được hợp thức hoá các đảng nhỏ phải kết hợp lại.

2. - Đảng chính trị phải có hậu thuẫn thực sự của quần chúng, phải có uy tín môi trường hoạt động rộng rãi.

Sự đòi hỏi của luật nhiều người cho là quá khắt khe (1) nhưng theo chúng tôi thì rất hợp lý.

- Vì không thể nào để nạn lạm phát đảng phái hoành hành mãi, chỉ tổ làm nguy hại đến sinh hoạt chính trị quốc gia, không thể chấp nhận được một đảng chính trị cho là có thực lực khi số đảng viên đem trên đầu ngón tay với những nhân vật quen làm chính trị bằng miệng hay chính trị "salon"

Hơn nữa luật đã dung hoà bằng cách chấp nhận chỉ cần 5 tỉnh, thị bộ có Ban Chấp Hành và mỗi tỉnh, thị bộ có ít nhất 500 đảng viên với 10 đảng viên chính thức là đại diện dân cử trong Quốc Hội.

Nếu không tổ chức được sâu rộng thì ít nhất đảng ấy

(1) Nguyễn Văn Hương, Qui chế chính đảng Việt-Nam luận văn tốt Nghiệp Cao Học Hành Chánh khoá 3 1967-1969

phải có uy tín với quần chúng bằng cách đảng viên của mình có mặt trong Quốc Hội.

Chính vì tình trạng cứ 5, 3 người tự xưng là có uy tín với quần chúng, điều này ai biết được, rồi cứ làm đơn xin khai báo lập đảng, là đảng thành hình sự dễ dàng đó sẽ đưa tới những âm mưu trục lợi, coi chính trị như một "appie" áp phe bán một chiếc xe hơi, một cái nhà, nên chính trị và chính đảng luôn bị gắn ghép cho những từ ngữ xấu xa, bán thiu, chính đảng phải nhằm mục tiêu cao cả của nó, phải kết hợp được những người có lý tưởng, có tổ chức, có hoạt động và nếu muốn sinh hoạt đúng đắn thì sự qui định của điều 10 không có gì là quá khắt khe, hơn nữa khi mà sự khắt khe chỉ nhằm mục đích khuyến khích các đảng phái hoạt động tổ chức lớn rộng và hữu hiệu, điều đó chỉ lợi cho các chính đảng, tưởng cũng nên chấp nhận.

Ngoài ra, cũng cần tạo điều kiện cho sự kết hợp chính đảng điều 23 qui định :

"Hai hay nhiều chính đảng đã được hợp thức hoá theo điều 11 có thể hợp nhất thành một liên minh.

Trong trường hợp này những cá nhân đảng viên gia nhập liên minh chỉ đại diện cho một xu hướng chính trị chứ không thể đại diện cho chính đảng cũ

Tóm lại, qui chế đặt ra lý thuyết hợp thức hoá để khuyến khích các đảng nhỏ thống nhất thành một đảng mới, để đặt đủ điều kiện hợp thức hoá khi họ muốn, nghĩa là họ phải giải tán đảng cũ lập lại những thủ tục từ đầu, có sáng lập viên và ban chấp hành mới, hồ sơ khai trình mới để được cấp phái lại, nhưng từ đây họ phải hoạt động như là một đảng thuần nhất. Đó cũng là dụng ý của nhà làm luật khi đưa ra điều kiện để được hợp thức hoá là tập hợp các chính đảng nhỏ lại.

B. - HƯỚNG VỀ MỘT HỆ THỐNG LƯƠNG ĐẢNG BẰNG CÁCH ĐỊNH CHẾ ĐỐI LẬP CHÍNH TRỊ. -

Luật số 009/69 đã dành trọn chương IV từ điều 25 đến 29 để nói về đối lập chính trị. Sự công nhận vai trò của đối lập đã chứng minh được tính cách dân chủ và tiến bộ của chế độ mà ở các chế độ trước đối lập là đồng nghĩa của trống rỗng,

phá hoại, tù đày.

Điều 25 qui định :

"Chánh đảng hay Liên Minh Chánh đảng hợp pháp được sử dụng quyền đối lập chính trị!"

Điều 26 qui định :

"Chánh đảng có quyền đối lập với chính quyền về chính sách nhưng phải hoạt động công khai, hợp pháp, bất bạo động trong chiều hướng phụng sự quốc gia".

Chánh đảng có đại diện tham gia chính phủ không thể là chánh đảng đối lập".

Điều 27 :

Việc hành sử quyền đối lập chính trị bao gồm

a) - Quyền tự do trong việc phê bình, chỉ trích đường lối, chủ trương của chánh phủ, quyền tố cáo các hành động áp bức, tham nhũng của nhân viên chánh quyền các cấp.

b) - Quyền được có cơ quan ngôn luận chính thức phổ biến các loại truyền đơn, bích chương, biểu ngữ, tổ chức những buổi nói chuyện công khai sau khi thông báo với chính quyền sở tại.

qua các điều 25, 26, 27 luật đã dành cho chính đảng được quyền sử dụng quyền đối lập chính trị.

Điều này cũng dễ hiểu vì không phải người dân không có quyền chỉ trích chánh phủ, nhưng sự chỉ trích của cá nhân người dân chỉ là một đối lập cục bộ với những vấn đề nhỏ nhặt, riêng rẽ, chỉ có chính đảng mới tập hợp được các bất mãn riêng rẽ, để đúc kết thành một hệ thống đối lập về chính sách đặt trách nhiệm của chánh quyền trước toàn dân.

Ngoài sự qui định rõ rệt về phương thức đối lập quyền hạn của đối lập - luật còn hướng về hệ thống lưỡng đảng.

Điều 28 : "Đa số các chánh đảng và liên minh chánh đảng không có đại diện tham gia chánh phủ tự đặt mình vào thế đối lập, trong một đại hội công khai, cử ra một đại diện giữ vai trò lãnh tụ. Biên bản buổi họp được thông báo cho Bộ Nội Vụ để công khai hoá vị lãnh tụ đối lập này".

Điều 29 : "Các thủ lĩnh đối lập giữ vai trò cố vấn chánh phủ, không được giữ chức vụ công cử, được đãi ngộ như một nghị sĩ về thù lao và được hưởng quyền đặc miễn tài phán

Các điều này rõ rệt khuyến khích các đảng tập hợp lại 2 hệ thống. Một hệ thống đảng chánh quyền và một hệ thống đảng đối lập.

Có người nêu lên những khó khăn trong vấn đề lãnh tụ đối lập.

- Đối lập thay mặt nhiều đảng chứ không là một đảng nên khó thực hiện vì có thể mỗi đảng có lập trường khác nhau trong mỗi vấn đề, hơn nữa trước tình trạng hiện nay vấn đề ngồi chung lại với nhau để suy tôn lãnh tụ đối lập là một điều không tưởng.

Chúng tôi không bác bỏ lập luận này nhưng theo chúng tôi luật chẳng những đặt ra cho hiện tại mà còn phải dự trữ cho tương lai, giả thử ngày nào đó, một mẫu số chung nào đó để các đảng có thể ngồi gần với nhau thì khung cảnh pháp lý nào cho phép họ tập hợp lại?

Còn việc suy tôn lãnh tụ thì không có gì khó khăn khi đã ngồi gần được với nhau, nếu ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình, các chính đảng phải tự tìm ra một phương thức để cùng nhau chấp nhận được, hơn là kèn cựa hơn thua.

Như vậy định chế hoá đối lập của luật có ý nghĩa là một trong những kỹ thuật pháp lý giúp các chính đảng tập hợp quanh vị lãnh tụ đối lập tìm một sức mạnh để đối phó với chính quyền.

Chúng ta cũng biết hệ thống lưỡng đảng - là một điều kiện tất yếu cho sự định chế hoá đối lập chính trị. Nhưng, ngược lại, kỹ thuật pháp lý định chế hoá đối lập được nhà làm luật tạo ra cũng có thể khuyến khích tiến tới chế độ lưỡng đảng.

Tóm lại, trong tất cả các điều kiện mà qui chế muốn ràng buộc chính đảng tuy rất nhiều và có thể phức tạp, nhưng các điều kiện ấy bắt nguồn từ 2 ý hướng căn bản:

- Công khai hoá và tập hợp các đoàn thể chính trị lại để đủ mạnh và hữu hiệu.

- Tiến tới chế độ lương đảng để ổn định hoá sinh hoạt chính trị.

Như vậy có thể kết luận rằng ở thời độ nhứt Cộng Hoà khung cảnh pháp lý khá thuận tiện cho sinh hoạt đảng phức tạp hơn các thời trước, nhưng thực tế của sự tập hợp thì sao ?

Chương Hai

CÁC TẬP HỢP TỪ NĂM 1967

Ngày 25-5-1969, một mặt trận tập hợp các đoàn thể có thể tho là lớn ra đời. Tập hợp này còn được gọi là của chính quyền vì do Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đứng ra lãnh đạo với danh xưng là Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội. Sự hình thành này có thể là do ý muốn của chính quyền nhằm tạo một mô thức - lương đảng cho sinh hoạt chính trị, với hình thức Mặt Trận chính lập ủng hộ chính quyền, còn lại những đoàn thể không ủng hộ hay chống đối chính quyền về phương thức phương pháp hành động sẽ tạo thành Mặt Trận Đối lập. Chúng ta có thể nhìn thấy được ý hướng của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu qua bài nói chuyện của Tổng Thống ngày 29-6-69 và thông điệp của Tổng Thống đọc trước phiên họp khai khoá thường lệ kỳ đầu năm 1969 của Quốc Hội lưỡng viện ngày 7-4-1969.

Sau đó Tổng Thống đã đứng ra thành lập Mặt Trận chính lập hay tập hợp chính trị của chính quyền với 6 đoàn thể:

- 1.- Việt-Nam Quốc Dân Đảng (1 chủ tịch Vũ Hồng Khanh)
- 2.- Dân xã Đảng (chủ tịch Ông Trịnh Quốc Khánh)
- 3.- Nhân xã Đảng (chủ tịch Ông Trương Công Cửu)
- 4.- Liên Minh Dân Tộc Cách Mạng Xã Hội
(chủ tịch Ông Nguyễn Văn Hưởng)
- 5.- Lực lượng Đại Đoàn Kết (chủ tịch Ông Nguyễn Gia Hiến)
- 6.- Đại Việt Cách Mạng (chủ tịch Ông Hà Trúc Ký)

Ngoài tập hợp của chính quyền còn có những tập hợp khác như Mặt Trận Cứu Nguy Dân Tộc, lực lượng Dân Tộc Việt, Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, Phong Trào Tân Dân. Chúng tôi cũng sẽ phân tích tổ chức hoạt động của loại tập hợp sau này để từ đó có thể nhận định được thành quả của vấn đề tập hợp các lực lượng chính trị tại Việt-Nam.

ĐOẠN I : MẶT TRẬN QUỐC GIA DÂN CHỦ XÃ-HỘI

A.- BÀI NÓI CHUYỆN CỦA TỔNG THỐNG VNCH TRONG BUỔI TIẾP XÚC CHÍNH TRỊ TẠI DI NH ĐỘC LẬP NGÀY 29-6-1968.-

Bài nói chuyện này đã được Tổng Thống đọc nhân buổi tiếp xúc với các lãnh tụ chính trị.

Tổng Thống đã trình bày quan điểm về 4 vấn đề liên quan đến chính đảng như sau :

- 1.- Vai trò của chính đảng trong thể chế VNCH
- 2.- Vai trò của chính đảng với hiện tình đất nước
- 3.- Mối tương quan giữa chính đảng và chính quyền
- 4.- Quan niệm về sự thành hình của hệ thống lưỡng đảng

1.- Trong sự nhận định về vai trò của chính đảng.-

Trong thể chế Việt-Nam Cộng Hoà, Tổng Thống đã xác định tính cách thiết yếu của một hệ thống đảng phái lớn mạnh trong sinh hoạt dân chủ. Ông nói "vai trò của chính đảng đối với một thể chế dân chủ là một vai trò hạ tầng cơ sở và tác động nên sinh hoạt chính trị. Nếu xây dựng dân chủ mà không xây được một hệ thống chính đảng thích hợp thì dù có tài giỏi cách mấy người ta sẽ có thể bị rơi vào 2 trường hợp :

- Thứ nhất là trường hợp một chế độ dân chủ chỉ có trên hình thức chứ không thực sự.

- Thứ hai là trường hợp một chế độ dân chủ hỗn loạn, hoàn toàn hỗn loạn và chao đảo dẫn đến sự sụp đổ.

Vậy thì để đi đến một chế độ dân chủ thật sự và tiến bộ, mọi nỗ lực của chúng ta đều phải dồn vào việc xây dựng một hệ thống chính đảng thích hợp chứ không phải cứ kêu gào, cứ đòi hỏi, cứ phát động đấu bừa bãi mà sẽ có được dân chủ".

2.- Vai trò của chính đảng đối với tình thế.-

Tổng Thống cho thấy tình thế của chúng ta là một tình thế vừa phải đối phó với công sản, lại vừa phải thực hiện các nhiệm vụ xây dựng chính trị và xã hội, để đem lại một đời sống tốt đẹp cho đồng bào. Đứng trước một tình thế như vậy hiển nhiên ai cũng thấy các chính đảng sẽ có các vai trò.

a)- Trong chiến tranh.-

Chính đảng sẽ đóng vai trò đối phó với mọi thủ đoạn tấn công của Cộng Sản về phương diện chính trị. Dùng tổ chức chính đảng của ta để đối phó với tổ chức của địch.

b)- Trong việc thực hiện chính sách quốc gia.-

Chính đảng có một vai trò trung gian. Chuyển hoá những nguyện vọng của quần chúng bằng cách đặt thành những lập trường để chính quyền có thể nhìn thấy làm tiêu chuẩn trong việc hoạch định chính sách quốc gia hoặc là ngược lại khi có sự đồng ý của các chính đảng với chính quyền về đường lối mà quốc gia phải thực hiện thì chính cán bộ của đảng sẽ giải thích và huy động quần chúng ủng hộ mình tham gia vào sự thực hiện chính sách đường lối đó.

c) - Sau chiến tranh. -

Nếu mặt trận quân sự kết thúc nhường chỗ cho mặt trận chính trị thì lúc đó các lực lượng chính yếu tất sẽ phải là các chính đảng và tương lai quốc gia sẽ tùy thuộc phần lớn vào sự thắng bại của các đoàn thể chính trị.

3. - Mối tương quan giữa đảng và chính quyền. -

Khi đề cập đến vấn đề này, Tổng Thống quan niệm rằng chính đảng và các quyền lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp là hai thành phần nòng cốt của chế độ dân chủ. Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp là thượng tầng kiến trúc. Chính đảng là hạ tầng cơ sở. Mỗi thành phần đều có một vai trò một giá trị, không thể thiếu mà cũng không thể coi cái nào phụ thuộc vào cái nào. Tổng Thống đưa ra 2 nhận định về sự hỗ tương của chính quyền và chính đảng.

- Chính đảng trông đợi chính quyền, sự tôn trọng chế độ dân chủ, tôn trọng hiến pháp, luật lệ, tôn trọng vai trò và tiếng nói đại diện cho một khuynh hướng chính trị nào đó của chính đảng. Như vậy chính đảng cũng đã chia xẻ một phần nào trách nhiệm quốc gia. Về phương diện vật chất, sự trông chờ của chính đảng là muốn chính quyền giúp đỡ những phương tiện thuận lợi cho sự phát triển.

- Ngược lại, nhiệm vụ điều hoà sinh hoạt xã hội của chính quyền sẽ trông chờ nơi các chính đảng, sự huy động quần chúng để giúp cho sự thực hiện việc điều hoà ấy được dễ dàng.

4. - Quan niệm về sự thành hình của hệ thống lưỡng đảng. -

Từ nhận xét pháp lý tức là điều 100 Hiến Pháp 1967 và nhận xét thực tế là sự kiện lạm phát đảng phái rất nguy hại cho sinh hoạt chính trị, Tổng Thống cho rằng : "sự kết hợp nhiều danh nghĩa nhỏ thành một danh nghĩa lớn là một việc không lấy gì làm khó khăn trên nguyên tắc vì sự khó khăn không phải là những khác biệt về vấn đề tôn chỉ, mục đích hay đường lối mà chỉ vì những ràng buộc, những thành kiến quá khứ, những dè dặt nghi kỵ trong hiến tại hoặc cũng có thể vì cả những tham vọng có thể thực tế hay không thực tế trong tương lai. Tuy nhiên Tổng Thống cũng nhận nhận rằng muốn có hệ thống lưỡng đảng không phải chỉ cần có luật lệ là đủ mà sự

thành hình còn tùy thuộc một phần nào vào những điều kiện tự nhiên của hoàn cảnh chính trị.

Tóm lại, trong bài nói chuyện nhân buổi tiếp xúc chánh trị tại Dinh Độc Lập, Tổng Thống đã nêu những quan niệm của Ông về vai trò các chánh đảng và bày tỏ ý hướng về một mô thức lưỡng đảng trong sinh hoạt chánh trị nước nhà.

Nhưng lời kêu gọi tập hợp của Tổng Thống đã không được các đoàn thể đáp ứng cụ thể và mạnh mẽ, nên một năm sau đó vào ngày 7-4-1969 Tổng Thống đã đọc một thông điệp trước lưỡng viện quốc hội để thông báo cụ thể ý định tập hợp các đoàn thể chính trị mà chính quyền đi bước trước.

II. - THÔNG DIỆP NGÀY 7-4-1969. -

Trước hình ảnh đấu tranh chính trị với cộng sản thời hậu chiến, Tổng Thống VNCH đã đề ra một phương thức về vấn đề tập hợp các đoàn thể chánh trị trong thông điệp này.

Tổng Thống đã nhấn mạnh đến các vấn đề lý tưởng, lãnh đạo, tổ chức khi Ông đề cập đến sự thất bại của hàng ngũ đảng phái quốc gia và Tổng Thống đã hỏi :

"Nay, vì không thể chờ đợi vì thời gian không cho phép ta chờ đợi thêm nữa, nên tôi đã quyết định tự nguyện đứng ra làm việc ấy, một cách trực tiếp và tích cực.

Về một phía, phía khuyến hướng cầm quyền, tôi nghĩ rằng, đó là cách tốt nhất, và ngắn nhất để giải quyết vấn đề lãnh đạo. Thực tế là tôi đang cầm quyền, thực tế là chúng ta cần phải có một đoàn thể chính trị đại diện cho khuyến hướng cầm quyền. Tôi sẽ đứng ra làm việc ấy".

Tổng Thống cũng đã phác họa sơ lược về tổ chức tập hợp của Ông.

- "Riêng vấn đề tổ chức, trong những ngày sắp tới, trong vài ngày sắp tới, tôi sẽ đứng ra buy động việc thành lập một tập hợp chính trị khả dĩ tương xứng với vai trò và ý nghĩa của 2 chủ chánh đảng".

Tôi sẽ phác họa một tập hợp chính trị rộng rãi, có thể gọi đó là một đoàn thể, một mặt trận... danh xưng có thể không quan hệ, nhưng thực chất của nó là tất cả những ai

những vị nào, những đoàn thể, danh nghĩa nào tán thành những đường lối chính sách của tôi đối với quốc gia, tán thành những mục tiêu xây dựng dân chủ, giải quyết chiến tranh, cải tạo xã hội, mà tôi đã đề xướng, tất cả những nhân vật và danh nghĩa ấy sẽ tập hợp lại cùng với tôi trong một khuôn khổ tổ chức nào đó có thể rộng rãi, có thể chặt chẽ, có thể hoà hợp như một, hoặc vẫn gồm những đơn vị tổ chức đồng hành, nhưng mục tiêu trước nhất của chúng ta là phải tập hợp cho được

Trong một khuôn khổ rộng rãi và linh động như vậy, ... những ai đồng ý với tôi xin hãy cùng tôi làm, cùng tôi góp sức, cùng tôi gánh vác trách nhiệm chung".

Sau đó, Tổng Thống còn kêu gọi các nhân vật, đoàn thể không đồng ý với ông nên tập hợp lại thành một Mặt Trận Đối lập với chính quyền.

"Còn đối với những nhân vật, những đồng bào không đồng ý với tôi - tôi muốn nói rõ - không đồng ý về cách thức, về phương pháp chứ không phải về lý tưởng, vì chỉ có Cộng Sản thì mới không đồng ý với chúng ta về lý tưởng quốc gia. Vậy, những ai không đồng ý với tôi, tôi cũng mong muốn và hơn thế nữa, tôi đòi hỏi các vị ấy cũng phải tập hợp lại cũng phải tổ chức lại vì như vậy cũng là góp phần giải quyết các vấn đề lãnh đạo và tổ chức về một phía, phía được gọi là Đối Lập".

Sau bản thông điệp đọc trước quốc hội, ngày 25-5-1969 tức hơn một tháng sau, Mặt trận chính lập của Tổng Thống ra đời. Đó là Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội.

B. - THÀNH PHẦN, TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN. -

1. - Thành phần. -

Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ xã hội gồm các thành phần chính đảng sau đây :

1. - Đại Việt Cách Mạng - Chủ Tịch - Ông HÀ THỨC KÝ
2. - Liên minh dân tộc.
Cách Mạng xã hội - Chủ Tịch - Ông NGUYỄN VĂN HƯỚNG
3. - Lực Lượng Đại đoàn kết - Chủ Tịch - Ô. NGUYỄN GIA HIẾN

4.- Việt-Nam Dân Chủ Xã Hội
đảng gọi tắt là Dân Xã Đảng - Chủ Tịch - Ông
TRÌNH QUỐC KHÁNH

5.- V.N. nhân xã cách mạng
Đảng gọi tắt là NHÂN XÃ ĐẢNG - Chủ Tịch -
Ông TRƯƠNG CÔNG CỬU

6.- V.N. Quốc Dân Đảng - Chủ Tịch - Ông VŨ HỒNG KHANH

Mặt Trận ra mắt ngày 25-5-1969 tại rạp Rex.

Đến 14-5-1970 Mặt Trận có thêm, 1 đoàn thể mới là

7.- Phong trào đoàn kết các sắc tộc Cao Nguyên V.N.
của Ông Y Bling - Buon Krong-Pang (2)

Như vậy hiện nay, Mặt Trận chính lập này gồm 7 đoàn -
thể đã hợp thức hoá hoạt động bằng Nghị Định của Bộ Nội Vụ (3)

2.- Tổ chức và thẩm quyền.-

a)- Ở Trung Ương, các cơ quan điều hành côngviệc gồm :

* HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH

Gồm Tổng Thống NGUYỄN VĂN THIỆU và 1 vị lãnh đạo cao -
cấp của mỗi một đoàn thể hội viên. Hiện Tổng Thống Thiệu là
chủ tịch củ a Hội Đồng chủ tịch này.

Hội đồng chủ tịch là cơ quan tối cao điều khiển sựsinh
hoạt của Mặt Trận Hội đồng chủ tịch hoạch định chính sách và
chương trình hành động của Mặt Trận sau khi cứu xét các bản
nghiên cứu và đề nghị của Văn Phòng thường trực và của các Ủy
Ban Chuyên Môn. Hội đồng Chủ Tịch áp dụng hiến chương, ấn định
và thi hành nội quy, biểu quyết Ngân sách của Mặt trận (3).

* VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

Mỗi đoàn thể hội viên đề cử hai đại diện sung vào Văn
Phòng Trưc của Mặt Trận.

(2) Y Bling là tên của Ông chủ tịch
Buon Krong Pang là giòng Tù Trưởng

(3) Mặt Trận Quốc Gia Dân chủ xã hội, tuyên ngôn Hiến chương
Nội qui, chương II, điều 7

Văn Phòng được tổ chức như sau :

1.- Một Tổng Ủy viên điều khiển văn phòng thường trực có các nhiệm vụ sau :

- Chuẩn chỉ các khoản chi tiêu của Mặt Trận trong giới hạn đã được ấn định bởi ủy nhiệm của chủ tịch Hội - Đồng Chủ Tịch.
- Đôn đốc, phối hợp các Ủy Ban chuyên môn
- Liên lạc với các cơ quan, đoàn thể trong và ngoài Mặt Trận.
- Thi hành các chỉ thị của Hội Đồng Chủ Tịch
- Chủ Toạ các phiên họp của Liên Ủy Ban để bầu Chủ Tịch liên Ủy Ban
- Thuyết trình tổng quát và thư ký phiên họp của Hội Đồng Chủ Tịch, lập và ký biên bản cùng chủ tịch Hội Đồng chủ tịch.

2.- Một Phụ Tá Tổng Ủy Viên để trợ giúp và thay thế Tổng Ủy viên khi cần thiết, Phụ Tá Tổng Ủy viên đặc trách các Ban Văn Thư, tài liệu, hành chánh, nhân viên, cán bộ, kế toán và kiêm nhiệm chức vụ Thủ quỹ của Mặt Trận.

3.- Ban điều hợp, đôn đốc, kiểm tra gồm có 1 ủy viên đặc trách và 1 ủy viên phụ tá. Mỗi khi công tác ở địa phương, ban này phải thông báo trước cho các đoàn thể hội viên cử đại diện tham dự.

4.- Ban Tuyên vận, Thông Tin và báo chí gồm 1 Ủy viên đặc trách và 1 ủy viên phụ tá.

5.- Ban Nghiên Huấn gồm 1 ủy viên đặc trách và 1 ủy viên phụ tá

6.- Ban giao Tế gồm 1 ủy viên đặc trách và 1 ủy viên phụ tá

7.- Ban Tài Chánh : gồm 1 ủy viên đặc trách và 1 ủy viên phụ tá.

Tổng Ủy Viên, Phụ Tá Tổng Ủy Viên và Ủy Viên được bầu cử bằng thể thức đầu phiếu kín, đa số tương đối, bởi tất cả các đại diện các đoàn thể hội viên trong văn phòng thường trực.

Nhiệm kỳ các vị trên là 6 tháng và có thể được tái cử (4).

b)- Tại địa phương có 1 Ban đại diện của Mặt Trận gọi là Ủy Ban Mặt Trận Đô, Tỉnh, Thị.

Ủy Ban gồm có :

- Một chủ tịch
- Một Phó chủ tịch
- Một Tổng thư ký
- Các Ủy viên phụ trách

3.- Hoạt động.-

Mặt Trận được coi như là cơ quan giúp ý kiến cho Tổng Thống NGUYỄN VĂN THIỆU ấn định 1 đường lối chính trị chung.

Thầy nhiên theo tin tức đăng tải trên báo chí thì Tổng Thống Thiệu ít sinh hoạt với các đoàn thể trong Mặt Trận của Ông (5). Và người ta cũng không thấy Mặt Trận này có những hoạt động và những vai trò gì rõ rệt trong chính quyền.

ĐOẠN II : CÁC TẬP HỢP KHÁC

Ngoài tập hợp của Tổng Thống Thiệu mà chúng tôi đã lược xét trên, người ta còn thấy những tập hợp ngoài chính quyền xuất hiện từ năm 1968 đến nay.

Chúng tôi xem các tổ chức này như là 1 tập hợp vì một mặt ở danh xưng là Phong Trào, Mặt Trận, Liên Minh ... mặt khác là vì các tổ chức này có thành phần mở rộng khi thành lập. Đó là các tập hợp.

(4) Mặt Trận Quốc Gia Dân chủ xã hội, tài liệu đã dẫn chương III điều 2, 14, 15

(5) Xem các báo Xây Dựng, ngày 15-10-1970 tin "MTQGDCXH của Tổng Thống Thiệu sắp lật đổ".

Báo Độc Lập ngày 14-12-70 Fin "Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội hoàn toàn tan rã"

Báo Chính Luận ngày 19-1-71 trong mục số tay của tác giả Sức Mấy.

- A. - MẶT TRẬN NHÂN DÂN CỨU NGUY DÂN TỘC
- B. - PHONG TRào QUỐC GIA CẤP TIẾN
- C. - LỰC LƯỢNG DÂN TỘC VIỆT
- D. - LIÊN MINH DÂN TỘC CÁCH MẠNG XÃ HỘI
- E. - ỦY BAN PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG CÁC CHÍNH ĐẢNG

A. - MẶT TRẬN NHÂN DÂN CỨU NGUY DÂN TỘC. -

Trong lúc biến cố Tết Mậu Thân xảy ra (1968) 1 số người đã liên lạc nhau, mục đích cố tập hợp nhau lại để nói lên tiếng nói báo nguy trước tình trạng lâm nguy của dân tộc.

Ngày 5-2-1968, 1 Ban Vận Động "Cứu Nguy Dân Tộc" do Nghị sĩ Trần Văn Đôn giữ nhiệm vụ chủ tịch ra đời.

Ngày 18-2-1968 1 đại hội Nhân dân đã được triệu tập tại trường Quốc Gia Âm Nhạc, người tathấy đủ thành phần chính trị gia, lãnh tụ các đảng phái, tôn giáo, thân hào nhân sĩ như các cụ PHAN KHẮC SỬ, TRẦN VĂN HƯƠNG, Luật Sư TRẦN VĂN TUYẾN, Ông TRẦN QUỐC BUỒ, Linh Mục HOÀNG QUỲNH, V, v... Tổng kết gồm 189 đại biểu đại diện cho các tôn giáo, nghiệp đoàn, chính đảng hiệp hội, nhân sĩ, nghị sĩ. (6)

Sau đó đại hội đã quyết định

- Thành lập Ban thường vụ vận động Nhân dân Cứu Nguy Dân Tộc và tín nhiệm Nghị Sĩ Trần Văn Đôn trong chức vụ Chủ Tịch.

- Nghiên cứu tổ chức và phương thức đoàn kết toàn dân trong 1 mặt trận chính trị thuận nhất.

- Liên lạc tiếp xúc rộng rãi với mọi đảng phái, đoàn thể, tôn giáo, hiệp hội và các tầng lớp nhân dân để tiến tới 1 khoáng đại hội nghị toàn quốc thảo luận và thực hiện quyết định trên.

Ngày 10-3-1968 Ban Thường Vụ của Mặt Trận đã triệu tập 1 buổi Quân Dân đại hội tại rạp REX vào ngày 10-3-1968 gồm

(6) Xem lược sĩ và Cương lĩnh đấu tranh của Mặt Trận Nhân Dân Cứu Nguy Dân Tộc - Tài liệu căn bản.

1972 đại biểu (7).

Đại hội đã họp và thảo luận các vấn đề liên quan tới tình hình chính trị chung và sau đó đưa ra 10 quyết nghị đại cương.

- Thống nhất toàn dân để cứu nguy dân tộc
- Tổ chức rộng rãi không phân biệt tôn giáo sắc tộc , xu hướng chính trị, thành phần xã hội.
- Nhắm đối tượng là Cộng sản (8)
- Chính sách của Mặt Trận là đại đoàn kết quốc gia , động viên toàn dân tham gia vào những nỗ lực cứu nguy Dân Tộc Xây Dựng 1 nước Việt-tiến bộ, góp phần bảo vệ hữu hiệu vùng Đông Nam Á.

Sau đó, Trung Tướng Trần Văn Đôn đặc cử chủ tịch Ban chấp hành Trung Ương Mặt Trận và 48 vị khác vào Ban chấp hành Sau đại hội toàn quốc ngày 10-3-1968 Mặt Trận này bắt đầu xúc tiến việc tổ chức các cơ sở tại các tỉnh.

Tuy nhiên sự tập hợp rộng rãi và sôi động lúc đầu của Mặt Trận đã tan biến dần, đến tháng 5 năm 1970 đại hội lần thứ 2 của Mặt Trận tổ chức tại Saigon thì người ta không còn thấy những nhân vật lớn, cũng như lãnh tụ đảng phái hiện diện nữa và thành phần cũng thu hẹp lại (Cụ Phan Khắc Sửu lập Phong Trào Tân Dân, Ông Trịnh Quang Ủy hợp tác với Ông Trần-Quốc Bửu lập đảng Công Nông - Ông Lê Phước Sang không còn đứng trong Mặt Trận ...)

Hiện tại, Mặt Trận chỉ còn hoạt động như 1 chính đảng thuần nhất do Nghị Định hợp thức hoá số 401/BNV/14 ngày 02 tháng 6 năm 1970 theo luật số 009/69.

B. - PHONG TRÀO QUỐC GIA CẤP TIẾN. -

Ngày 20-4-1969, 1 tập hợp chính trị khác ra đời, mang tên là Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến.

(7) (8) Xem lược sử và Cương Lĩnh đấu tranh của MTNDNDT.

Sau đây là 1 đoạn văn nêu lược sử thành lập qua bảng tuyên ngôn của Phong Trào.

"Sau biến cố Tết Mậu Thân, chúng tôi nhận thấy ngay cả của Tổ Quốc không cho phép những người quốc gia kéo dài thời gian chờ đợi những sự nhiệm mầu nào cho quê hương xứ sở được nữa. Vì vậy, chúng tôi và 1 số anh em đã bàn định tìm 1 phương thức khả dĩ quy tụ được 1 số người đồng lập trường, quan điểm và tôn chỉ để cùng nhau tranh đấu chính trị cho giai đoạn sắp tới kịp với diễn tiến quốc nội cũng như quốc tế ...

Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến đã quy tụ được 3 thành phần sau đây sáng lập ra Phong Trào.

1.- Thành phần trí thức và chuyên viên

(Giáo Sư NGUYỄN VĂN BÔNG đại diện cho thành phần này)

2.- Thành phần dân cử (các ông NGUYỄN VĂN TIẾT, TRẦN MINH NHỰT, PHẠM NGỌC HỢP v.v....)

3.- Thành phần đảng phái cách mạng và chính trị trong toàn quốc.

- Nhà Cách Mạng (Cụ NGUYỄN THỂ TRUYỀN)
- Đảng Tân Đại Việt (Ks PHAN THÔNG THẢO)
- V.N.Q.D. đảng chủ lực (L.S. NGUYỄN TƯỜNG BÁ)
- V.N.Q.D.Đ. (hệ phái G.s NGUYỄN THÀNH VINH)
- Đảng xã hội V.N. (Ô. ĐINH VŨ TOÀN)
- Phục Quốc Hội V.N. (Cựu Trung Tướng NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG)
- Lực lượng Bảo Vệ Tự Do (B.S. NGŨ QUANG ĐOÀN)
B.S. HUỲNH KIM HỮU)
- Phục Hưng miền Nam (Ông NGUYỄN KHẮC THÀNH)
- MẬT TRẬN QUỐC GIA KHÁNG CHIẾN VN
(Cựu Thiếu Tướng TRƯƠNG ƯƠNG THIÊN)
Ông TRẦN MINH TIẾT)
- ĐẠI VIỆT PHỤC HƯNG (Ông PHẠM ĐĂNG CẢNH)

Có thể nói đây là 1 tập hợp khá rộng rãi căn bản liên kết nhiều thành phần đảng phái, nhân sĩ.

2. - Tổ chức. -

Phong Trào có 3 cơ quan

1. - Đại Hội Đồng Trung Ương : cơ quan lãnh đạo tối cao, lúc đầu do 120 sáng lập viên sau này là đại biểu các TỉnhThị Bộ.

2. - CHỦ TỊCH ĐOÀN : Gồm 60 vị chủ tịch của chủ tịch đoàn là Giáo sư NGUYỄN V AN BÔNG. Nhân viên chủ tịch Đoàn do Đại Hội Đồng trung ương bầu ra. thay Đại Hội Đồng quyết định đường lối Phong Trào.

3. - Ban Chấp Hành Trung Ương : Giáo sư NGUYỄN NGỌC HUY là Tổng Thư Ký và 3 vị Phó Tổng Thư Ký nhiệm kỳ đầu là :

- Luật sư NGUYỄN TƯỜNG BÁ
- Ký giả THÁI DƯƠNG
- Dân biểu TRƯỜNG VỊ TRÍ

và các Tổng Bộ :

- Nghiên Cứu
- Tổ chức
- Tài chánh
- Xã hội
- Tuyên Huấn

4. - Giám Sát đoàn gồm 6 vị. -

Sau đó Phong Trào này cố gắng bành trướng cơ sở hoạt động xuống hạ tầng cơ sở Tỉnh, Quận, Xã.

Đến ngày 20-4-1970. Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến đã tổ chức 1 đại hội lần thứ I tại Saigon. Ngày 20-3-1971. Phong Trào tổ chức 1 đại hội kỳ II tại xã KHÁNH HẬU tỉnh LONG-AN.

Ở giai đoạn sau này 1 số nhân vật cũng như đại diện đảng phái đã rút ra khỏi Phong Trào như Luật sư NGUYỄN TƯỜNG BÁ, Ông TRƯỜNG LƯƠNG THIÊN, Ô. TRẦN MINH TIẾT, Ô. NGUYỄN THÀNH VINH. Hiện Phong Trào hoạt động với tư cách 1 chính đảng thuần nhất với Nghị Định hợp thức hoá số 456/BNV/BS/ 14 ngày 21-6-1970.

Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến đang được coi là 1 chính đảng có thực lực qua sự tham gia vào cuộc bầu cử bán phần

Thượng Viện bằng 1 liên danh thuần đảng đã thu được số phiếu 653.000 phiếu về hạng 5, đứng đầu do với các liên danh đảng phái.

C. - LỰC LƯỢNG DÂN TỘC VIỆT. -

Theo lời các vị sáng lập thì đây là 1 tập hợp gồm 1 số nhân sĩ cách mạng, đảng Đại Việt Quan lại của Bs Phan Huy Quát Dân Xã Đảng của Ông Phan Bá Cầm. Trong kỳ tham gia bầu cử Bán phần thượng viện liên danh đã thu được 449.000 phiếu xếp thứ 11.

Ngày 16-6-69 lực lượng có tổ chức 1 cuộc gặp gỡ thân mật tại trụ sở của 1 số chính khách quốc gia để bàn việc liên lạc, trao đổi ý kiến tin tức v.v.. Những sự manh nha 1 tập hợp này không đi đến đâu. Hiện lực lượng này vẫn chưa được hợp thức hoá theo luật số 009/69, mà theo lời các vị lãnh đạo trong lực lượng là bị chính quyền chèn ép.

D. - LIÊN MINH DÂN TỘC CÁCH MẠNG XÃ HỘI. -

Liên minh ra đời vào tháng 7 năm 1968 với thành phần gồm 5 đoàn thể chánh trị sau :

1. - Lực lượng Tự Do dân chủ của Ô. NGUYỄN VĂN HƯỜNG
2. - Hiệp hội Công Nông của Ô. TRẦN QUỐC BỬU
3. - Mặt Trận Nhân Dân Cứu Nguy Dân Tộc
của Ô. TRẦN VĂN ĐÓN
4. - HỘI Cô Nhi Quả Phụ Tử sĩ
5. - Nghĩa Dũng quân. Địa phương quân Bắc Việt
(BÙI CHU - PHÁT DIỆM)

Liên Minh chủ trương

- Đoàn kết đảng phái chánh trị
- Đoàn kết dân tộc
- Thực thi Cách Mạng Xã Hội

Sau đó, chẳng bao lâu liên minh này lại đổ vỡ, Mặt Trận Nhân Dân Cứu Nguy Dân Tộc hoạt động riêng rẽ. Hiệp hội Công Nông biến thể thành đảng Công Nông.

E. - ỦY BAN PHỐI HỢP HÀNH ĐỘNG CÁC CHÍNH ĐẢNG. -

Ý thức sự đoàn kết đảng phái là cần thiết trong Mặt Trận đấu tranh chính trị với Cộng Sản nên 1 số các lãnh tụ đảng phái Quốc Gia đã thường xuyên gặp gỡ nhau vào đầu năm 1971.

Ngày 9-2-1971 - 14 chính đảng gồm có :

- Việt-Nam Quốc Dân đảng miền Nam
- Lực lượng Dân chủ Việt-Nam
- Mặt Trận VNQG Liên Ái
- VNQD Đảng Thống Nhất
- Lực lượng Dân Chủ Xã Hội Phật Giáo V.N.
- Đảng Công Hoà Đại chúng
- LLĐK (Lực lượng Đại đoàn kết)
- LL. Nhân Dân Kiến Quốc
- P.T. Quốc Gia CẤP II ẾN
- V.N. Hưng Quốc Đảng
- Tập đoàn Cựu Chiến Sĩ Hoà Hảo
- Liên Minh Phục Việt QG
- V.N. Q. D. Đ chủ tịch
- V.N. Dân chủ xã hội đảng

14 đảng trên đã cùng cử 1 phái đoàn do Cụ Nguyễn Hoà Hiệp hướng dẫn đã tiếp xúc với Thủ Tướng để yêu cầu chính quyền cung cấp nội trường chung, theo điều 24 đạo luật số 009/69.

Sau đó, 1 Ủy Ban Vận Động lâm thời liên lạc các đoàn thể chính trị ra đời, đến tháng 4 năm 1971 - thì Ủy Ban này đổi danh xưng là Ủy Ban Phối hợp hành động các chính đảng quy tụ 17 đoàn thể.

Hiện Ủy Ban đang nghiên cứu 1 phương thức phối hợp các chính đảng trong việc ứng cử vào Hạ Nghị Viện mùa bầu cử 1971. Theo cuộc phỏng vấn của tuần Báo ĐỜI thì Ủy Ban đang ở trong tình trạng thăm dò, để có thể tiến tới 1 liên minh chính đảng trong tương lai (9)

(9) HÀ TỨC ĐẠO, "Thế Tranh Cử của liên minh chính đảng Việt Nam", Báo ĐỜI (số 83 ngày 20 tháng 5-1971)

Trụ sở của Ủy Ban hiện đặt tại số 80 đường Trương -
Minh-Giang Sài Gòn.

Chương Ba

NHẬN ĐỊNH VỀ PHONG TRÀO TẬP HỢP CHÍNH TRỊ TỪ NĂM 1967

ĐOẠN I : NHẬN ĐỊNH VỀ CÁC TẬP HỢP TRÊN

A.- MẶT TRẬN CHÍNH QUYỀN.-

Dù cho các lãnh tụ Mặt Trận khước cho mình 1 ý hướng nào thì người ta vẫn coi như đó là 1 MẶT TRẬN CHÍNH LẬP, vì vị lãnh tụ của Mặt Trận này hiện nắm chính quyền, chính trong thông điệp đọc trước Quốc Hội ngày 7-4-1969, Tổng Thống Thiệu cũng xác nhận điều này và hô hào những người không đồng ý với ông nên đứng ra kết hợp lại thành 1 Mặt Trận đối lập.

Như vậy, tiềm tàng trong ý hướng của nhà cầm quyền là sinh hoạt chính trị nên có 2 hệ thống :

- Mặt Trận chính lập
- Mặt Trận Đối Lập

Nếu coi là đảng chính quyền thì vai trò của Mặt Trận -
là gì?

- Nắm chính quyền
- Thực thi chủ trương của Mặt Trận qua việc hoạch định chính sách quốc gia
- Đưa người ứng cử vào các cơ chế dân cử để ủng hộ
HÀNH PHÁP

1.- Về phương diện nắm chính quyền thì nhìn qua nội các hiện tại chúng ta thấy chỉ có 2 nhân vật gọi là của MẶT TRẬN

- Ông NGÔ KHẮC TÍNH đảng Nhân Xã
- Ông HỒ VAN CHÂM đảng Đại Việt Sách Mạng

Nhưng sự tham chánh của 2 nhân vật trên chỉ với tư cách cá nhân, mặc dù họ cũng có nhờ địa vị mà giúp đảng họ hay ít nhất họ cũng là 1 thành phần của đảng mình.

Do đó khi được coi là MẶT TRẬN chính quyền nhưng không nắm chính quyền, chỉ giữ vai trò góp ý kiến, vai trò này khó làm thoả mãn các đảng đứng vào tập hợp. Thế nên Mặt Trận này đi liền đến sự tan rã.

2.- Về phương diện dùng chính quyền như là 1 phương tiện để thực thi chủ trương, đường lối của Mặt Trận qua việc hoạch định chính sách quốc gia để chịu trách nhiệm với toàn dân thì rõ ràng là Mặt Trận này không thể hiện được vai trò đó.

Người ta không thấy Mặt Trận đưa ra 1 đường lối đối nội cũng như đối ngoại và áp dụng một cách quyết định vào chính sách quốc gia. Chính các lãnh tụ của các đảng trong Mặt Trận đã than phiền rằng Tổng Thống Thiệu chỉ làm việc với những cố vấn chính trị của ông ở dinh Độc Lập hơn là tham khảo ý kiến với các lãnh tụ trong Mặt Trận trước khi quyết định 1 vấn đề quan trọng nào. Điều này đã gây nên 1 mối bất mãn chung cho các đoàn thể gia nhập Mặt Trận, sự từ chức của Luật Sư Lê Trọng Quát (Thứ Trưởng Thông Tin) sau vụ giấy báo tăng giá, rồi rút ra khỏi đảng Nhân Xã 1 thành phần của Mặt Trận để lập lực lượng Nhân Dân kiến quốc cũng như việc rút ra khỏi đảng - Đại Việt của Nghị Sĩ Nguyễn Văn Ngãi để thành lập lực lượng Dân chủ đã minh chứng điều đó.

Sau đó, 2 đảng trong Mặt Trận là đảng Dân xã của Ông Trình Quốc Khánh và Nhân Xã của Ông Trương Công Cửu còn tuyên bố rút lui khỏi Mặt Trận cho rằng không làm được gì cả.

Lãnh tụ của lực lượng Đại đoàn kết (1 đảng trong Mặt Trận) Ông Nguyễn Gia Hiến đã tuyên bố trong cuộc họp báo về bầu cử Ban phần Thượng Viện năm 70 đăng trên báo hình Luận số ra ngày 22-8-70.

"Cho đến nay, Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ xã hội của Tổng Thống Thiệu không có 1 hành động cụ thể hay đạt được 1 kết quả nào, sau cuộc bầu cử này, lực lượng Đại đoàn kết sẽ xét lại thái độ" (1)

Cũng trong kỳ bầu cử Ban phần Thượng Viện, Giáo sư

Nguyễn Văn Canh thụ ủy liên danh Bông Luá đảng Đại Việt Cách Mạng đã cho rằng vào Mặt Trận không hoạt động lợi ích gì cả làm mất chính nghĩa để truyền truyền với dân chúng.

Tất cả những dữ kiện trên đã chứng tỏ rằng Mặt Trận không có 1 vai trò, 1 hoạt động gì, 1 ảnh hưởng gì trong chính sách của nhà cầm quyền dù mang danh là Mặt Trận của chính quyền.

3. - Về việc đưa người ra ứng cử vào cơ quan Lập Pháp để ủng hộ Hành Pháp các đảng trong Mặt Trận đã thảo luận lui tới về việc thành lập 1 liên danh chính quyền để ứng cử Thượng viện nhưng không thành. Sau đó các đảng lại cho ra những liên danh riêng rẽ mang màu sắc của đảng họ như Bông Luá (Đại Việt Cách Mạng) Mẹ Bồng Con (Nhân Xã) Sao Sáng (Đại Đoàn Kết) hoặc với tư cách cá nhân riêng rẽ như 1 số đảng viên của Việt-Nam Quốc Dân Đảng ứng cử rải rác trong các liên danh. Tổng Thống Thiệu cũng để mặc, Ông đã không dùng ảnh hưởng của mình để hình thành được 1 liên danh ứng cử vào Thượng viện với danh nghĩa chính quyền.

Một nhân xét nữa là Mặt Trận của Tổng Thống chỉ có trong thực tế và không có trên phương diện pháp lý, chuá thấy Mặt Trận khai báo chính thức theo luật số 009/69 mặc dù luật có qui định ở điều 23 - chính dữ kiện này càng làm cho người ta khó hiểu về tư thế của Mặt Trận.

Vì các yếu tố trên, khiến cho người ta có quyền nghi ngờ ý hướng của Tổng Thống Thiệu trong việc thành lập Mặt Trận chính quyền để hậu thuẫn chính trị cho Ông, cũng như hướng dẫn sinh hoạt chính trị thời đệ nhị Cộng Hoà như Ông đã tuyên bố trong thông điệp 7-4-69 và việc đứng ra làm chủ tịch 1 tập hợp chính đảng của Ông :

G.S. Nguyễn Ngọc Huy trong loạt bài "3 năm cầm quyền của Tổng Thống NGUYỄN VĂN THIỆU" đăng trên nhật và nguyệt báo Cấp Tiến đã nhận định rằng "Tổng Thống NGUYỄN VĂN THIỆU đã không theo 1 nguyên tắc hợp lý trong việc thành lập Mặt Trận

(1) Lê Hoàng Phú, Liên Danh Đại đoàn kết hợp báo tổ Mặt Trận của Tổng Thống chẳng làm được gì, Báo Chính Luận (số ngày 22-8-1970)

Tổng Thống không phải xem Mặt Trận như là 1 liên minh rộng rãi kết hợp tất cả đoàn thể chống cộng ở miền Nam Việt Nam. Bởi đó ông chỉ mời 1 số chính đảng tham dự.

Nhưng ông cũng không phải xem Mặt Trận như là 1 liên minh chặt chẽ để nắm chính quyền vì ông không chọn những chính đảng có lập trường hoàn toàn giống nhau và chịu sát cánh nhau tranh đấu cho 1 chương trình chung" và sau đó Giáo Sư HUY kết luận trong phần này "Nói chung lại thì chính sách của Tổng Thống Thiệu đối với các chính đảng không giúp vào việc phát triển các chính đảng để các chính đảng có thể đóng vai trò thiết yếu trong nền chính trị đệ nhị Cộng Hoà như Hiến Pháp đòi hỏi." (2)

Theo chúng tôi nhận xét có lẽ, lúc thành lập Mặt Trận Tổng Thống muốn tạo 1 hậu thuẫn chính trị cho mình trước khi lên đường tham dự hội nghị Midway 1969 để chuẩn bị thế đứng nếu có 1 giải pháp chính trị nào xảy ra. Chính vì phó lãnh tụ của đảng Đại Việt Cách Mạng Nghị sĩ Hoàng Xuân Thu đã tuyên bố trong cuộc phỏng vấn trên báo Chính Luận "Lý do của sự bế tắc hoạt động của Mặt Trận là vì Mặt Trận đã hình thành với vế (3) câu tuyên bố đã cho phép chúng ta suy luận rằng Tổng Thống chỉ muốn lập 1 hậu thuẫn chính trị để ứng phó với các biến cố chính trị ngay lúc đó mà thôi, 1 lý do khác nữa theo chúng tôi, Tổng Thống chỉ muốn để đảng thuận lợi cho việc giao thiệp của chính phủ ông đối với Quốc hội khi tập hợp các đoàn thể đó lại, vì hầu hết các đoàn thể trong Mặt Trận lúc bấy giờ có khá nhiều đảng viên trong Thượng Viện (Thượng nghị viện nhiệm kỳ 67-70. Đại Việt Cách Mạng có 10 nghị sĩ ở liên danh Bông Lúa, Đại đoàn kết có liên danh Sao Sáng - Nhân xã có Bạch Tượng, V.N.Q.D đảng có vài đảng viên Nghị sĩ).

Những nhận xét trên cho thấy Mặt Trận chính quyền mà lại không có vai trò gì rõ rệt trong chính quyền vì mất động cơ tập hợp nên Mặt Trận này để đi đến lục đục tan rã

(2) Gs Nguyễn Ngọc Huy, Ba năm cầm quyền Tổng Thống Thiệu đã làm được gì?, Nguyệt Báo Cấp Tiến (số 22 tháng 10-1970)

(3) Báo Chính Luận số ngày 30-9-1970

B. - CÁC TẬP HỢP NGOÀI CHÍNH QUYỀN. -

Các phong trào Mặt Trận, Liên Minh ngoài chính quyền lúc đầu thực sự đã quy tụ được nhiều thành phần đảng phái và nhiều xu hướng chính trị, nhưng dần dần về sau này, sự kết hợp đó lại tan rã, đến nay dù các tổ chức trên mang danh biểu là Mặt Trận, Phong Trào, Liên Minh, vẫn chỉ hoạt động như 1 đảng - thuần nhất trong khuôn khổ luật số 009/69.

Cũng trong khi thành lập, người ta tưởng rằng với tư thế ngoài chính quyền, các tập hợp trên sẽ giữ được vị trí đối lập, sẽ thu hút được những phần tử đối lập để thành 1 cực, tranh thủ nhân dân với Mặt Trận chính quyền, nhưng họ đã không tạo được 1 thế đứng đối lập 1 cách rõ rệt, có lẽ vì loại đối lập của Mặt Trận Giải Phóng quá mạnh nên đã lấn át tư thế của các tập hợp này cũng vì quan niệm đối lập bạo động, nhằm lật đổ chính quyền còn ăn sâu vào tâm trạng quần chúng hơn là 1 thứ đối lập xây dựng hợp pháp.

Hơn nữa các phong trào, liên minh chỉ có tính cách giai đoạn, nhằm vào 1 mục tiêu nào đó, trước biến cố nào đó, đến khi mục đích đạt được hoặc không đạt được thì qua giai đoạn đó liên minh hay Phong Trào không còn chất keo kết hợp lại tan rã

Như chúng ta thấy, Mặt Trận Nhân Dân Cứu Nguy Dân Tộc xuất hiện phát động mạnh sau biến cố Tết Mậu Thân, chính nguy cơ Cộng Sản tấn công, nguy cơ 1 sự thỏa hiệp giữa người Mỹ và Cộng Sản v.v... đã làm các chính trị gia, các đoàn thể dè dặt gắn với nhau, đến khi các nguy cơ trên tan biến thì đầu lại vào đây. Đến bây giờ sự tập hợp các tổ chức chính trị ngoài 1 chính quyền để hy vọng đưa tới 1 Mặt Trận đối lập cùng sinh hoạt với Mặt Trận chính lập trong đời sống chính trị quốc gia đã không thực hiện được. Chính vai trò không rõ ràng của các tập hợp này. Chính lập không ra chính lập, đối lập cũng không rõ ràng làm người ta có thể kết luận rằng phong trào tập hợp chính trị vẫn chưa thành công nếu không muốn nói là thất bại

ĐOẠN II : CÁC NGUYÊN DO THẤT BẠI CỦA SỰ TẬP HỢP CHÍNH TRỊ

Nếu nhìn theo khía cạnh nhân chủng xã hội học thì sự tập hợp chưa thành công vì óc lãnh tụ cá nhân của người Việt - Nam quá lớn, không ai chịu nhân nhượng hợp tác với ai, chỉ có

mình mới đủ khả năng cứu nước, quan niệm cá nhân quá lớn này khiến cho người V.N. thích làm chánh trị nhân vật, bằng uy tính hơn là bằng tổ chức chánh đảng rộng lớn.

Ngoài ra sự phân hoá cũng cực đã xảy ra trong cơ cấu xã hội bây giờ khiến cho việc tập hợp bị ảnh hưởng.

Nếu nhìn theo khía cạnh chánh trị thì chúng ta thấy:

1.- Về phương diện cơ cấu.-

Sự hiện diện trên chính trường V.N. quá nhiều đảng phái, bên cạnh những chánh đảng có quá khứ, có thành tích tranh đấu, còn có những chánh đảng lập ra từng giai đoạn, tùy thời nhằm mục tiêu vụ lợi. Những đảng có thành tích có quá khứ tranh đấu thường có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật cao độ, cán bộ được huấn luyện, còn những đảng nhân vật không có tổ chức, không có cán bộ, chính sự khác biệt cơ cấu tổ chức đưa tới sự khác biệt về lề lối làm việc khiến cho sự tập hợp thành khó khăn và càng khó khăn hơn nữa trong việc sắp đặt chỗ ngồi cho những lãnh tụ cá nhân thế nào để cán bộ đảng có tổ chức khỏi bất mãn, và những nhân vật kia ưng ý.

2.- Về khuynh hướng hành động.-

Qua các tuyên ngôn và chương trình cương lĩnh được các chánh đảng nêu ra hiện nay, thì không có gì khác nhau. Cũng vẫn những mục tiêu chống cộng, xây dựng dân chủ, canh tân xã hội, phát triển kinh tế ... nhưng đối với các vấn đề thiết thực như :

Đối phó với Cộng Sản.

Có đảng chủ trương quyết liệt với Cộng Sản bằng quân sự có đảng lại cho rằng có thể sinh hoạt chính trị với Cộng Sản để chúng tỏ lý tưởng quốc gia.

Thí dụ : Các đoàn thể hoạt động lâu đời như Việt-Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân đảng và 1 số đảng liên hệ đến Công giáo. Như lực lượng đại đoàn Kết, Mặt Trận Công Dân Công Giáo chủ trương quyết liệt với Cộng Sản bằng quân sự.

Các đảng mới như Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến Lực lượng Dân Tộc Việt chủ trương có thể tranh đấu chánh trị..

Như vậy chính sự khác biệt giữa các khuynh hướng hành động hoặc ôn hoà, hoặc quá khích, bảo thủ hay cấp tiến làm cho lập trường thực tế của các chính đảng cách xa nhau làm trở ngại cho việc tập hợp.

3.- Vấn đề nhân sự.-

Trong thời gian dài đấu tranh với quá nhiều biến cố, các lãnh tụ chính trị nếu không là thù địch thì cũng là đối thủ của nhau, nên không khỏi có mặc cảm, thành kiến với nhau muốn xoá bỏ phải cần 1 thời gian dài, cho nên việc kết hợp với nhau khó thành công nhanh chóng được :

Thí dụ : Mặc cảm Cần Lao ác ôn, sau ngày cách mạng 1-11-63 khiến cho các đảng này và các nhân vật lãnh đạo thành cội dơn trong 1 thời gian.

4.- Bản đề lãnh đạo.-

Có 1 số đoàn thể chủ trương thần thánh hoá lãnh tụ cho nên làm việc theo lối ra lệnh chỉ thị, trái lại 1 số đoàn thể chấp nhận lối lãnh đạo tập thể, mọi quyết định dựa trên căn bản đa số. Chính sự khác biệt về quan niệm lãnh đạo thẩm quyền và lãnh đạo dân chủ nên khó tập hợp các chính đảng lại với nhau.

5.- Không có nhân vật vượt trội hay nổi bật.-

Yếu tố này rất quan trọng theo nguyên tắc chính danh định phận thì vị nào vượt trội đầy đủ uy tín khả năng mà mọi người đều tuân phục thì việc tập hợp để thành công hơn vì không có sự tranh giành kèn cựa chỗ ngồi. Đảng này chính trường miền Nam chưa có được nhân vật nổi bật lên trên các nhân vật khác nên tạo 1 sự kèn cựa giữa các lãnh tụ đảng phải với nhau, nếu không được các nhà lãnh đạo đầy thiện chí để ngồi gần được với nhau, thì tầng lớp cán bộ cũng không đồng ý vì cán bộ đảng này ít tuân phục lãnh tụ đảng kia.

6.- Thành tín chính trị.-

Có nghĩa là trung thành với mục tiêu đã đồng ý với nhau. Có những tập hợp khi các thành phần ngồi gần lại với nhau, cử nghĩ cách lợi dụng người hợp tác lợi dụng sự hợp tác để âm mưu riêng rẽ hoặc ít hơn thì cũng muốn đồng hoá người khác hoặc muốn chủ động giật giây để người khác làm bù nhìn

cho mình. Chính vì vậy nên sự hợp tác khó lâu bền.

7. - Nhu cầu giai đoạn. -

Đi qua các tập hợp thường thấy mục tiêu tập hợp chỉ nhằm vào những vấn đề cấp thời, nhu cầu cấp thời, hơn là kết hợp vì lý tưởng nên khi mục tiêu đạt được hay không giai đoạn đó đã qua đi thì tập hợp cũng tan rã theo.

8. - Thái độ của nhà cầm quyền. -

Trong đoạn I của chương này chúng tôi cho rằng chính sự thiếu quyết tâm của chính quyền, của các nhà lãnh đạo quốc gia khiến cho phong trào tập hợp khó thành công. Tổng Thống Thiệu không ngó ngàng gì tới hoạt động của Mặt Trận chính trị của Ông tạo lập, vì sự hoạt động quá yếu của Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ xã hội đã không kích động nổi các đoàn thể khác tập hợp lại thành 1 Mặt Trận đối lập, giả thử nếu Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ xã hội nắm chính quyền bành trướng to chức, phát triển cơ sở mạnh mẽ, các đoàn thể ngoài chính quyền vì lý do tồn vong nên cũng phải tập hợp lại, hoạt động mạnh mẽ để khỏi bị đào thải.

Chính Ông Nguyễn Văn Hương 1 lãnh tụ có chân trong Mặt Trận của Tổng Thống Thiệu, còn được coi như là nhân vật nòng-cốt trong Mặt Trận đã nhận định "Nếu nhà lãnh đạo đương cầm quyền tiến bộ có chương trình thích hợp, thì có thể dễ dàng thực hiện sự kết hợp" (4)

Thái độ của nhà cầm quyền đối với chính mình đã vậy, đối với các tổ chức khác, chính quyền cũng không có 1 hảo ý nào trong việc giúp đỡ cho phong trào tập hợp chính trị để thành hình, mà còn làm phân hoá các tổ chức muốn đối đầu thẳng thắn với chính quyền bằng mọi cách, như trường hợp Phật Giáo, hai khối Ấn Quang và Việt-Nam Quốc Tự phân rẽ nhau cũng có bàn tay của chính quyền (tình trạng 2 hiện chương tạo thành hai tổ chức).

Đối với Quốc Nội cũng vậy, thay vì tạo 1 khối đa số thân mình dựa vào 1 chương trình hành động rõ rệt, và nhân viên lập pháp trong khối sẽ tận tâm bênh vực chính phủ trong quốc hội, làm thế những nhà lập pháp bất đồng với chính phủ sẽ tạo thành khối đối lập, từ sự sinh hoạt của phe thân chính quyền và phe đối lập trong Quốc Hội, việc tập hợp chính trị ở bên

ngoài thêm được 1 yếu tố để kết hợp. Trái lại chính quyền cứ dùng tiền mua phiếu (vai trò của Ông Đực sĩ Nguyễn Cao Thăng mà ai cũng biết và sự tiết lộ của cựu nghị sĩ Trần Văn Đôn, Tổng Thống Thiệu đã bỏ tiền ra mua chuộc nhân viên lập pháp để họ biểu quyết theo ý Ông (5) khiến cho sinh hoạt Quốc Hội bị nghi ngờ do đó mất 1 yếu tố tác động vào việc kết hợp hành-trị.

9.- Thái độ của các đoàn thể ngoài chính quyền.-

Một cách đơn giản người ta thường hiểu không nằm trong chính quyền để ủng hộ chính sách, đường lối của chính quyền là đối lập. Nhưng các đoàn thể này không biểu tỏ được vai trò đối lập của mình một cách cụ thể, thí dụ quan hững quyết định quan trọng của chính phủ về kinh tế tài chánh, không thấy các đoàn thể này có 1 hành động chống đối cụ thể nào. Chính thái độ mập mờ và yên lặng trước các biến cố chính trị xảy ra đã ảnh hưởng rất nhiều đến sự lớn mạnh của các đoàn thể đối lập.

Tóm lại chúng ta nhận thấy rằng sự tập hợp các lực lượng chính trị ở miền Nam được đặt ra cấp bách, một mặt vì sự bất lực của các chính đảng trong việc giải quyết các vấn đề trọng hệ xảy ra cho đất nước trong quá khứ, mặt khác vì những nhu cầu mới mẻ như thực thi dân chủ, đấu tranh chánh trị v.v. cho nên mọi người kể cả những nhà lãnh đạo chính đảng càng ngày càng nhận thấy nhu cầu phải đoàn kết lại với nhau.

Nhưng qua sự cố gắng tập hợp, 1 mặt về phía chính quyền 1 mặt ở các đoàn thể ngoài chính quyền, phong trào tập hợp chính trị cho đến nay vì các lý do trên chưa thành công được.

(4) Báo Chính Luận số ngày 26-3-1971

(5) Nguyễn Ngọc Huy. Ba năm cầm quyền của Tổng Thống Thiệu, Nguyệt Báo Cấp Tiến, số 22 tháng 10-1970

PHẦN THỨ BA

THỦ TÌM MÔ THỨC TẬP HỢP CHO V. N. C. H.

Lường đảng hiện nay tiêu biểu cho 1 kỹ thuật chánh trị rất hữu hiệu. Điển hình là sinh hoạt chính trị ở các nước Hoa Kỳ và Anh, mô thức lương đảng đem lại 1 sự ổn định chính trị 1 cách dân chủ, nó cho phép giải quyết ôn hòa những xung đột, nó ấn định rõ ràng trách nhiệm của mỗi đảng và nó đem lại cho lá phiếu cử tri 1 tính cách quyết định.

Vì hiệu quả này mà người ta đã lưu ý đến hiện tượng lương đảng và thường nghiên cứu hệ thống này hầu có thể tìm cách áp dụng cho các quốc gia khác, nhất là các quốc gia đang phát triển mà sự khủng hoảng chính trị được ghi nhận như là 1 nguyên nhân ngăn trở việc phát triển quốc gia. Trong ý hướng đi tìm khung cảnh ổn định cho sinh hoạt chính trị tại Việt Nam Cộng Hòa, chúng tôi sẽ phân tích những yếu tố nằm trong mô thức lương đảng Anh và Hoa Kỳ, ngoài ra chúng tôi cũng nhìn sang nước ở Á Châu, có hoàn cảnh chính trị kinh tế gần giống với Việt Nam, nhưng hiện tại sau 1 thời kỳ khủng hoảng chính trị tạm gọi là ổn định và dân chủ. Đó là Đại Hàn. Những cái nhìn điển hình trên có lẽ sẽ giúp nhiều ý kiến trong việc tập hợp chính trị của chúng ta.

Chương Một NHÌN QUA VÀI MÔ THỨC ĐIỂN HÌNH

HOẠN I. - MÔ THỨC LƯƠNG ĐẢNG CỦA ANH VÀ HOA KỲ

Trước khi phân tích những yếu tố trong mô thức lương đảng của hai quốc gia này, chúng ta cần nhìn lại lịch sử chính trị của họ để dễ dàng hiểu được nguyên nhân thành hình của hệ thống lương đảng Anh và Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

A. - LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ ANH VÀ HOA KỲ

I. - ANH QUỐC :

Năm 1645, Cromwell khởi xướng 1 cuộc cách mạng, chính kiến Anh quốc bắt đầu nảy ra 2 phe chống đối nhau, 1 phe bên vực Hoàng gia và 1 bên chống đối. Đến triều đại Stuart phục hưng đời vua Charles II (1660-1685) sự đối chọi này càng mạnh.

Pho Bảo hoàng gồm những phần tử thủ cựu, quý tộc,, địa chủ, đạo phái Anglietan, và giới thân cận nhà vua, họ hướng về quá khứ, muốn giữ quyền cho Hoàng gia và Giáo Hội Họ bị gọi là Tories (nghĩa khinh bỉ là bọn cướp hung tợn xứ Ái Nhĩ Lan).

Pho thứ hai gồm những nhà quý phái tân tiến liên - kết với năng trí thức, trường giả và công thương ở Luân Đôn và các đô thị. Họ muốn cải cách giảm những quyền của nhà vua tặng quyền Quốc Hội. Họ bị gọi là Whigs (nghĩa chế giễu là dân quê thô kệch xứ Ecosse)

Hai phe bắt đầu lập hẳn chính đảng và tranh cử từ 1679, vào quốc hội Anh và tham gia nội các. Họ thay nhau cầm quyền và khai sinh chế độ đại nghị.

Năm 1832, quyền bầu cử được mở rộng, các cuộc tổng tuyển cử thêm phần gay go, hai đảng cùng phải cải tổ cho hợp thời. Whigs lấy tên là đảng Tự Do (Libéraux) còn Tories đổi là Bảo Thủ (Conservateurs). Đến cuối thế kỷ 19, vấn đề xã hội và kinh tế đặt ra 1 cách phức tạp đảng nào lên cầm quyền cũng không thỏa mãn được giới thợ thuyền nên một đảng khác gặp thời cơ thuận tiện ra đời, năm 1903 nh ữ n g người trước kia đứng trong hàng ngũ Tự do để bênh vực sản lao, bên cùng Keir Hardie tách rời mà lập đoàn thể riêng, lấy tên là Labour Party và tranh cử từ 1906.

Từ 1906 - 1918, đảng Tự do vẫn cầm quyền nhưng không giải quyết nổi những khó khăn do tình thế xui nên. Nhất là nạn thất nghiệp, nên đảng yếu dần, số ghế tại Nghị Viện giảm sút rõ rệt, 1919 còn được 152, 1929 còn 59 ghế và đến 1959 chỉ còn 6 ghế.

Trong khi đó đảng Lao động bành trướng mau lẹ vì lẽ là họ dựa vào lực lượng các Thương đoàn (8.334.000 đoàn viên năm 1920), giới thợ thuyền sau thế chiến I lại càng mạnh vì được quyền phổ thông đầu phiếu, giới trí thức - khuyến khích cũng theo rất đông. Năm 1906, đảng mới có đảng viên đặc cử vào Hạ Nghị Viện, số này tăng lên 42 (1910) 72 (1916) 191 (1923) bắt đầu từ đó đảng Lao động cử lãnh tụ ra lập nội các Mac Donald. Hiện nay lưỡng đảng tại Anh là Bảo Thủ và Lao Động (1)

Hai đảng lớn ở Anh đã thay nhau chiếm đa số ở Nghị viện và lên cầm quyền theo nhịp luân chuyển sau (2)

Tự Do 1857 - 1874
Bảo Thủ 1874 - 1880
Tự Do 1880 - 1886
Bảo Thủ 1886 - 1892
Tự Do 1892 - 1895
Bảo Thủ 1895 - 1906
Tự Do 1906 - 1918
Bảo Thủ 1918 - 1929

Lao Động 1929 - 1931
Bảo Thủ 1931 - 1945
Lao Động 1945 - 1955
Bảo Thủ 1955 -

II.- HOA KỶ :

Dưới thời Tổng Thống đầu tiên Washington chưa có chính đảng. Nhưng trong chánh phủ, hai Bộ Trưởng đặc lực nhất lại xung khắc nhau về mọi phương diện.

Một bên là Bộ Trưởng Tài Chánh Hamilton (1757-1804) muốn tăng cường quyền hành của chánh phủ trung ương về bên vực giới công kỹ nghệ miền Đông Bắc. Vì Hợp Chúng Quốc mới thành lập, mối dây liên lạc giữa các tiểu bang còn lỏng lẻo cần được thắt chặt để củng cố Liên bang. Liên bang chỉ có thể mạnh mẽ nếu nguồn lợi quan trọng nhất là thương mại kỹ nghệ được dồi dào và muốn vậy phải bảo vệ hai ngành này trong buổi phôi thai, bằng những hàng rào quan thuế.

Một bên là, Bộ Trưởng Ngoại Giao JEFFERSON (1743-1826) chủ trương giữ quyền tự trị rộng rãi cho các tiểu bang, vì địa phương chỉ có thể phát triển nếu được tự do tổ chức theo hoàn cảnh và nhu cầu riêng của mỗi miền, Trung ương không nên xen lấn. Ông tin tưởng vào văn minh nông nghiệp, và muốn nâng đỡ các giới địa chủ, nông dân, tiểu công nghệ, mà phần đông lập nghiệp ở các xứ miền Nam.

HAMILTON được Tổng Thống Washington nghe hơn nên Jefferson từ chức, và qui tụ quanh ông số người bác chính sách của HAMILTON.

Trong cuộc tuyển cử 1800, nhóm Jefferson được gọi là Cộng Hòa và ủng hộ Jefferson đắc cử Tổng Thống, Hamilton gọi là phe Tập quyền Liên Bang. Đến năm 1886, lãnh tụ của phe Cộng Hòa muốn tỏ rõ hơn tính cách và mục đích của đảng nghiêng về giới tiểu nông miền Tây và điền chủ miền Nam nên cải danh hiệu sang đảng Dân Chủ.

Còn phe Hamilton (Quốc Gia Cộng Hòa) đến năm 1854 cải

(1, 2) Đoàn Thêm, Lược khảo về chánh đảng Saigon Tủ Sách
Tiến Bộ 1968 trang 57 - 61

tổ và lấy tên là đảng Cộng Hòa.

Sau cuộc nội chiến đến nay, 2 đảng Dân chủ và Cộng Hòa đã thay nhau lên cầm quyền mặc dù có những đảng nhỏ khác như Lao Động, xã hội, Nông dân, Cướp Tiến v.v....(3)

1797 - 1801 Cộng Hòa (4)	1869 - 1885 Cộng Hòa (16 năm)
1801 - 1841 Dân Chủ	1885 - 1889 Dân Chủ
1841 - 1845 Cộng Hòa	1889 - 1913 Cộng Hòa (12 năm)
1845 - 1849 Dân Chủ	1913 - 1921 Dân Chủ
1849 - 1853 Cộng Hòa	1921 - 1933 Cộng Hòa (12 năm)
1853 - 1861 Dân Chủ	1933 - 1953 Dân Chủ (20 năm)
1861 - 1865 Cộng Hòa	1953 - 1961 Cộng Hòa
1865 - 1869 Dân Chủ	1961 - 1968 Dân Chủ
	1968 - 1971 Cộng Hòa

II. - MÔ THỨC LUỒNG ĐẢNG CỦA ANH VÀ HOA KỲ

Mô thức luồng đảng của Anh và Hoa Kỳ là kết quả của những yếu tố phức tạp, là sản phẩm của cơ cấu lịch sử, tâm lý, xã hội, những định chế, sự phân phối tài nguyên và khu vực sản xuất, hệ thống tín niệm của 2 dân tộc v.v.....

Như vậy mô thức luồng đảng của 2 quốc gia này dựa trên các yếu tố sau :

- 1.- Yếu tố lịch sử
- 2.- Sự phân phối tài nguyên và khu vực sản xuất
- 3.- Định chế
- 4.- Sự hiệp ý chính trị (consensus politique) trong xã hội.
- 5.- Quán tính luồng đảng

1.- Lịch sử - Tâm lý :

- Ở Anh, hai nguồn dư luận phát huy đầu tiên bắt nguồn từ những tương phản tôn giáo, sau đó là sự tương phản về việc chống đối hay bênh vực quân quyền, thành ra để tạo 2 tâm lý chính trị, thái độ bảo thủ xã hội quy tụ quanh đảng Bảo Thủ, thái độ cấp tiến xã hội hơn quy tụ đảng Tự Do rồi đảng Lao động.

- Ở Hoa Kỳ, những trường hợp lịch sử khởi thủy là sự thành lập Hiến Pháp đã tạo thành 2 thái độ chính trị, 1 phe chủ trương tăng quyền của chính phủ Trung ương 1 phe chủ trương bảo vệ quyền hành của tiểu bang.

2.- Sự phân phối tài nguyên về khu vực sản xuất, G.LAVAU trong cuốn "Aspect et Facteur du Bi-partisme" đã nhấn mạnh vào tính cách gián đoạn của cơ cấu xã hội Anh. Ngoài khu vực nông sản chỉ độ, 5,7% dân số còn lại 2 khu vực lớn mà dân chúng đều tập trung vào.

- Khu vực sản xuất (Secteur non Agricole, productif) chiếm 47% dân chúng.

- Khu vực không sản xuất (Secteur non productif) chiếm 47,5%

Đa số ở khu vực sản xuất theo đảng Lao động và đa số ở khu vực không sản xuất theo đảng Bảo thủ.

Ở Mỹ đường phân rẽ khởi thủy cũng căn cứ trên sự tương phản của 2 khối quyền lợi trong quốc gia khu kỹ nghệ thương mại Tài chính ở Đông Bắc và khu Nông Nghiệp ở miền Nam và miền Tây (nếu quan thuế cao lợi cho miền Bắc, thì lại hại cho các nhà nông vì họ mong xuất cảng dễ dàng và nhập cảng rẻ các khí cụ nông nghiệp ở ngoại quốc). Và vấn đề nô lệ không cần cho miền Bắc nhưng lại cần thiết cho miền Nam.

Từ 2 thế kỷ nay, hai xu hướng trái ngược trên vẫn còn tiềm ẩn và thể hiện qua 2 đoàn thể chính trị lớn, đảng

Cộng Hòa nghiêng về khối quyền lợi miền Bắc, đảng Dân chủ nghiêng về khối nông nghiệp miền Nam.

3.- Định chế :

Ở Anh và Hoa Kỳ lưỡng đảng được duy trì là vì đảng được quan niệm như cơ quan để thay thế nhau hành xử quyền-bính.

a.- Tầm quan trọng của chế độ đầu phiếu :

Ở Anh và Hoa Kỳ chế độ đầu phiếu đa số với 1 vòng được áp dụng, điều này khiến cho 1 sự chia rẽ trong nội bộ đảng là đưa đến thất bại. Chế độ này có tác động uđãi các đảng lớn và giúp cho hệ thống lưỡng đảng được duy trì. M. Duverger đã xác nhận bằng cách lược phát 1 công thức: "Chế độ đầu phiếu đa số 1 vòng có khuynh hướng đưa tới chế độ lưỡng đảng".

b.- Chế độ Tổng Thống ở Hoa Kỳ :

Anh quốc không có đặc điểm này vì theo chế độ đại nghị. Ở Hoa Kỳ để chiếm ghế Tổng Thống cần phải chiếm đa số cử tri trên toàn quốc, và sự hiện hữu của nhiều đảng sẽ không đem lại đa số cử tri cho ghế Tổng Thống.

4.- Sự hiệp ý chánh trị (consensus politique) trong xã-hội Anh và Hoa Kỳ.

Lưỡng đảng chỉ có thể tồn tại trong 1 xã hội không có những xung đột ý thức hệ mãnh liệt. Nhìn qua 2 đảng lớn ở Anh cũng như Hoa Kỳ chúng ta không thấy có sự đối chọi về chủ nghĩa, hơn nữa sự phát triển về chính trị thường hay thuận nhất do bản chất của nền giáo dục và nền kinh tế phồn thịnh.

a.- Ở Anh, đặc tính của đời sống chánh trị là 1 tiến trình lâu dài, trong tiến trình đó có nhiều sự cải cách, cũng có những điều còn được duy trì, chính tiến trình này

làm cho 2 đảng Bảo thủ và Lao động đã biết thích nghi với những đòi hỏi của xã hội. Lao động không cực đoan mà Bảo thủ không quá đáng.

Hơn nữa nền kinh tế Anh sớm phát triển với sự kỹ nghệ hóa và 1 chính sách phân phối lợi tức đồng đều làm cho các tầng lớp xã hội cùng thăng tiến trong thịnh vượng nên lập trường chính trị không xung khắc nhau dữ dội.

b.- Ở Hoa Kỳ thì 2 chính đảng lớn đều gạt 1 bên mọi ý thức hệ về chủ trương cũng như hành động. Đòi lập và cầm quyền nhiều lúc hợp tác hoặc gần gũi nhau đến nỗi khó lòng tìm được những điểm bất đồng quan trọng nào.

Sự thuần nhất chính trị ở Hoa Kỳ cũng nhờ cơ cấu bản chất của nền giáo dục và nền kinh tế phân thịnh, người dân Hoa Kỳ vững lòng tin nơi hệ thống giá trị (System Value) văn minh vật chất và tư bản đại chúng của họ, ngoài ra, dù luận Hoa Kỳ có thể bị chia rẽ vì thời cuộc, nhưng cơ cấu xã hội Hoa Kỳ không bị phân hóa trầm trọng, mức sống trung bình khá giả làm người ta bớt dị đồng về chính trị, về quan niệm.

5.- Quần tính lưỡng đảng trở thành 1 giá trị ăn sâu vào quần chúng.

Chính sinh hoạt lưỡng đảng từ 2 thế kỷ nay làm cho dân chúng Anh và Hoa Kỳ khó từ bỏ hệ thống này, có thể nói trở thành tập quán chính trị vững chắc. Dân Anh, Hoa Kỳ ngày nay thường có thói quen nhìn vấn đề với hai hoặc 3 lối giải đáp, họ rất lo âu khi phải đứng trước quá nhiều giải đáp phải lựa chọn, cũng như tinh thần hiếu động nhanh chóng và thực tiễn không cho phép họ suy nghĩ lâu. Như vậy có thể nói, hệ thống lưỡng đảng là 1 tác dụng làm vững bền chính - nó.

Tóm lại, mô thức lưỡng đảng Anh và Hoa Kỳ không phải là 1 kiến tạo dễ dàng trong vài ba năm, nó là nhữ ng biệt lệ, mang những sắc thái đặc thù của lịch sử, của định

chế, của sự phân phối tài nguyên, của tín niệm hệ dân tộc, ở hai nước này. Do đó việc du nhập kỹ thuật chính trị tân tiến này vào Việt Nam coi như 1 công thức khẳng định cho việc ổn định chính trị hoặc tập hợp chính trị có thể sẽ gặp phải nhiều khó khăn.

ĐOẠN II. - MÔ THỨC TẬP HỢP CHÍNH TRỊ CỦA ĐẠI HÀN.

A. - LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ ĐẠI HÀN TỪ 1960 VỀ SAU:

1. - Sau khi chế độ Lý Thừa Vãn sụp đổ, quốc hội Đại Hàn tháng 6 năm 1960 tu chính Hiến pháp, ấn định một chế độ nghị viện, Tổng Thống chỉ còn là Quốc Trưởng vô trách nhiệm, không quyền hành, tượng trưng cho quốc gia.

Tháng 7-60, đảng Dân chủ, đối lập với chế độ Lý Thừa Vãn đã toàn thắng trong cuộc tuyển cử với 175 ghế trong số 233 ghế Hạ nghị Viện và 31 ghế trong số 58 ghế ở Thượng Nghị viện, lãnh tụ đảng này là Ông Trương Miễn lên nắm chính quyền. Đảng Dân chủ được coi là kết hợp tất cả khối chính trị bao thủ, đã nắm ưu thế trong cả Hạ và Thượng Nghị Viện. Tuy nhiên đảng Dân chủ đã thực sự tách ra làm 2 cựu đảng và tên đảng. Yun Po sun, Tổng Thống lúc bấy giờ lãnh đạo cựu đảng và Chang Myon (Trương Miễn) lãnh đạo tân đảng

Sau đó Yun - Po - sun tổ chức thành đảng mới là đảng Tân dân (Simmin). Hai đảng này chống đối nhau khiến cho tình hình chính trị Đại Hàn lại hỗn độn, sinh viên lục lượng đã lật đổ chế độ Lý lại biểu tình, tình hình kinh tế suy sụp, căn bộ Cộng Sản lợi dụng dịp đó gây rối, tình trạng bất an ngày càng trầm trọng. Chính phủ Trương Miễn ban hành luật an ninh tháng 3 - 1961.

Các cuộc biểu tình vẫn tiếp diễn, dân chúng mất tin tưởng, lợi dụng thời cơ, quân đội đảo chính ngày 16-5-61.

2. - Sau cuộc đảo chính 61 :

Chính quyền quân nhân giải tán Quốc Hội ngưng áp dụng Hiến Pháp 1948.

Tình thế chính trị vẫn rối ren, xáo trộn bởi sự tranh giành nghi kỵ giữa các tướng lãnh nhất là 2 tướng Trương Đổng Anh và Phác Chánh Hy. Một cuộc "Thanh trừng nội bộ" xảy ra, tướng Trương Đổng Anh bị hạ bệ và tướng Phác Chánh Hy lên nắm quyền.

Sau khi củng cố quyền hành, chính quyền quân nhân cho soạn thảo Hiến Pháp mới vào năm 1962 và hứa chuẩn bị 1 sự bình thường hóa cuộc sinh hoạt chính trị. Bầu không khí chính trị Đại Hàn lại sôi động khi chính quyền ban hành đạo luật ấn định việc tổng tuyển cử dân biểu Quốc Hội. Giới quân nhân ủng hộ chính quyền đứng ra thành lập đảng Dân chủ Cộng Hòa, đồng thời 2 đảng đối lập Dân chính và Dân chủ liên kết nhau, hoạt động ráo riết đòi hỏi một chính phủ dân sự.

Tháng 3 - 1963 một cuộc âm mưu đảo chánh lại bị tiết lộ, nhiều tướng lãnh bị bắt, và chính phủ quân nhân muốn triển hạn thêm 4 năm nữa. Các chính đảng đối lập, sinh viên thanh niên, biểu tình chống đối mãnh liệt, xáo trộn diễn ra Hoa Kỳ cũng phản đối mạnh mẽ.

Trước áp lực ấy, Phác Chánh Hy nhượng bộ, hủy bỏ việc triển hạn chính phủ quân nhân thêm 4 năm, công bố chương trình dân sự hóa chính quyền với việc ấn định ngày bầu cử Tổng Thống và Quốc Hội, sau đó Tướng Phác Chánh Hy dựa vào quân đội tổ chức đảng Dân chủ Cộng Hòa.

Trong cuộc tuyển cử Tổng Thống 1963, Phác Chánh Hy đắc cử lập Đế Tam Cộng Hòa. Đảng của ông chiếm đa số gần 2/3 (110 ghế trong số 175 ghế trong Quốc Hội) trong khi đảng Tân Dân do Cựu Tổng Thống Yun Po sun cầm đầu được 60 ghế, còn đảng Dân Chủ và 2 đảng thiểu số khác chiếm các ghế còn lại.

Năm 1965 trước việc chính phủ Đại Hàn muốn bình thường hóa ngoại giao với Nhật Bản, 2 đảng Tân Dân và Dân chủ hợp thành đảng Quân chúng là đảng đối lập Liên Hiệp, phản đối đảng cầm quyền.

Tóm lại, sau khi chế độ Lý Thừa Vãn bị sụp đổ Đại Hàn lâm vào cảnh hỗn loạn chính trị như Việt Nam sau cuộc chính biến 1-11-63, đảng phái hoạt động hỗn loạn với chừng 40 đảng, nhưng đến nay dưới chế độ đệ III Cộng Hòa, tình trạng đa đảng trên chấm dứt, hiện chỉ còn một hệ thống tam đảng mạnh mẽ.

- Đảng Dân Chủ Cộng Hòa : đảng chính quyền do Tổng Thống Pak Chung Hy lãnh đạo.

- Đảng Tân Dân do cựu Tổng Thống Yun Po Sun lãnh đạo

- Đảng Dân chủ : do cựu Thủ Tướng Chang Myon lãnh đạo.

Nhiều lúc trước 1 vấn đề lớn của quốc gia như việc giao thiệp với Nhật đã khiến cho 2 đảng sau này liên hợp với nhau thành 1 lực lượng đối lập mạnh (tổ hợp này gọi là đảng quần chúng).

Như vậy sự tập hợp chính trị ở Đại Hàn coi như thành công sau 1 thời gian ngắn. Do những yếu tố nào ? Đó là điều chúng ta cần biết.

B.- CÁC YẾU TỐ TRONG MÔ THỨC TẬP HỢP CHÍNH TRỊ CỦA ĐẠI-HÀN :

I.- TRƯỚC HẾT LÀ YẾU TỐ KỸ THUẬT PHÁP LÝ :

Hiến Pháp đệ III Cộng Hòa. Hiến pháp này được thành lập năm 1962 gồm 119 điều khoản, phần liên quan đến các chính đảng với 4 điều khoản quan trọng sau :

ĐIỀU 7 : "Các chính đảng được tự do thành lập và chế độ đa đảng được bảo đảm, tổ chức và hoạt động của mỗi chính đảng sẽ tổ chức thế nào để nhận dân có thể tham gia vào việc ấn định ý chí chung.

Nhà nước sẽ bảo vệ các chính đảng, tuy nhiên nếu mục đích hay hoạt động của chính đảng nào đi ngược lại với trật

tự dân chủ căn bản, chính phủ sẽ truy tố chính đảng đó trước Tối Cao Pháp Viện để phán quyết về việc giải tán chính đảng".

Điều khoản này nhấn mạnh đến tầm quan trọng của chính đảng trong cuộc sinh hoạt chính trị. Chính đảng là 1 định chế chính trị ghi vào Hiến Pháp. Tầm quan trọng của chính đảng lại được xác nhận thêm bởi điều 36.

ĐIỀU 36 : "Không ai có thể là ứng cử viên dân biểu quốc hội nếu không được đề cử bởi các chính đảng của mình".

Quyền đề cử ứng cử viên. Dân biểu do chính đảng, như vậy, nghị trường chỉ gồm toàn đại diện của chính đảng tránh được tình trạng những cá nhân thời cơ, hoạt động vì quyền lợi riêng họ, như Hạ Nghị viện của V.N.C.H. hiện tại cũng nhờ ở tư cách đại diện của đảng, các vị dân biểu sẽ làm việc có kỹ thuật hơn, phục vụ quyền lợi của dân chúng đứng đắn, vì có sự kiểm soát trực tiếp của đảng và gián tiếp của dân chúng.

Cũng trong chiều hướng ấy, điều 63 Hiến Pháp Đại Hàn còn qui định thêm rằng : "Không ai có thể là ứng cử viên Tổng Thống nếu không được đề cử bởi chính đảng của mình".

Sau cùng để tạo sự thuận tiện cho việc tập hợp đảng phái điều 38 còn qui định : "vì nào từ bỏ đảng mình, hoặc thay đổi chính đảng, hoặc vì lý do đảng mình bị giải tán trong nhiệm kỳ Quốc Hội sẽ bị mất ghế dân biểu. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp vị dân biểu bị trục xuất khỏi đảng hoặc khi có sự hợp nhất chính đảng".

Những đặc điểm chúng ta vừa kể không những nhấn mạnh tầm quan trọng của chính đảng, định chế hóa chính đảng mà còn nhằm mục tiêu giới hạn tổng số chính đảng, để tránh hậu quả tai hại của 1 sự lạm phát đảng phái sau ngày cách mạng lật đổ chế độ Lý Thừa Vãn.

Tóm lại, các nhà lập hiến Đại Hàn đã cố gắng áp dụng 1 chế độ tự do hạn chế qua các cuộc bầu cử nhằm đề cao

vai trò của chính đảng cũng như giới hạn bớt số chính đảng, thành quả là sự tập hợp chính trị thành công, từ một chính trường đa đảng năm 60-62, đến nay chỉ còn 3 đảng mạnh hoạt động hữu hiệu.

II.- SỰ QUYẾT TÂM CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO.-

Chúng ta thấy rằng Tổng Thống Phác Chánh Hy là một tướng lĩnh và quân đội đã đưa ông lên nắm quyền, nhưng ông không chỉ nghĩ đến sự tồn tại của chức vụ bằng cách dựa vào sức mạnh nhất thời của quân đội.

Ông đã đứng ra lập đảng, Đảng Dân Chủ Cộng Hòa, ông chấp nhận vị thế và con người chính trị của ông, đặt trách nhiệm sự cai trị của ông vào một chương trình mà đảng ông chủ trương thực thi, để toàn dân quyết định qua lá phiếu của họ, đảng chính quyền của ông đã ra ứng cử, đã toàn thắng và đã nắm chính quyền thực sự, ông không lập đảng cho có hình thức, chính sự quyết tâm dựa vào hậu thuẫn chính trị của đảng ông, chấp nhận sinh hoạt dân chủ làm các chính đảng khác cố gắng tập hợp lại để thành đối thủ khả dĩ đương đầu lại đảng chánh quyền.

Đây là một yếu tố không kém phần quan trọng, bởi vì theo sự nhận xét của chúng tôi ở đoạn 3 phần 2, chính sự thiếu quyết tâm của Tổng Thống Thiệu làm cho việc tập hợp chính trị khó thành công.

Chương Hai

MÔ THỨC TẬP HỢP CÓ THỂ ÁP DỤNG TRONG HIỆN TRẠNG CHÍNH TRỊ V. N. C. H.

Với tình trạng chính trị hiện tại của chúng ta việc đi tìm một phương thức tập hợp các chính đảng hầu đem lại sự ổn định sinh hoạt chính trị cần thiết cho quốc gia quả là quá khó khăn, sự khó khăn này được dẫn chứng bằng sự thất bại của việc kết hợp các chính đảng từ 4 năm qua.

Chính quyền đã cố gắng tạo một mầm móng tập hợp theo phương thức chính lập, đối lập, để đi tới hệ thống lưỡng đảng. Nhưng rõ ràng, sự cố gắng trên đã không hiệu quả, một chính lập với Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội của Tổng Thống Thiệu chỉ có trên hình thức và không kích động nổi các phần tử đối lập tập hợp lại như ý muốn mà Tổng Thống Thiệu đã diễn đạt trong Thông điệp ngày 7-4-1969.

Về phần đối lập, còn tệ hơn vì đã không có tổ chức rộng lớn nào, trừ một vài đoàn thể như Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến đối lập về chính sách quốc gia, lực lượng Dân Tộc Việt đối lập ôn hòa, lực lượng Quốc Gia Tiến Bộ của luật sư Trần Ngọc Liễng đối lập cực tả. Nhưng, các đoàn thể này không phải là một tổ chức quy tụ rộng rãi các thành phần đối lập lại thành một khối chặt chẽ.

Trước thời Đế nhị Cộng hòa, người ta cũng có nghĩ cách thức tập hợp chính đảng lại như :

- Dưới thời Quốc trưởng Dương Văn Minh đã có người đưa ra ý kiến thành lập chế độ lưỡng đảng bằng cách tạo ra hai khung chường, một khung chường mang nhãn hiệu 'Dân chủ' một khung chường mang nhãn hiệu 'xã hội', rồi buộc các chính đảng muốn hoạt động sẽ phải tự chọn cho mình, một t trong hai khung chường ấy. (1)

(1)(2) Nguyễn Kim Khánh, vấn đề chính đảng tại Việt Nam, Saigon : Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh xuất bản, 1969. trang 101, 103.

Ý kiến này có vẻ máy móc và thiếu thực tế, vì không làm sao buộc các chính đảng tự nhốt vào 2 khung chương đó được, sự cưỡng bách rõ rệt như vậy liệu rằng sẽ gặp phải chông đối tới mức nào ?

- Một ý kiến khác do Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đề ra trong cuộc phỏng vấn của nhất báo Tiến (2) là Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa nên quy định rằng ứng cử viên nào được nhiều thăm trong cuộc bầu cử Tổng Thống sẽ đắc cử, người có số thăm kế theo sẽ được nhìn nhận là lãnh tụ đối lập, với tất cả quyền hạn của vị lãnh tụ đối lập chính thức như ở Anh quốc chẳng hạn, nhờ đó có thể khuyến khích các chính đảng nhỏ hợp tập nhau lại thành 2 khối lớn, một khối theo chính quyền, một khối theo phe đối lập vì phải ở một trong hai khối này, các chính đảng nhỏ mới có đủ phương tiện để hoạt động. Sau vài lần tuyển cử như vậy các chính đảng nhỏ sẽ phải tổ hợp nhau lại thành hai chính đảng lớn, một nắm quyền, một đứng ra đối lập : Đây là một đề nghị hữu lý, nhưng vì đã không thực hiện nên chưa lường được hiệu quả.

- Người ta cũng có đề nghị các hệ phái trong một đảng nhất là các đảng lâu đời, có một quá trình tranh đấu chống thực dân, chống Cộng sản nên thống nhất lại. Trên thực tế, đã có một sự cố gắng tập hợp theo cách thức này nhưng không thành công.

1.- Việt Nam Quốc Dân Đảng Trung Ương Cải Tiến còn gọi là hệ phái Vũ Hồng Khanh, vị này với tư cách một người có nhiều tuổi đảng, tuổi đời cũng như từng góp công vào cuộc khởi nghĩa tại Yên Bái, với tên là Giáo Gian (3). Ông đã cố gắng kết hợp 9 hệ phái khác (4) để thống nhất nhưng chưa đạt được kết quả nào.

2.- Đại Việt Quốc Dân Đảng cũng cố gắng thống nhất các hệ phái (5) của đảng này. Đọc một đoạn văn sau đây trong

(3) Nguyễn Khắc Ngũ, Thực chất các đảng phái chính trị VN Tạp chí Trình Bày (số 18 ngày 22.4.1971).

(4) Xem lại Phần I Chương I đoạn I.

Lược sử đảng Tân Đại Việt ta thấy điều đó (6). . . . Đồng chí Nguyễn Tôn Hoàn cùng xử bộ Nam Việt nhờ đồng chí Trương Thiên Sắc mời cụ Trương Bội Hoàng, thân phụ của cố Đảng trưởng Trương Tử Anh vào Thủ Đô để làm cố vấn tối cao cho Đảng. Cụ Trương Bội Hoàng đã mở nhiều cuộc tiếp xúc với những cán bộ cao cấp của Đại Việt Quốc Dân đảng trước kia như Bác sĩ Nguyễn tiến Hỷ, Bác sĩ Đặng văn Sung, bà Đặng thị Khiêm, anh Trần văn Xuân, v...v... để bàn kế hoạch thống nhất lãnh đạo. Nhưng những đồng chí kể trên cho rằng xử bộ Nam Việt có ý định mượn Thiên tử nhà Châu để chống cự hầu nên cuộc vận động thống nhất của chính thân phụ Đảng trưởng cũng không đạt được kết quả như ý...'

Qua đoạn văn trên chúng ta thấy sự thống nhất các bộ phận ở 2 đảng kỳ cựu này cũng không thành công.

Trước Đế Nhị Cộng Hòa cũng có một vài tập hợp, Liên minh các đảng phái lớn lại :

1.- Lực Lượng Quốc Gia Thống Nhất.-

- Lực Lượng Quốc gia Thống nhất liên kết Mặt trận Quốc gia Thống nhất của cụ Nguyễn thế Truyền (mới mất), Dân Xã (Trương kim Cù), Lực lượng Quốc dân Liên hiệp (Huỳnh Kim Nền), Tân Đại Việt (Nguyễn tôn Hoàn), Cao đài (Trương lương Thiện), Thanh niên Phật tử (Trần cao Tần). Lực lượng này đã thành lập từ năm 1964 để chống Hiến chương Vũng Tàu (16.8.1964) của Nguyễn Khánh, chống Phong trào Bảo vệ Hòa Bình và Hạnh phúc Dân tộc của T.T.Thích Quang Liên.

- Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc liên kết các đoàn thể như Đại Việt Duy dân (Nguyễn xuân Chử - mới mất - làm chủ tịch), Mặt trận Nhân dân Cứu quốc (Lâm văn Tét - phó chủ tịch - đi theo phía bên kia sau vụ Tết Mậu-thân), Việt Nam Quốc dân đảng (Xuân Tùng, Vũ hồng Khanh), Đại Việt Chính thống (Vũ ngọc Các, Trần thanh Hiệp).

- Mặt Trận Thống Nhất Quốc Gia Tranh Thủ Tự do, gồm các khuôn mặt quen thuộc của các tôn giáo và đảng phái như

(5)(6) Lược sử Đảng Tân Đại Việt - Tổng Bộ Tuyên Huấn
ấn hành - 1969.

Linh-mục Hoàng-quỳnh, Hoà-thượng Thích-Minh-Trực, Ni-cô Hồng-tâm Trúc Lâm nương, Tu-sĩ Thanh-Quang, các ông Tạ-chương-Phùng, Nguyễn-Thế-Truyền (mới mất) Nguyễn-Xuân-Chữ (mới mất) Ngô-Ứng-Tại, Hoàng-Cơ-Bình, Phan-Khoang, Phan-Khắc-Sửu chủ-tịch, mới mất), Vũ-Hồng-Khanh, Trần-Đình-Nam (Phó chủ-tịch), Lê-Văn-Nghiêm, Nguyễn-Cao-Hách, Ngô-Gia-Hy, Trần-Cửu-Chấn, Nguyễn-Tường-Bá, Lê-Quang-Luật, Vũ-Quốc-Thúc v.v....

- Mặt trận Quốc-Dân Đoàn-Kết cũng có gần đầy đủ các vị trong MTNQTTD trên, như : Phan-Khắc-Sửu (mới mất), Phan Quang-Đán, Trần-đình-Nam, Trần-Văn-Quế, Hồ-Văn-Nhật, Lâm-Văn-Tết, Hồ-Văn-Vui, Phan-Huy-Quát, Hoàng-Cơ-Bình, Nguyễn-Bảo-Bảo Toàn, Trần-Văn-Lý v.v....

- Mặt-trận Tranh-đấu Thực-hiện Dân-chủ hay Phong-trào Nhân-dân Tranh-đấu Dân-chủ do cụ Phan-Khắc-Sửu làm Chủ tịch Vũ-Hồng-Khanh, Nguyễn-Hoà-Hiệp làm Phó, Trương-Đình-Dzu làm Tổng-Thư-Ký, Phạm-Thái làm Phó và cũng có hầu hết các nhân-vật như trong hai mặt-trận TNQTTD và QĐK ở trên.

- Liên-minh Dân-chủ, liên-kết 4 đoàn-thể lớn như VNQ ĐĐ (do Vũ-hồng-Khanh đại-diện). Dân-xã (Phan-Bá-Cầm dd), Đại Việt Duy-tân (Lê-Vinh dd) và Khối Dân-chủ (Hoàng-cơ-Thụy dd)

- Hội-đồng Dân-tộc Cách-mạng với các ông Nguyễn Xuân Chữ (Duy-dân - mới mất), Lâm-Văn-Tết, Trần-Văn-Lý, Phan-Bá-Cầm Xuân-Tùng, cụ Ba-Liệu, Vũ-hồng-Khanh. Nhưng liên-minh các đảng phái lớn nêu trên cũng chỉ có trên hình thức và hoạt - động trong một thời-gian ngắn ngủi rồi thôi.

Có người lại đề-nghị trong khung-cảnh chánh-trị hiện-tại của đệ-nhi Cộng-Hoà có thể tập-hợp các đảng-phái theo căn bản nhân-vật lãnh-đạo vượt trội, như 2 nhân-vật nổi-bật trên chính-trường là Tổng-Thống Nguyễn-Văn-Thiệu và cựu Đại-Tướng Dương-Văn-Minh với hai lập-trường chính-trị khác biệt nhau, nên có thể coi như hai-điểm hội-tụ của quan-điểm chính trị hiện-tại.

- Tổng-Thống Thiệu chủ-trương tiêu-diệt Cộng-sản bằng

mọi cách, coi như 1 lập-trường cực hữu của những người chống Cộng, vậy thì những đoàn-thể nào cùng một quan-điểm này có có thể hội-tụ theo Tổng-Thống Thiệu.

- Đại-Tướng Dương-Văn-Minh được coi như là một người mà Cộng-sản có thể thỏa-hiệp để ngừng chiến-tranh, với chủ-trương giải-quyết hoà-bình chiến-tranh V.N, các đoàn-thể chính trị nào có cùng quan-điểm như vậy sẽ hội-tụ chung-quanh ông.

Đề-nghị này cũng gặp phải khó-khăn trong thực-tế :

1. - Lập-trường của 2 vị trên đôi lúc cũng không rõ ràng, Tổng-Thống Thiệu có khi hô-hào tận-diệt Cộng-Sản, hoà bình chỉ có khi không còn Cộng-sản, lúc thì lại cho rằng nên giải quyết cuộc chiến này trên căn-bản dân-tộc, còn Đại-Tướng Minh nhiều lúc cũng lên án Cộng-sản gay-gắt.

2. - Rất khó mà có một sự đồng-ý với nhau hoàn-toàn trên căn-bản 2 nhân-vật này.

3. - Giả thử dùng uy-tín cá-nhân và quan-điểm chính-trị của hai vị trên hội-tụ các đoàn thể các nhân-vật lại được thì vấn đề hội nhập lại được đặt ra như việc sắp xếp chỗ ngồi, vị trí trong thực-tế rất khó khăn.

Như vậy qua các đề-nghị trên, chúng ta thấy rằng vấn đề áp-dụng trong thực-tế còn là một khó khăn to-tát, những cố gắng của các chính-trị gia, các lãnh-tụ đảng-phái vẫn chưa đi đến đâu, ngay cả việc thống-nhất lại những người cùng hệ-phái nguồn-gốc trước kia cũng không thu được kết-qua.

Vì thế việc đi tìm một căn-bản tập-hợp đang là một ao ước, và cũng là một nan-giải cho mọi người.

Theo chúng tôi, sự tập-hợp chính-trị có 2 vấn-đề chính yếu :

- hội-tụ
- hội nhập.

Phải có một căn-bản phổ quát, căn-bản đó phải phù-hợp với thực-tế chính-trị hiện-tại của chúng ta để có thể hội-tụ được các đoàn-thể chính-trị lại với nhau.

Sau khi hội-tụ rồi, các đoàn-thể phải tìm ra một phương thức nào để có thể hội-nhập được vào với nhau thành một lực lượng chính-trị thuần nhất, chứ không phải là một sự tập hợp tạm bợ, giai-đoạn để rồi phân-hoá nát ra sau đó.

Nhìn qua hiện-trạng chính-trị Việt-Nam, chúng ta thấy rằng có 2 căn-bản lớn nhất : Đó là Tôn-giáo và ý-thức hệ.

ĐOẠN I. - ĐIỂM HỘI-TỤ THEO CĂN-BẢN TÔN-GIÁO.

A. - TẠI SAO TÔN-GIÁO LÀ MỘT CĂN-BẢN TẬP-HỢP.

Ở các nước chậm-tiến, các lãnh-tụ tinh-thần được lòng tin cậy của dân quần-chúng, vì trong xã-hội mà đời sống hàng ngày hãy còn quá lệ thuộc đến các biến-chuyển của thiên-nhiên của tạo-hoá, người dân không ngần-ngại ủy-thác tất cả cho những người thấu-triệt được sự thật của trời đất. Vì vậy, hơn hết tiếng nói của tôn-giáo là tiếng nói được tin-dò và dân quần-chúng tuân-phục, tiếng nói tôn-giáo có thể phổ-biến từ Trung-Ương đến các địa-phương xa-xôi hẻo-lánh vì đầy đủ cơ sở và các phương-pháp thông-tin đặc-biệt của tôn-giáo,

- các bài thuyết-pháp
- các buổi đi nhà thờ hàng tuần của công giáo
- cúng rằm của Phật-giáo.

Hơn nữa, ngày nay trong các nước mới thu-hồi độc-lập, sự suy-yếu của các đảng-phái đã làm bành-trướng vai-trò chính-trị của các đoàn thể tôn-giáo. Ở Việt-Nam, chính những tương-quan mật-thiết của tôn-giáo và chính-trị từ năm 1963 đến nay, càng làm cho người ta không thể chối bỏ được vai-trò chính-trị của 2 khối tôn-giáo lớn là Phật-giáo và Công-giáo. Vai trò này đã cụ-thể hoá qua các cuộc vận-động đưa người vào chính phủ, vận-động lật-đổ chính-phủ nào không phù-hợp quyền-lợi, cũng như qua các sự vận-dụng khối quần-chúng cử-tri tôn-giáo một cách có hiệu-quả trong các cuộc tuyên-cử vào các cơ-quan lập pháp, Hành-pháp, thời đệ-nhị Cộng-Hoà đã cho thấy thế-lực tôn

giáo rất quan-trọng trên chính-trường.

Năm 1967, 3 liên-danh Trời-Việt, Bông-Huê, Sao-Sáng, Bạch-Tượng, đặc-cử vào Thượng-Nghị-Viện do sự ủng-hộ của khối cử-tri công-giáo.

Năm 1970, cuộc bầu-cử bán phần Thượng-viện lại càng cho thấy lực lượng chính-trị cốt-yếu hiện tại của miền Nam - Việt-Nam là Tôn-giáo, 2 khối tôn-giáo có ảnh-hưởng mạnh nhất hiện nay là Phật-giáo Ấn-quang và Công-Giáo, các liên-danh đặc cử kỳ này đều có vận-dộng và ủng-hộ của tôn-giáo.

- | | |
|-----------------------------------|------------------|
| 1. - HOA SEN (Phật-giáo Ấn-quang) | 1. 149.597 phiếu |
| 2. - MẶT TRỜI (CHÍNH QUYỀN) | 1. 106.288 phiếu |
| 3. - BÀ BÔNG HUÊ (CÔNG-GIÁO) | 882.274 phiếu |

Các liên-danh mang màu sắc chính-đảng chivè được các thứ hạng sau :

- | | |
|----------------------------------------------|----------------|
| 5. - Cấp-tiến (Phong-trào Quốc-Gia Cấp-tiến) | 653.000 phiếu. |
| 6. - Bông Lúa (Đại-Việt Cách Mạng) | 629.000 phiếu. |
| 8. - MỘ BÔNG CỜ (Nhân Xã) | 592.000 phiếu |
| 11. - GÀ GÁY SÁNG (L.L. Dân-tộc Việt) | 449.000 phiếu |
| 12. - Sao sáng (Đại-đoàn kết) | 430.000 phiếu |
| 16. - Cả Nước (Lực lượng Dân-chủ) | 319.000 phiếu. |

Chính các dữ-kiện trên cho phép ta kết-luận rằng quân chúng nằm trong vòng ảnh hưởng các đoàn thể tôn-giáo nhiều hơn là trong các chính-đảng, vì tôn-giáo đã, vẫn còn có vai trò quan-trọng trong một thời-gian nữa cho nên có thể xem tôn-giáo là một căn-bản tập-hợp phù-hợp với thực-tế chính-trị và cũng dễ thực-hiện ở hiện tại.

B. - PHƯƠNG-THỨC. -

Sự tập-hợp trên căn-bản tôn-giáo sẽ theo phương-thức nào ? Có 2 cách.

- I. - Hai tôn-giáo hiện ảnh hưởng mạnh vào chính-trường là Công giáo và Phật-giáo Ấn-quang đứng ra lập đảng. Cách thức

này sự dân thân trực-tiếp của tôn-giáo vào chính-trị sẽ gặp phải những lập-luận chỉ-trích sau.

Theo quan-niệm bảo thủ, tôn-giáo là một tựa-điểm cuối cùng của giá-trị tinh thần, nếu đem chính-trị vào tôn-giáo thì tôn-giáo phải vướng vào tính-cách trần-tục của chính trị với thủ-đoạn, lừa-đạo, tranh-giành, vì thế tính-cách thiêng-liêng cao cả của Tôn-giáo sẽ bị đổ vỡ, chính những đổ vỡ của Phật-giáo từ năm 1965 là đản-chứng cụ-thể của sự chỉ-trích này.

Hơn nữa, khi 2 tôn-giáo lớn này đứng ra lập đảng người ta e-ngại một sự xung-đột tôn-giáo xảy ra, như hồi 1964, nếu các vị lãnh-đạo tôn-giáo không can-thiệp kịp thời thì hậu-quả nguy-hại không thể nào lường được. Chúng tôi cho rằng những chỉ-trích trên có lý, nhưng tình-trạng 1964 quá đặc-biệt mà trong khung-cảnh hiện nay không có, sợ dĩ lúc đó sự kinh-hông tôn-giáo xảy ra là do :

- những di-hệ để lại của chính-quyền Ngô-Đình-Diệm,
- một vài hành-động kiểu-binh của một vài nhân-vật, vài đoàn-thể thân Phật-giáo.
- mặc-cầm phạm-tội quá nặng của những người Công-giáo sau khi chế-độ đệ nhất Cộng-Hoa bị lật-đổ thành ra dễ phản-ứng.
- sự ly-gián của Nguyễn-Khánh để thủ-lợi.

Bây giờ thì những lý-do trên đã tan-biến, chính-quyền cũng không thiên-vị một tôn-giáo nào rõ rệt khiến tôn-giáo kia phải phản-ứng, Phật-giáo cũng không quá mạnh để Công-giáo phản-ứng và ngược lại, Công-giáo không được quá ưu-đãi để Phật-giáo phản-ứng.

Ngoài ra, khi tôn-giáo lập đảng không có nghĩa là những nhà lãnh-đạo tinh-thần như Đức Tổng Giám-Mục hay Đức Tổng-thống làm lãnh-tu, các ngài vẫn giữ phần lãnh-đạo tinh thần, còn chính-trị sẽ giao cho những nhân-vật chính-trị là tín-đồ của tôn-giáo này và khi các nhân-vật tổ-chức chính-trị tập-hợp lại thành một đảng thuần nhất mang màu sắc tôn-giáo thì cũng vẫn phải hoạt-động bình thường, trật-tự, trong khuôn khổ luật-pháp quốc-gia, khi đó, họ sẽ tìm thế đứng qua các cuộc bầu-cử hợp-pháp thì không có gì lộn-xộn xảy ra. Chúng ta

cũng thấy rằng sinh-hoạt chính-trị ở Nhật-Bản, Tây-Đức không có gì nguy-hiêm với các đảng mang danh-hiệu tôn-giáo rơ rệt như đảng xã-hội Phật-Giáo Nhật hay Dân-Chủ xã-hội Thiên-chúa giáo của Đức.

II. - Trong trường-hợp quá e-dè với cách thức dẫn thân trực - tiếp người ta cũng có thể dùng cách thức gián-tiếp.

Các đoàn thể tôn-giáo sẽ hội-tụ các tổ-chức có khuynh - hướng thân mình lại

1. - Phật-giáo Ấn-quang. -

- Các Ủy-ban đòi quyền sống
- Lực-lượng Quốc-gia Tiên-bộ của luật-sư Liêng
- Các đoàn thanh-niên Phật-Tử
- Liên-danh Hoa-Sen tại Thượng-Nghi-viện
- Lực-lượng Dân-Chủ Xã-hội Phật-giáo của G.S. Vũ-Quốc-Thông.
- Đảng Hưng-Việt của Phật-Tử Miền Trung

2. - Công-Giáo. -

- Lực-lượng Đại-đoàn kết của ông Nguyễn-Gia-Hiến
- Công-Hoà Đại-chúng (Trương-Công-Cừu)
- Nhân Xã đảng (Cao-Xuân-Vỹ)
- Lực-lượng Nhân-Dân Kiến-Quốc (Trương-vĩnh-Lê, Lê-Trọng-Quát).
- Mặt-Trận dân-tộc tự-quyết (L.M. Hoàng-Quỳnh)
- Lực-lượng quốc-dân Liên-hiệp (Huỳnh-Kim-Nên)
- Mặt trận Công-dân Công-giáo (L.M. Trần-Du)
- Hội Thanh-niên Dân-Tiến V.N (Phạm-Hữu-Giáo, Mạc-Giáo)
- Khối Công-Giáo V.N. (L.M. Trần-Đức-Huỳnh
L.M. Nguyễn-quang-Lãm)
- Đảng Dân-Chủ Thiên-Chúa Giáo (Hoàng-Kuân-Việt)
- Mặt-trận quốc-lực V.N. (Nguyễn-Bảo-Kiểm).

3. - Cao-Đại. -

- Việt-Nam Phục-Quốc-Hội (Nguyễn-Thành-Phương).

- Mặt-trận Quốc-Gia Kháng chiến (Trương-lương-Thiện)
- Hội Cựu Chiến-sĩ Cao-Đài (Nguyễn-Thành-Phương - Trương-Lương-Thiện).
- Mặt-trận thống-nhất Dân-tộc Việt-Nam (Lương-văn - Chương - Đặng-Thanh-Sử).

4. - Hoà-Hảo. -

- Dân-Xã đảng (Trình-Quốc-Khánh)
- Dân-Xã đảng (Phan-Bá-Cầm)
- Tập-đoàn Cựu chiến-sĩ Hoà-Hảo (Lâm-Thành-Nguyên).
- Hội Cựu quân-nhân Phật-giáo (Trần-Duy-Đôn).

Các tôn-giáo đứng ra dùng ảnh-hưởng uy-tín làm chất keo để tập hợp các tổ-chức chánh-trị có khuynh-hướng thân - mình lại, sau đó, thành-lập, Ban Chỉ-dạo thuần nhất cho các đoàn-thể, đầu khi tổ-chức tập-hợp đó thống nhất được, lớn mạnh rồi, thì Giáo-hội có thể tách rời, để trở về cương-vị thuận-túy tôn-giáo nhưng vẫn ủng-hộ và yểm-trợ gián-tiếp.

Tuy-nhiên còn phải nêu thêm vấn-đề, có những chính đảng thân tôn-giáo đó, nhưng không muốn tập-hợp lại, thì cứ để họ hoạt-động tự-do, nếu họ lớn mạnh được càng tốt, nếu không, trước sự lớn mạnh của các đoàn-thể được hậu-thuần tôn giáo, họ sẽ trở thành đảng thiểu-số và sẽ bị đào-thải. Thêm nữa dù bằng cách thức trực-tiếp hay gián-tiếp cần-bản tôn giáo cần những điều-kiện sau.

- Sự sáng suốt hiểu biết, tinh-thần cảm-thông của tín đồ và các nhà lãnh-đạo tôn-giáo.
- Sự dấn thân mạnh mẽ của các vị lãnh-đạo tôn-giáo bằng cách dùng ảnh hưởng của khối tín-đồ cử-tri để can-thiệp và xếp đặt sự ngồi lại với nhau của các phe thuộc tôn-giáo mình.
- Nếu lập được hệ-thống chính-đảng đại-diện bởi Tôn giáo cũng cần nên có một tổ-chức liên-lạc bằng một Hội-đồng liên Tôn để can-thiệp vào những bất-trắc nếu xảy ra

Tóm lại, trong hiện-trạng, Tôn-giáo là một căn-bản tập-hợp khả hành được, sau khi nghiên-cứu những phương thức để giải-trừ các mối nguy-hiểm xảy ra, hơn là cứ mãi trong

tình-trạng mập mờ, các nhà tu cũ nhảy xô vào chính-trị khiến cho đức-tin phai-lạt dần mà còn tạo một tình-trạng rắc rối bất thường đe-doạ những kiến-tạo dân-chủ vừa mới có được.

ĐOẠN II. - TẬP-HỢP TRÊN CĂN-BẢN Ý-THỨC HỆ. -

Khi đưa ra căn-bản ý-thức hệ dùng để tập-hợp là vì chúng tôi nghĩ đến thực-trạng chiến-tranh Việt-Nam, nhiều người đã gọi chiến-tranh ở đây là một thứ chiến-tranh ý-thức-hệ giữa 2 khối Tự-do và Cộng-Sản, hơn nữa, người ta còn gọi miền tranh-chấp nhau là quốc-gia và cộng-sản lồng vào đó 2 thành-phần các đảng-phái, quốc-gia, và đảng Cộng-sản. Hai thành-phần này đã có lúc tàn-sát nhau mãnh liệt trong những năm 1946. Việt-Nam Quốc Dân Đảng và Đại-Việt cố-gắng lập chiến-khu riêng dọc theo biên-giới Hoa-Việt để chống quân-đội Việt-Minh (Cộng-sản), các tổ-chức Công-giáo ở khu tự-trị Bùi Chu, Phát-diệm cũng chống cộng mãnh-liệt.

Ngoài ra, trong năm 1947 trước nguy-cơ Cộng-sản, các đảng-phái quốc-gia đã tập-hợp được một lần duy-nhất trong lịch-sử, tại Quảng-Châu và quyết-định đoàn-kết thành một Mặt trận Quốc-Gia, đặt dưới sự lãnh-đạo của Cựu Hoàng Bảo-Đại (7) Ngoài ra sau hiệp ước Genève ngày 20.7.1954 nước Việt-Nam bị chia đôi, một miền quốc-gia và một miền Cộng-sản, sự phân chia này không những phản-ánh sự đối-nghịch giữa các cường-quốc đã chi-phối các cuộc hoà-dàm ở Genève mà cũng còn phản-ánh sự tranh-chấp trong nội-bộ V.N. giữa 2 quan-niệm về tổ-chức chính-trị, đã xuất-hiện từ năm 1940-1945 (8).

Qua dữ-kiện lịch-sử trên, chúng ta có thể xem rằng căn-bản ý-thức hệ đang phân-cực chính-trường Việt-Nam các đảng phái quốc-gia dù phân-hoá, dù chống đối nhau nhưng với mối nguy Cộng-sản họ sẵn sàng để đối-phó trước sự sống còn của chính họ. Và hiện nay, hầu hết các chính-đảng tại miền Nam đều có một màu sắc chung đó là chống Cộng, dù chống ôn-hoà hay kịch-liệt. Điều đó cho phép chúng ta xem ý thức hệ là 1 căn bản tập hợp có thể thực-hiện được trong thực-trạng chính-trị hiện-tại.

(7) (8) G.S. Nguyễn-Thế-Anh, Việt-Nam thời Pháp đô-hộ Saigon Nhà xuất-bản Lửa Thiêng, 1970 trang 367.

Căn-bản này nằm trong giả-thuyết Cộng-sản chấp-nhận chấm-dứt cuộc chiến hiện nay bằng đường lối thương-nghĩ từ bỏ đấu-tranh vũ-trang về đấu-tranh chính-trị trong khuôn-kho của chế-độ dân-chủ tự-do, nghĩa là chấp-nhận tranh-cử vào các cơ-chế công-quyền trong khuôn-kho hiến-pháp định Cộng Hoà. Sự cố-mặt của Cộng-sản trên chính-trường sẽ tạo ra một khích-dộng mạnh mẽ đối với các phân-tử, đảng-phái quốc-gia, trước một tổ-chức có kỷ-luật, có phương-thức hành-động, nếu các đoàn-thể chính-trị quốc-gia phân-hoá, yếu-kém, thì sẽ tan rã, bị đồng-hoá và tiêu-diệt bởi Cộng-sản, vì mỗi ngày đó, các đoàn thể đảng-phái quốc-gia sẽ phải tập-hợp lại hướng-đến một tổ-chức thống-nhất tranh-đấu thích-ứng. Nếu vậy người ta sẽ thấy

- Phía Mặt trận Giải-phóng, sẽ thành-lập một chính đảng cùng với các tổ-chức ngoại vi của họ, có tổ-chức, có kỷ-luật chặt chẽ, có chương-trình làm việc rõ rệt, họ sẽ thu hút được các phân tử tả khuynh quá khích trong xã-hội Việt-Nam chạy theo họ thành một cực, chiếm lấy cánh tả của chính trường Việt-Nam.

- Khi đó chắc chắn sự hoạt-động mạnh của Mặt-trận sẽ làm cho các phân-tử quốc-gia chống Cộng tìm cách kết-hợp nhau lại thành một Mặt trận, thí-dụ : Mặt-trận Toàn-lực Quốc-Gia chẳng hạn, để đủ sức mạnh, phương-tiện, đối-phó với Mặt-trận bên kia. Nếu tất cả những chính-đảng quốc-gia không kết-hợp nhau được thành một chính-đảng hay một liên-minh duy-nhất, người ta cũng có thể tiên-đoán rằng họ sẽ tập-hợp thành hai khối.

- Khối Bảo-thủ, có thể một số chính-đảng có lập trường chống Cộng cực-đoan như các đoàn thể chính-trị mang màu sắc Công-giáo, cùng với các đảng-phái có quá-trình chống-cộng như Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, các hệ-phái, Đại-Việt Quốc Dân Đảng các hệ phái, các đoàn thể ảnh hưởng bởi Cao-Đài, Hoà Hảo, tất cả sẽ tập-hợp lại thành một khối chiếm lấy cánh hữu chính-trường Việt-Nam.

- Một số đoàn thể mới thành-lập, chống Cộng, nhưng không cực-đoan, cũng có khuynh-hướng xã-hội, nhưng không Cộng

Sân, khối ôn-hoà này sẽ giữ lấy vị-thế trung-tâm giữa 2 cánh tả và hữu.

Tóm lại đây là một mô-thức đặt trong sự giả-định là Cộng-sản sẽ chấp-nhận đấu-tranh chính-trị trong khung-cảnh Hiến-pháp đệ nhị Cộng-Hoà, sự có mặt một cách công-khai của Mặt-trận Giải-phóng coi như là một sự khích-dộng lớn-lao để các đảng-phái quốc-gia tập-hợp nhau lại, vì ý-thức mối-nguy của những năm 1945-1954, mối nguy đó sẽ làm điạ bở những thành kiến, những sự hạm-hức đối với nhau, giữa những người quốc-gia, và cũng chính mối nguy đó làm cho các chính-đảng quốc-gia bắt buộc phải theo lẽ-lối tổ-chức chặt-chẽ, làm việc theo kế-hoạch rõ-rệt, và dù có phân ra làm 2, 3 khối, người quốc-gia cũng sẽ phải liên-minh nhau ít nhất là trong những cuộc bầu-cử, chính sự cộng-tác trong các cuộc bầu-cử, làm cho họ dễ thân-thiện, dễ hội nhập với nhau.

PHẦN KẾT LUẬN

Tập hợp các lực lượng chính trị hiện đang là 1 vấn đề đặt ra cho chế độ đệ nhị Cộng Hoà. Sự sống còn của chế độ cũng như của quốc gia không thể nào có được với 1 tình hình chính trị bất ổn cố, chúng ta cũng biết rằng những xáo trộn từ 1964 đến 1967 đã làm V.N.C.H suy sụp thảm-hại đến độ lúc đó người ta có thể nghĩ rằng Cộng-sản hoá miền Nam chỉ còn là vấn-đề thời-gian, nhưng miền Nam đã gượng dậy được sau đó và hiện đang đi tới sự vững mạnh, nhưng dù sao hiện nay chúng ta còn đang đối-phó với 2 vấn-đề trọng đại :

1.- Ngăn chặn Cộng-sản bằng mọi hình thức quân-sự lẫn chính-trị.

2.- Phát-triển quốc-gia để thăng tiến đời sống dân chúng và cũng nhằm vào việc hỗ-trợ cho sự ngăn chặn Cộng-sản

Hai mục-tiêu trên chỉ đạt được với tình-hình nội-bộ ổn-cố, các cơ-chế dân-chủ đang xây-dựng trong Hiến-pháp ngày 1.4.67 được bền vững. Muốn có các điều-kiện này các chính-đảng phải lớn mạnh, và hoạt-động hữu-hiệu. Chính vì thực-trang đa-đảng, phân-hóa, yếu-kém, và sự bất lực của các các chính-đảng trong việc giải-quyết các vấn-đề trọng-đại của quốc gia làm cho mọi người kể cả những nhà lãnh-đạo chính-đảng càng ngày càng nhận thấy nhu-cầu phải tập-hợp chính-trị, hay nói rõ hơn là đoàn-kết các chính-đảng lại để trên chính-trường chỉ còn vài ba đảng thật mạnh hầu sinh-hoạt chính-trị ổn-định hơn.

Ý thức được nhu-cầu tập hợp chính-trị quan-trọng như vậy, nên từ năm 1967 đến nay, các nhà lập-hiến, lập-pháp chính quyền và các lãnh-tụ chính-trị đều cố-gắng tìm kiếm 1 phương thức để thực-hiện sự kết-hợp.

Nhưng cho đến nay, những cố gắng trên vẫn chưa đạt được 1 kết-quả nào, các nguyên-nhân mà chúng tôi đã phân-tích là vì sự khác-biệt quá lớn giữa các chính-đảng :

- 1.- Về phương-diện tổ-chức : chặt chẽ hoặc lỏng lẻo
- 2.- Về khuynh-hướng hành-động : ôn-hòa hay quá-khích
- 3.- Về nhân-sự : thành-kiến, mặc cảm

- 4.- Về phương-thức lãnh-đạo : dân-chủ, độc-tài.
- 5.- Sự thành tín và quyết-tâm
- 6.- Không có nhân-vật vượt trội nên vấn-đề quyền-lợi của các lãnh-tu khó sắp xếp trong thực-tế.
- 7.- Chính-quyền không làm gương lại còn làm phân-hoá các lực-lượng chính-trị.

Các nguyên-nhân trên làm cho phong-trào tập-hợp khó thành-công.

Hiện tại vì nhu-cầu ổn-định chính-trị quá cấp thiết nên có nhiều khuynh hướng kể cả khuynh hướng của các nhà lập hiến muốn áp-dụng chế-độ lưỡng đảng cho Việt-Nam. Nhưng cũng như chúng tôi đã nhận-định, dù lưỡng đảng hiện nay đang tiêu biểu cho kỹ-thuật chính-trị rất hữu-hiệu, mô thức này có thể thực-hiện trong hiện-trạng Chính-trị V.N. một cách hoàn-hảo không, đó mới là vấn-đề.

Chúng tôi cũng cho rằng việc đặt tin tưởng quyết liệt vào hệ-thống lưỡng đảng như một đũa thần để giải quyết tất-cả những khó-khăn của đời sống chính-trị ở Việt-Nam là một-quan-niệm quá đơn-giản, bởi vì, nhìn qua Hoa-Kỳ và Anh mô- thức lưỡng đảng của 2 nước này là kết-qua của những yếu-tố phức-tạp.

- lịch-sử
- địa-dư kinh-tế
- định-chế
- sự hiệp-ý chính-trị
- tập-quán và tín niệm hệ (système value) dân-tộc

Do đó, việc đi tới một chế-độ lưỡng đảng không phải là chuyện vài 3 năm mà có thể thực-hiện được, nhưng nói như vậy không có nghĩa là cứ chờ đợi trong 1, 2 trăm năm nữa, do đó chúng tôi đã đề-nghị hai căn-bản tập-hợp có thể thực-hiện được trong khung-cảnh chính-trị hiện-tại của V.N.

- 1.- Tôn-giáo
- 2.- Ý-thức hệ

Nhưng 2 căn-bản trên đều đặt trên sự giả-định là sự

quyết-ý dàn xếp của các nhà lãnh-đạo tôn-giáo cũng như cộng sản chịu chấm-dứt chiến-tranh V.N. bằng đường-lối thương-nghĩ trở về hoạt-động như một thành-phần chính-trị của miền Nam Việt-Nam.

Tuy nhiên, trong trường-hợp 2 giả định trên không thể xảy ra được thì triển-vọng của sự tập-hợp chính-trị như thế nào ?

Trong trường-hợp này, các định-chế chính-trị đương-hầu vận-chuyển trong những đi-ều-kiện bình thường như từ 1967 đến nay, với các cuộc bầu-cử Tổng thống, Bán phần Thượng-viện Hạ viện, Hội-đồng Đ.Đ., Tỉnh, Thị-xã và xã ấp. Trong khung-cảnh sinh-hoạt đó, các chính-đảng nhỏ không có thực-lực sẽ bị đào thải, vì nếu không đưa người vào các cơ-chế đó, thì mục-tiêu của đảng không thực-hiện được và cố nhiên là không thể tồn-tại được. Trên chính trường sẽ chỉ còn lại những chính-đảng lớn, có thực-lực, nhưng họ cũng phải tập hợp nhau thành khối lớn nếu muốn đạt được kết-quả nhiều hơn trong những cuộc bầu-cử.

Các cuộc bầu-cử Hạ-nghị-viện và các Hội-đồng Đ.Đ., Tỉnh, Thị, Xã Ấp vì được tổ-chức theo đơn-vị nên các chính-đảng còn có thể hiện-diện nhờ những vùng ảnh hưởng của mình, hoặc khối cử-tri riêng, nhưng ở Thượng Nghị viện và Tổng-Thống, cuộc bầu-cử được tổ-chức trên toàn-quốc, và chúng ta cũng thấy rằng qua cuộc bầu cử bán phần Thượng-viện năm 1970, không có liên-danh chính đảng nào đặc-cử, vì thế các chính đảng phải liên-kết nhau lại mới hy-vọng thắng-cử.

Sự liên-kết như vậy có thể chỉ tạm thời trong các cuộc bầu-cử, nhưng sau nhiều lần cộng-tác nhau qua nhiều cuộc bầu cử liên-tiếp làm cho sự kết-hợp thuận-tiện, vững bền hơn để hoặc sẽ trở thành một liên-minh chính đảng hay hội nhập vào nhau thành một chính đảng thuần nhất.

Nhờ sự thành-lập các khối chính đảng lớn đó, sinh-hoạt chính-trị VNCH tương-đối ổn-định hơn. Đặt tin tưởng vào sự vận dụng các cơ-chế đương-hưu của nền đệ-nhi Cộng-Hòa tất nhiên chúng ta phải kể vào đây yếu-tố thời-gian, nghĩa là sự tập

hợp các đảng hiện tại thành các chính đảng lớn chỉ có thể thực-hiện tại thành các chính đảng lớn chỉ có thể thực-hiện ít nhất từ 5-10 năm nữa.

Sự chờ đợi như vậy có cho phép chúng ta giải-quyết cấp-bách được những nhu-cầu đang đặt ra cho đất nước không nhất là trước tình hình chính-trị biến chuyển mạnh mẽ như hiện nay, hơn nữa sự đấu-tranh chính-trị với Cộng-sản đang đặt ra cấp-bách, như thế hiện chúng ta có thể chờ đợi sự tập-hợp chính-trị thực-hiện trong 10-20 năm nữa được không?

A. - Nêu lên câu hỏi đó là chúng tôi muốn nêu ý-kiến rằng nên tác-dộng mạnh mẽ vào sinh-hoạt chính-trị hiện tại bằng kỹ-thuật pháp-lý, mà chúng tôi gọi là sự tác-dộng gián tiếp, vì sự tác-dộng trực-tiếp bằng cách tạo Mặt-trận Chính lập và Mặt-trận đối lập để đi tới hệ thống lưỡng đảng như Hiến-pháp mong mỏi đã thất bại, sự tác-dộng gián-tiếp dựa trên kỹ-thuật pháp-lý đã bắt nguồn từ ý hướng của mô thức tập-hợp các chính đảng của Đại-Hàn. Xin nhắc lại, sau khi chế-độ Lý-Thừa-Vàng bị lật-đổ, tình-trạng đã đang và sinh hoạt chính-trị của Đại-Hàn bất-ôn y như V.N vào những năm 1964 - 1967. Nhưng chế-độ Đệ Tam Cộng-Hòa của Đại-Hàn với Hiến-pháp năm 1962 đến nay, sinh-hoạt chính-trị đã ổn cố với hệ thống tam đảng mạnh mẽ (1). Chính nhờ vào sự tác động bằng kỹ-thuật pháp-lý của Hiến-pháp Đại-Hàn với các điều 7, 63, 36, 38 (2) sự tập-hợp chính-trị ở Đại-Hàn đã thực-hiện được trong vòng có một năm. Vấn-đề đặt ra cho chúng ta là có nên áp-dụng những kỹ-thuật của Đại-Hàn không? Chúng tôi cho rằng có thể được vì kỹ-thuật mà Đại-Hàn áp dụng nó có tính cách pháp-lý thuần-túy không mang theo các yếu-tố liên-hệ đến đặc-tính dân-tộc, lịch-sử, tình trạng kinh-tế V.N.

Xin nhắc lại sơ-lược các điều-khoản mà Đại-Hàn đã áp dụng trong Hiến-pháp của họ.

(1) (2) Xem lại Phần III - Chương I đoạn II B.

Điều 7. "Công-nhận sự tự-do lập đảng và đảng phái phải hoạt-dộng trong khuôn-khố luật-pháp quốc-gia...."

Điều 63.- "Chỉ có thể là ứng-cử viên Dân-biểu quốc-hội nếu được đề-cử bởi chính đảng của mình"

Điều 36.- "không ai có thể là ứng-cử viên Tổng Thống nếu không được đề-cử bởi chính đảng của mình."

Điều 38.- "Vi nào từ bỏ đảng mình hoặc thay-đổi chính đảng, hoặc vì lý-do đảng mình bị giải-tán trong nhiệm-kỳ Quốc Hội sẽ bị mất ghế dân-biểu. Chúng tôi đề-nghị nên áp-dụng các điều-khoản này vào luật bầu-cử của chúng ta."

Có thể các đoàn thể chính-trị không có thực-lực sẽ chỉ trích cho là làm như vậy là vi-hiến vì vi-phạm vào quyền bầu cử, ứng cử, một quyền tự-do căn-bản của người dân mà Hiến pháp đã qui-định ở điều 13 khoản 2 (4)

Chúng tôi đồng ý với sự chỉ-trích đó nhưng thiết nghĩ nếu có ý thức và thành tâm thiện-chí với việc xây-dựng quốc gia thì có thể tu-chính Hiến-pháp đặt các điều-khoản này vào Hiến-pháp như Hiến-pháp Đại-Hàn tương cũng không có gì là quá đáng.

Ngoài ra, chúng tôi còn đề-nghị thêm rằng nên qui-định trong luật bầu-cử như sau về số tiền ký quỹ.

- Ứng-cử viên Dân-biểu đóng 300.000 \$
 - liên-danh ứng-cử-viên Thượng viện 3 triệu đồng
 - liên-danh ứng-cử viên Tổng thống 5 triệu đồng
- tỉ-lệ ấn-định số tiền ký-quỹ được hoàn lại hay không
- 5% số cử-tri trong đơn-vị cho ứng-cử viên Dân-biểu
 - 10% số cử-tri toàn quốc cho liên-danh ứng-cử viên Tổng thống, Phó Tổng thống, Bản phần Thượng Nghị-viện

(3) Xem lại phần III chương I đoạn IIA

(4) Xem Hiến-pháp đệ-nhiệ VNCH ngày 1.4.67 BỘ Thông-Tin ấn-hành

Nếu ứng-cử-viên do chính đảng hợp-pháp giới-thiệu thì được miễn tiền ký-quỹ và số tiền này được đặt trách-nhiệm cho các chính đảng. Sự qui-định như trên đây có thể bị chỉ-trích

- Số tiền ký-quỹ lớn quá thì chỉ có giới giàu có mới ứng cử được, như vậy đã gián-tiếp giới-hạn quyền tự-do ứng cử vi-phạm vào hiến-pháp.

- Tỷ-lệ để khỏi mất tiền ký quỹ cao quá làm tắt nghẽn con đường ứng-cử.

Tóm lại những chỉ-trích trên có thể gồm lại là sự qui định khắt khe của luật bầu-cử như đề-nghị trên sẽ giới-hạn số ứng-cử viên nghèo mà thành tâm thiện chí với quốc-gia nhiều khi hơn hẳn giới giàu có. Sự chỉ-trích trên có lý, nhưng chúng tôi thấy rằng :

- Sự qui-định đó sẽ giới hạn bớt số ứng-cử viên bất tài kém uy-tín, ra tranh-cử bừa bãi làm tốn hao ngân-củ quỹ quốc-gia.

- Sự qui-định trên lại càng không đáng chỉ-trích khi môi-trường đảng-phái còn có đó, vì số tiền ký quỹ theo như qui-định ứng-cử viên nếu do chính-đảng giới-thiệu thì không phải đóng, và trách-nhiệm được đặt lên chính-đảng đó. Chúng ta cũng biết : môi trường chính đảng như là một máy lọc do lường sự hoạt-động của các đảng-viên, khi đảng đề-cử vì uy-tín đảng có lẽ sẽ không giám qua người quá kém đẽmang lầy thất-bại nên thành phần ứng-cử sẽ có phẩm chất khá hơn. Sự qui-định như vậy càng tạo điều-kiện thuận-tiện cho sự phát triển các chính đảng.

B. Ngoài sự tác-động của kỹ-thuật pháp-lý, người ta còn có thể tác-động thêm bằng kỹ-thuật tuyên-cử vào cuộc bầu cử Tổng Thống.

1.- Thế thức đầu-phiếu đa-số 1 vòng.-

Với thế-thức này, ứng-cử viên chỉ cần có 1 đa-số tương đối cũng đủ đắc cử. Đây là thế thức mà M. Duverger đã xem như là nguyên-nhân chính đưa tới chế-độ lưỡng đảng Anh-Hoa-Kỳ(5).

Cho đến nay thì sự giải thích của M. Duverger cho rằng bầu theo đa số 1 vòng thậm đưa tới chế-độ lưỡng đảng đã bị phủ nhận và chính tác-giả này cũng không dám cương-quyết bênh vực giả-thuyết của mình (6).

Nhưng chúng ta thấy rằng dù không đương nhiên đi tới chế-độ lưỡng đảng, thể thức này là 1 trong những yếu-tố đưa đến sự cấu-tạo những lực lượng tập trung, một hệ-thống chính đảng giản-đị và hữu-hiệu (7). Đây là một nhận-định chân xác nhưng các cuộc bầu cử từ 1967 đến nay mặc dù áp-dụng theo thể thức đa-số 1 vòng vẫn chưa thấy hiệu-quả. Vì thế có nhiều người còn muốn đi xa hơn thể thức này bằng thể-thức đa-số với 2 vòng thậm trong cuộc bầu-cử Tổng-Thống. Đó là ý-kiến của Giáo-sư Nguyễn-Ngọc-Huy (8) và các lãnh-tụ chính-trị trong Mặt-trận của Tổng-Thống (9) cũng chủ trương như vậy nhằm tập-hợp các chính đảng.

2.- Thể-thức đầu-phiếu đa-số 2 vòng thậm.

Theo thể thức này tính cách đa-số được ấn-định một cách khắt khe hơn. Trong vòng thứ nhất, chỉ được đặc-cử ứng cử viên nào thu được đa-số tuyệt-đối với tỉ-lệ quá bán tổng số phiếu, nếu không có liên-danh nào đạt tới tỉ-lệ này, cuộc bầu-cử sẽ được tổ-chức lại lần thứ 2 và ở lần này chỉ dành

(5) M. Duverger, les partis Politiques, Paris 1961, 4^e Édition 1961, pages 248.

"On relève une coïncidence à peu près générale entre le scrutin majoritaire à un tour et le bipartisme : les pays dualistes sont majoritaires et les pays majoritaires sont dualistes".

(6) Đoàn thêm, Lược khảo về Chánh đảng, Saigon Phạm-Quang Khai xuất-ban, 1968, trang 61.

(7) G.S. Nguyễn-Văn-Bông, Luật Hiến-pháp và Chính-trị học, Thư-Lâm Ấn Thư-quán xuất-ban 1966, lần II trang 163.

(8) GS. Nguyễn-Ngọc-Huy, Chánh-đảng ở Việt-Nam, Nguyệt-san - Cấp-tiến số 23, 24 tháng 11-12 năm 1970.

(9) Sức Mấy, Hai Vòng, mục số tay - Báo Chính-Luận số 80 ngày 19.1.71.

cho 2 liên-danh có số phiếu cao nhất ở vòng đầu được tranh-cử chỉ cần 1 đa-số tương đối là được đặc cử.

Theo G.S. Huy thể thức đầu-phiếu đa-số 2 vòng thăm nên thực-hiện như sau : (10)

- Trong vòng đầu không cần ấn-định 1 tỉ-lệ nào.
- Sau đó 2 liên danh được nhiều phiếu nhất ở vòng đầu sẽ được tranh cử vòng nhì. Theo đó các chính đảng sẽ có cơ-hội kết-hợp nhau thành 2 khối lớn, mỗi khối ủng hộ một danh-sách.

Và cũng theo Giáo-sư Huy vị ứng-cử viên được đa-số thăm ở vòng nhì sẽ đặc cử, và ứng cử viên còn lại sẽ được nhậm - nhận là 1 lãnh tụ đối-lập, với tất cả quyền-hạn và nhiệm-vụ được đại ngộ như 1 Nghị-sĩ, kỹ-thuật đó là sẽ khuyến-khích các chính đảng nhỏ hợp tập nhau lại thành 2 khối lớn, 1 khối theo chính-quyền, 1 khối theo phe đối-lập và chỉ ở 1 trong 2 khối này, các chính đảng nhỏ mới có đủ tiện-nghị hoạt-động. Sau vài lần tuyển-cử như vậy, các chính đảng nhỏ sẽ phải tổ-hợp nhau lại thành 2 chính đảng lớn, 1 nắm quyền, 1 đứng làm đối lập (11)

Với thể thức đầu-phiếu này cho phép người ta tin-tưởng rằng sự tập hợp các đoàn thể chính-trị sẽ có nhiều hiệu-quả hơn, điển hình là nước Pháp trước thời đệ ngũ Cộng-Hoà. Thể thức đầu-phiếu đa-số tỉ-lệ là một trong những nguyên-nhân phân hoá các đảng phái ở Pháp nhưng đến thời Đệ Ngũ Cộng-Hoà Hiến pháp đã qui-định việc áp-dụng thể-thức đầu-phiếu đa số ở 2 vòng thăm, nhờ đó chính trường bớt phân-hoá.

C - Sự quyết-tâm của các chính-trị gia .-

Đây là 1 yếu-tố tâm-lý và sự tác-động bằng kỹ-thuật pháp-lý trên chỉ thành công nhanh chóng khi nào các lãnh tụ chính-trị thành khẩn với tương lai quốc-gia dẹp bỏ được tự ái cá-nhân để có thể ngồi gần lại với nhau. Tóm lại, chúng-tôi không bi-quan như lập luận của 1 lãnh tụ chính-đảng có

(10) Nguyễn-Ngọc-Huy, Chánh đảng ở Việt-Nam, Nguyệt-san Cấp-Tiến số 23, 2⁴ tháng 11.12.70.

thực-lực đưa ra để từ chối gia-nhập Mặt-trận Cứu-Nguy Dân-Tộc, lúc nó đang thành-lập "Chúng ta có 1 chai dầu và 1 chai nước, để hai chai riêng ra, ta có thể dùng dầu để chiên xào món ăn và nước để uống, đổ hai chai vào một chai lớn hơn, và lắc một hồi, ta không tạo ra được 1 chất mới. Rồi lần lần dầu vẫn ra dầu, nước vẫn ra nước, nhưng vì đã trộn với nước, dầu không còn dùng để chiên xào được, và vì đã trộn với dầu, nước cũng không còn dùng để uống được" (11).

Dù sao trong gia-định rằng không có 1 biến chuyển chính trị nào xảy ra, chế-độ đệ nhị Cộng-Hoà vẫn tiếp tục như hiện nay thì Phong-trào Tập hợp các chính-đảng vẫn còn nhiều hy vọng thành-công tuy không nhanh chóng được, do đó, chúng tôi đã đề-nghị sự tác-động bằng kỹ thuật pháp-lý để gia tốc thêm vào sự tập-hợp các lực lượng chính-trị mà chính quyền cũng như các lãnh tụ chính-trị đang cố-gắng.

Mô thức này dựa trên các yếu-tố sau :

A.- Qui-định các điều-khoản tác-động trong luật Bầu Cử hay chính Hiến-pháp để đặt các điều-khoản tác-động trong luật Bầu-cử hay hơn nữa nếu cần tu chỉnh Hiến-pháp để đặt các điều-khoản đó vào.

Chúng ta nên theo quan-niệm tự-do hạn-chế của Hiến Pháp Đại-Hàn, tuy điều-khoản trong Hiến-pháp của họ có khắt khe, nhưng nó chỉ nhằm vào lợi-ích quốc-gia và lợi ích cho cả các chính đảng muốn hoạt-động đúng-dắn, nên các nhà lập pháp và các lãnh tụ các chính đảng không thể từ bỏ hay hiểu lầm được.

B.- Áp-dụng thể thức đầu-phiếu đa-số 2 vòng thăm

C.- Chính quyền cũng như các lãnh tụ chính-trị nên quyết tâm để tạo dựng 2 tập hợp lớn, 1 chính-lập, 1 đối-lập như Hiến-pháp mong mỏi để đi dần tới hệ thống lưỡng đảng mà hiện nay được xem như 1 kỹ-thuật hữu-hiệu làm vững bền chế-độ dân-chủ.

Chúng tôi không đoán quyết rằng sự áp-dụng mô thức dựa vào kỹ-thuật pháp lý này sẽ đi tới hệ-thống lưỡng-

đảng, nhưng chắc rằng việc đi tới 1 hệ thống 3 hay 4 đảng mạnh là điều có thể thực-hiện được trong tương-laigan đây

Trước khi chấm dứt, chúng tôi xin nói rằng, với tư cách một sinh-viên, cái nhìn có thể còn hạn hẹp và phiến-diện, nên những ý-tưởng trên chỉ vì sự mong mỏi một sinh-hoạt chính-trị ổn-dịnh cho đất nước hầu có thể tạo có các điều-kiện căn-bản đưa quốc-gia vượt xa trên đà phát-triển.

Viết xong ngày 1 tháng 6 năm 1971.



-
- (11) Nguyễn-Kim-Khánh, Vấn-đề Chính-đảng tại V.N., luận-văn tốt-nghiệp Cao-học Hành-chánh khoa I 1965-1967.
- (12) Nguyễn-Ngọc-Huy, Chánh đảng ở V.N. Nguyệt-san Cấp Tiến số 23, 24 tháng 11, 12, 1970.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I- SÁCH

A.- NGOẠI NGỮ.-

- MAURICE DUVERGER, Les partis politiques, 4^e Ed. , Paris, Armand Colin - 1961
- GEORGER BURDEAU, Traité de Science Politique, Librairie générale de Droit et de jurisprudence 1957
- G.E. LAVAU, Partis Politiques et réalités Sociales , Paris, Armand Colin, 1953
- HOWARDH PENNIMAN, The American Political Procers, D. Nostrand Company Inc, 1960
- R.W. BREWSTER, Government in Modern Society, with emphasis on American institution, Boston Houghton Mifflin 1958
- BINKLEY, WILFRED ELLSWORTH, A Grammar of American Politics, 3^d. ed. , rev. New York Knopf, 1958

B.- VIỆT NGỮ.-

- G.S. NGUYỄN VAN BÔNG, Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học, Saigon, Thủ Lâm Ấn Thư Quán 1966 tái bản, lần 3, Cấp Tiến 1971
- G.S. NGUYỄN NGỌC HUY,
 - Lịch Sử các học thuyết chính trị, Quyển I, Saigon , Cấp Tiến, 1970
 - Đề tài người ưu tú trong tư tưởng Trung Quốc cổ thời, Saigon, Cấp Tiến, 1970

- G.S. NGUYỄN MẠNH HÙNG, Định chế chính trị đối chiếu đặc khảo vùng Đông Nam Á, Giảng Văn Cao Học Hành Chánh, 1970 - 1971
- G.S. TẠ VĂN TÀI, Phương pháp các khoa học xã hội, Giảng Văn Cao Học Hành Chánh 1969 - 1970
- ĐOÀN THÊM, Lược khảo về chính đảng, in lần thứ 2, Sài Gòn Phạm Quang Khai, 1968
- ALFRED de GRAZIA, The Element of Political Science, Metron Princeton, New Jersey 1959, Chính Trị Học Yếu Lược Trung Tâm nghiên cứu Việt-Nam dịch và xuất bản 1963
- G.S. NGUYỄN THẾ ANH, Việt-Nam dưới thời Pháp đô hộ, Saigon, Lưu thông xuất bản 1970
- NGUYỄN KIM KHÁNH, vấn đề chính đảng tại V.N., Saigon, Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh, 1969
- NGUYỄN VĂN HƯƠNG, Qui chế chính đảng tại V.N., luận văn tốt nghiệp Cao Học Hành Chánh khoá 3

II - CÁC TÀI LIỆU KHÁC

- Hiến Pháp Đệ nhị V.N.C.H. ngày 1-4-1967 Bộ Thông Tin ấn hành.
- Dự số 10, ngày 6-8-1950, qui định thể lệ lập hội
- Luật số 009/69 ngày 19-6-69, Qui chế chính đảng và đổi lập chính trị.
- Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội, Tuyên ngôn, hiến chương, nội quy
- Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến,
Tuyên ngôn, điều lệ, chính cương, Tổng Bộ Tuyên Huấn ấn hành.
- Tài liệu Huấn Luyện Đoàn viên tập I
- Mặt Trận Nhân dân Cứu Nguy dân tộc,
 - Lịch sử, Cường lãnh đấu tranh
 - Điều lệ, nội quy.

- Liên Minh Dân Tộc Cách Mạng Xã Hội
Cương lĩnh chính trị, điều lệ, ấn hành 1968
- Lục Sứ đảng Tân Đại Việt
Tổng Bộ Tuyên Nghiên Huấn ấn hành 1970
- Lực Lượng Nhân Chủ Xã Hội Việt-Nam, Tuyên ngôn
con người, Tủ sách-nhân xã, 1968

III - BÁO CHÍ

- Tập San NGHIÊN CỨU HÀNH CHÍNH - TẬP I SỐ I, 1969
- Nguyệt Báo CẤP TIẾN các số
 - 19 và 20 tháng 7 và 8 năm 1970
 - 22 tháng 10 năm 1970
 - 23 và 24 tháng 1, 12 năm 1970
- Tập San Quốc Dân Xã
- Tạp Chí Trình Bày số 18 ngày 22-4-1971
- Tuần Báo Đời, số 83, ngày 20-5-1971
- Nhật báo Chính Luận các số
 - Ngày 25-3-1970
 - " 22-8-1970
 - " 29-9-1971
- Nhật báo Cấp Tiến các số
 - Ngày 8 - 99 - 1970
 - " 5 - 10 - 1970
 - " 5 - 2 - 1971
- Nhật báo Đuốc Nhà Nam
 - Ngày 4, 5-10-1970
 - " 24 - 4-1971

PHỤ BẢN

DANH SÁCH CÁC CHÍNH ĐẢNG

HỢP THỨC HÓA THEO LUẬT SỐ 009/69

ĐẾN THÁNG 5-1971

—*—

1.- VIỆT NAM NHÂN XÃ CÁCH MẠNG ĐẢNG

Nghị định số 262 - BNV/KS/14 ngày 14.4.1970

Ông TRƯƠNG CÔNG CỬU

Trụ sở : 86 Bà Huyện Thanh Quan - Saigon

2.- LỰC LƯỢNG ĐẠI ĐOÀN KẾT

Nghị định số 288 - BNV/KS/14 ngày 24.4.1970

Ông NGUYỄN GIA HIẾN

Trụ sở : 57 F đường Tú Xương - Saigon

3.- ĐẠI VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG

Nghị định số 346 - BNV/KS/14 ngày 14.5.1970

Ông HÀ THỰC KÝ

Trụ sở : 233 Đại lộ Cách Mạng - Saigon

4.- VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG KỶ ĐẢNG BỘ

Nghị định số 359 - BNV/KS/14 ngày 20.5.1970

Ông NGUYỄN HÒA HIỆP

Trụ sở : 140 Nguyễn Huệ Phú Nhuận - Gia Định

5.- VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

Nghị định số 383 - BNV/KS/14 ngày 28.5.1970

Ông VŨ HỒNG KHANH

Trụ sở : 256C Lê Văn Duyệt - Saigon

6.- MẶT TRẬN NHÂN DÂN CỨU NGUY DÂN TỘC

Nghị định số 401 - BNV/KS/14 ngày 2.6.1970

Ông TRẦN VĂN ĐÓN

Trụ sở : 205 Hồng Bàng - Cholon

7.- PHONG TRÀO QUỐC GIA CẤP TIẾN

Nghị định số 456 - BNV/KS/14 ngày 29.6.1970

Giáo sư NGUYỄN NGỌC HUY

Trụ sở : 242 Ter Phan đình Phùng - Saigon

8.- TẬP ĐOÀN CỰU CHIẾN SĨ HÒA HẢO DÂN XÃ

Nghị định số 457 - BNV/KS/14 ngày 29.6.1970

Ông LÂM THÀNH NGUYỄN

Trụ sở : 368 B Lê Văn Duyệt - Saigon

9.- VIỆT NAM DÂN CHỦ XÃ HỘI ĐẢNG

Nghị định số 474 - BNV/KS/14 ngày 3.7.1970

Ông TRỊNH QUỐC KHÁNH

96 Ter Trịnh Minh Thế - Saigon

10.- LIÊN MINH PHỤC VIỆT QUỐC GIA

Nghị định số 1039 - BNV/KS/14 ngày 8.12.1970

Ông BÙI VĂN SÉT

Trụ sở : 139 Nguyễn Thông - Saigon

11.- PHONG TRÀO TÂN DÂN

Nghị định số 1051 - BNV/KS/14 ngày 9.12.1970

Ông NGUYỄN THÀNH VINH

Trụ sở : 78 Nguyễn Trãi - Saigon

12.- LỰC LƯỢNG TỰ DO DÂN CHỦ

Nghị định số 1105 - BNV/KS/14 ngày 30.12.1970

Ông NGUYỄN VĂN HƯƠNG

Trụ sở 206 Phan đình Phùng - Saigon

13.- PHONG TRÀO PHỤC HUNG MIỀN NAM

Nghị định số 05/BNV/KS/14 ngày 2.1.1971

Ông NGUYỄN KHẮC THÀNH

233/9 Nguyễn văn Thoại - Saigon

14.- PHONG TRÀO TÂN XÃ HỘI VIỆT NAM

Nghị định số 355 - BN/V/KS/14 ngày 21.4.1971

Ông NGUYỄN BÁ LƯƠNG

Trụ sở : 574bis Trần Hưng Đạo - Saigon

15.- VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG THỐNG NHẤT

Nghị định 381 - BN/V/KS/14 ngày 29.4.1971

Ông NGUYỄN ĐÌNH LƯỢNG

Trụ sở : 428 Phan Thanh Giản - Saigon.